

NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU / KẾ

KIỂM KÊ
2011

LỤC - VÂN - TIÊN

BẢN HIỆU ĐÍNH của Ủy ban soạn định
các tác phẩm của Nguyễn - Đình - Chiểu
PHỤ BẢN: bản chữ Nôm của Trần-
Ngươn-Hanh trong **Lục-Vân-Tiên Ca Diễn**
của A. des Michels ấn hành năm 1883 tại Paris

TỦ SÁCH VĂN HỌC
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
8, Nguyễn-Trung-Trực — Saigon
1973

Mục Lục

<i>Phi lộ</i>	VII
<i>Thay lời tựa</i>	IX
<i>Bản hiệu đính</i>	25
<i>Bảng liệt kê những chữ sai biệt và các chữ Nôm đề nghị đính chánh</i>	165
<i>Phụ bản chữ Nôm</i>	

Phi lộ

Trong dịp Lễ kỷ niệm Tiên nho Nguyễn-Đình-Chiều ngày 16-7-1971, nhiều văn nhân nhận thấy các bản Truyện Lục-Vân-Tiên hiện lưu hành khác nhau rất nhiều nên có đề nghị với Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa cho tái bản một quyền Lục-Vân-Tiên thật gần với nguyên tác để làm tài liệu giáo khoa.

Thề theo đề nghị nói trên, ngày 21-9-1971, Phủ Văn-Hóa thành lập một Ủy ban phụ trách san định các tác phẩm của Nguyễn-Đình-Chiều. Ủy ban khởi sự hiệu đính quyền Lục-Vân-Tiên.

Nay công việc đã hoàn tất, Phủ Văn-Hóa trang trọng ấn hành hiệu bản Lục-Vân-Tiên này với bản

chữ Nôm ở phần sau sách, nguyên là bản Nôm trong quyển Lục-Vân-Tiên Ca Diễn của Abel des Michels (Paris : Ernest Leroux Editeur, 1883).

Ủy ban sẽ tiếp tục hiệu đính các tác phẩm Dương-Từ Hà-Mậu, Ngư Tiều Vãn Đáp Nho Y Diễn Ca. Phủ Văn-Hóa thỉnh cầu quý vị học giả, tư nhân, ai có tài liệu chi về hai quyển này vui lòng cho mượn hoặc nhượng lại để giúp thêm tài liệu tham khảo.

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

Thay lời tựa

Trong **Tri-Tân** số 105/1943, ông Dương-Quảng-Hàm viết: «... Nhân tôi có dịp so sánh mấy bản in (cả bản nôm lẫn bản quốc ngữ) cuốn truyện **Lục-Vân-Tiên** thì tôi nhận thấy rằng các bản tôi được xem có thể chia làm hai loại :

1. Các bản in về loại A có thể lấy bản in do Abel des Michels xuất bản ở Paris năm 1883 làm mẫu ;
2. Các bản in về loại B có thể lấy bản in do hiệu sách Kim-Khuê xuất bản ở Hà-Nội làm mẫu.

...Cả về số câu, bản B cũng hơn bản A nhiều: thường có nhiều đoạn ở bản B có mà bản A không có, hoặc ở bản A thì ngắn mà ở bản B thì dài hơn; một đôi khi lại trái lại thế.

Những điều ấy tỏ ra rằng: trong hai bản ấy, một bản là nguyên văn do Nguyễn-Đình-Chiều viết ra mà bản kia là do một văn sĩ nào đó có lẽ quê ở ngoài Bắc đã nhân bản trên mà sửa lại, có thể nói là làm lại cũng đúng.

...Tôi có cái cảm tưởng rằng bản A là bản nguyên tác của tác giả mà bản B là bản sửa lại. Vì trong bản A, ta thấy có ít nhiều tiếng hoặc chỉ dùng riêng trong Nam-Kỳ hoặc thông dụng ở trong Nam hơn ở ngoài Bắc như **bậu** (mày), **đặng** (được), **rồi** (xong), **rày** (nay), **nhuộm** (mắc) **bịnh**, **hãy tua** (nên), **chậm chậm**, **dật dờ** **hồn mai**, **xổn xang gan vàng**, v.v... »

Cũng năm 1943, trong **Nam-Kỳ Tuần-Báo** « Đặc biệt về Nguyễn-Đình-Chiều », ông Ngọc-Xuyên — trong Ủy Ban Phan-Thanh-Giản — đã có ghi ra nhiều chỗ dị đồng giữa 12 bản **Lục-Vân-Tiên** (2 bản Nôm — 1 bản in, 1 bản chép tay — và 10 bản Quốc ngữ) mà ông đã gom góp được; cả cái họ Lục và tên truyện

Tây-Minh cũng khác nhau : 陸 với 琴 và 西銘 với 西明 ¹.

1. Về họ Lục thì bản A. des Michels : 陸 ; bản Duy-Minh-Thị : 蔭. (Theo Phan-Văn-Hùm thì nên viết 蔭 vì vốn có họ 蔭, lại thêm do hai chữ Lục Nga 蔭莪, một thiên trong **Kinh-Thi** nói về hiếu đạo mà Lục-Vân-Tiên và Kiều-Nguyệt-Nga trọn đời vẹn giữ).

Về tên truyện thì bản A. des Michels : 西銘 ; bản Duy-Minh-Thị : 西明.

Chữ « Minh » nào đúng ? Và Tây-Minh là truyện nào hay tên một nước nào ? — Theo thiển ý của chúng tôi thì trong **Lục-Vân-Tiên**, tác giả chỉ tưởng tượng, nhắm mục đích dùng những câu thơ bình dị cho dễ nhớ để dạy con em đạo Trung Hiếu Tiết Nghĩa, không chú trọng đến sự đích xác của truyện tích, thời đại, địa điểm. Bởi thế ta mới thấy nhiều chỗ sai hẳn sự thật, như :

— khi thầy bói ở bên Trung-Hoa nói chuyện mà bảo có « khay trầu » ;

— thời Sở-Vương (thuở Xuân-Thu Chiến-Quốc, trước Tây-Sở Bá-Vương Hạng-Võ, nghĩa là cả 5-7 thế kỷ trước công nguyên) mà kể tích Lý-Thế-Dân nhà Đường, thầy Liêm thầy Lạc nhà Tống (vào thế kỷ thứ 7 và 12) ;

— Vân-Tiên cùng Tiều-đồng đương ở trên đất Tàu mà đi ngang Cầu Lá-Buôn (thứ lá và cái tên hoàn toàn Việt-Nam, và sông Lá-Buôn thì ở Biên-Hoà) ;

— ải Đồng-Quan thi ở ngã ba Huỳnh-Hà và Vị-Giang (sông Vị là chỗ Khương-Tử-Nha nhà Châu câu

→

Cũng trong số **Nam-Kỳ Tuần-Báo** đặc biệt này, ông Khuông-Việt, đã kê ra có cả thảy 27 bản **Lục-Vân-Tiên** đã xuất bản kể cả bản Nôm, bản Quốc ngữ và bản dịch ra Pháp văn.

Nay, theo sự hướng dẫn của ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, chúng tôi tùy khả năng của mình cố gắng đưa quyển **Lục-Vân-Tiên** về gần với nguyên tác. (Chúng tôi xin lặp lại là « gần với » chứ không dám nói là « đúng với »).

Muốn được vậy, chúng tôi chọn một quyển nào xuất bản trong thời cụ Nguyễn-Đình-Chiêu còn sanh tiền và gần giống nhất với bản **Lục-Vân-Tiên** mà từ trước đến nay nhiều người — dầu biết chữ hay không — ở thôn quê miền Nam thuộc lòng... đề « nói thơ Vân-Tiên ».

Chúng tôi đã thuê thập được mười bản —

→
cá) và trên đường vào đất Quan-Trung (Thiền-Tây), xa Đông-Hải hàng ngàn cây số, vậy mà thuyền đến ải Đồng thì « mênh mênh biển rộng, đùng đùng sóng xao », nên trong đêm khuya Nguyệt-Nga nhảy xuống Huỳnh-Hà rồi sáng ra tấp ở mé biển...

Vậy chúng ta cũng chẳng cần tra cứu xem là **Lục** này hay **Lục** kia, **Minh** này hay **Minh** nọ.

một bản Nôm và chín bản Quốc ngữ — hoặc in hoặc chép tay như sau :

1.— Bản Nôm **Duy-Minh-Thị**¹ do Bửu-Hoa-Các xuất bản tại Phật-Sơn, không đề năm nào, rất cũ, nhưng chắc là trước 1865 (vì theo ông Khuông-Việt thì bản Nôm Duy-Minh-Thị tàng trữ tại Thư-Viện Quốc-Gia Sài-Gòn in năm 1865, do hiệu sách Quảng-Thanh-Nam ở Chợ-Lớn xuất bản, có Tôn-Thọ-Tường trông nom việc ấn loát. Bản đây là bản in lại và có lẽ ít sai hơn bản in tại Trung-Hoa).

2. Bản **Janneaux**^{*}, chép tay, quá cũ, mất

1. Duy-Minh-Thị là Trần-Quang-Quang 陳光光 ở Xóm Dầu tức An-Bình (Chợ-Lớn), làm Kinh-lich (let-tré) khi người Pháp mới sang, nên ở trang tên sách **Lục-Vân-Tiên truyện** có đề « Gia-Định-~~Phật-Sơn~~ Duy-Minh-Thị đình chánh — Phật-Sơn Bửu-Hoa-Các tàng bản ». (Phật-Sơn là một đại trấn, lý sở huyện Nam-Hải, tỉnh Quảng-Đông, gần Phiên-Ngung (của Triệu-Đà) và Quảng-Châu ngày nay).

Duy-Minh-Thị thường thêm vào biệt hiệu ba chữ « Phụng-Du-Lý » (Xóm Dầu Phụng), có soạn sách địa lý **Nam-Kỳ Dư-Đja-Chí** và sử ký **Đại-Nam Thực-Lục** (phỏng theo sách **Thực-Lục** của Quốc-Sử-Quán Huế), gồm 4 quyển, chỉ thuật chuyện « Gia-Long tâu quốc ».

*. Bản A. des Michels viết : Janneaux.

những chữ, không đề bản 1867 hay 1873 (vì theo Abel des Michels — ở «Lời Nói Đầu» — thì Janneaux xuất bản quyển **Lục-Vân-Tiên** tại Sài-Gòn năm 1867; còn theo hai ông Ngạc-Xuyên và Khuông-Việt thì bản Janneaux xuất bản tại Paris năm 1873, do lệnh của Phó Đê-đốc Dupré, Thống-đốc Nam-Kỳ, với câu «transcrit pour la première fois en caractères latins d'après les textes démotiques»).

3. Bản **Abel des Michels** gồm bản Quốc ngữ ở Phần Trước với bản Pháp văn đối chiếu, và bản Nôm ở Phần Sau (Paris, 1883).

4. Bản Trương-Vĩnh-Kỳ, chép tay, quá cũ, mất nhiều chữ, không đề bản 1889 hay bản 1897 (vì có hai bản thường thấy lưu hành ở miền Nam khi xưa: 1 bản in năm 1889 và 1 bản in lần thứ Tư năm 1897).

5. Bản **Solirène**, tức bản Nhà Thuốc Tây G. Renoux (Saigon, 1913).

6. Bản **Trần-Phong-Sắc** (Saigon: Imprimerie J. Việt, 1921).

7. Bản **Nghiêm-Liễn** (Hanoi: Ed. Lê-Văn-Tân, 1927).

8. Bản **Dương-Quảng-Hàm** (Hanoi : Ed. A. de Rhodes, 1944).

9. Bản **Ngọc-Hồ** (Sài-Gòn : Nhà Xuất bản Phạm-Văn-Tươi, 1956).

10. Bản **Tân-Việt** (Sài-Gòn : in lần thứ Tư, không đề năm xuất bản, Kiểm duyệt ngày 1-8-1956, số 969/T.X.B.).

Trong 10 bản này, theo thứ tự trước sau thì bản xưa nhất là bản in Duy-Minh-Thị ¹, nhưng bản này lệch lạc quá nhiều ; lý do chánh là nhờ người Trung-Hoa ở tận Quảng-Đông khắc bản gỗ chữ Nôm. Xin kể vài điểm :

— « **Chẳng** qua là sự **bất thành** », in « **bất bình** » ;

— « **tám** câu năm vần », in « **ba** câu... » ;

— so hơn làm **gi**,... của ai làm **gi**, tài gái kém **gi**... : các chữ « **gi** 𠵼 » đều in là « **minh** 明 » ;

— « **Võ** tay xuống **chiếu** **một** khi », in

1. Bản dịch **Lục-Vân-Tiên** ra Pháp văn của Auberet năm 1864 có thể là do bản Nôm của Duy-Minh-Thị in tại Phật-Sơn.

« **xuống đất nổi khi** » (thì ra ông quán ngồi bẹp dưới đất, và chữ « **một** 沒 » khắc lằm ra chữ « **nổi** 沒 »):

— « **ông Y, ông Phó** » (chỉ Y-Doãn và Phó-Duyệt), in « **ông Y, ông Doãn** »:

— Tên của Nguyệt-Nga thì khi in 娥, khi in 娥;

— « **Tôn-Tần** », in « **Tổn 遜** »:

— « **Gặp nhau đương lúc giữa dằng** », in « **Đương khi phản lục 返陸 giữa dằng** »:

— v.v.

— **Nhứt là bài thơ của Nguyệt-Nga làm — và được Vân-Tiên khen hay đáo đẽ — thì không thi vị một chút nào, lại không đúng niêm luật, vậy chắc chắn không phải do Nguyễn-Đình-Chiều soạn ¹. Bởi thế, chúng tôi không chọn bản Duy-Minh-Thị.**

1. Bài thơ trong bản Duy-Minh-Thị in tại Phật-Son:

Toại (a) xa thiên lý cấp bôn hành,
Chàng ngộ Phong-Lai đoạt lộ trình.
Thục nữ lằm nguy vô thoát miễn,

→

Kể đó là bản Quốc ngữ của Janneaux, xuất bản tại Sài-Gòn năm 1867 và tại Paris năm 1873.

Tiếp theo là bản Abel des Michels, xuất bản tại Paris năm 1883 với « Lời Nói Đầu » viết từ ngày 15-9-1881. A. des Michels viết rõ là ông có sẵn ba bản **Lục-Vân-Tiên** : 1 bản Nôm in (hẳn là bản Duy-Minh-Thị, nhưng không nói rõ là bản in ở Quảng-Đông hay in ở Chợ-Lớn), 1 bản Nôm chép tay (nhiều câu hơn bản Nôm in) và 1 bản Janneaux. Cho là nôm mỗi người một cách, đọc mỗi người một lối, khiến giữa ba bản này có rất nhiều dị đồng; lại thêm bản nào cũng có rất nhiều sơ suất, như là không chấm câu cho rành rẽ, nên A. des Michels — Giáo sư Trường Sanh-Ngữ Đông-Phương tại Paris — bèn do ba bản có sẵn này mà hiệu đính lại cho

→

Quân tử hạnh phùng triển bình sanh.
Lương tự ân tình nan phân giải,
Bán đồ khổ liệu lượng hà thành.
Thỉnh lai hồi quán do nghiêm mẫu (b),
Chiếu hữu văn thơ hiển thịnh danh.

(a) Bản Duy-Minh-Thị in « toại 透 » mà ở đây tưởng nên đọc « tụy », là « tấn, tiến ». Lại không rõ do đâu mà ông Ngạc-Xuyên và bản Trần-Vĩnh-Quang chép là « **Biền xa** ».

(b) Không thấy nói Nguyệt-Nga có « nghiêm mẫu » !

gần với nguyên tác và cố gắng chấm câu cho đúng với lối hành văn Đông-Á ¹.

A. des Michels so di sánh lại những chỗ dị đồng giữa ba bản sẵn có, và ngược hẳn với Janneaux (từ chữ Nôm phiên ra Quốc ngữ),

1. A. des Michels cố chấm câu rất kỹ nhưng khi thì « quá Tây », quá theo văn phạm Pháp, khi thì bừa bãi, như :

- Hỡi ai ! Lẳng lẳng mà nghe !
- Tháng ngày bao quản ? Sân Trình lao đao.
- Sau, dầu tỏ nổi đục trong,
- Tôn sư ngồi. Hỡi ! Thở than !
- dung nhan, lạnh lòng ?
- Cha làm Tri phủ ; ngồi miền Hà-Khê ;
- Hay vậy, cũng chẳng thương trính ! Làm chi ?
- Nào ai tính thiệt so hơn ? Làm gì ?
- Thấy trâm ! Thôi ! Lại thẹn cùng cây trâm !
- Công rằng : « Nầy bớ ! Hai con !
- v.v. và v.v.

— Nhưt là câu « Nắng, dùn chóp nón ; mưa, dầm áo toi » thì chấm câu quá cưỡng ép để « dùn » và « dầm » thành động từ hầu dịch cho qua : dùn : lâcher, relâcher (nghĩa như « buông tha », ít nghe nói) ; dầm : mouiller, faire mouiller. — Mưa dầm áo toi, dịch : lorsqu'il pleut, on laisse mouiller le manteau de feuilles. Người Việt hiểu ra làm sao ? Và làm sao « ứng » với câu trên « Máy ai ở đặng hảo tâm » ?

A. des Michels phiên bản *Janneaux* từ Quốc ngữ (tự nhiên đã có sửa chữa rất nhiều) ra chữ Nôm — nhờ ông Trần-Nguơn-Hanh ¹ làm việc này — rồi lại từ chữ Nôm phiên lại Quốc ngữ, nhiên hậu mới dịch ra Pháp văn để dạy học trò ².

1. Trần-Nguơn-Hanh là viên Tri-huyện hạng nhất thời ấy và khoảng 1881 được qua Pháp làm « répétiteur » (giáo sư ôn tập) dạy tiếng Việt. Ông này có lẽ **thuộc lòng** truyện **Lục-Vân-Tiên** nên bản của ông phiên có nhiều chữ khác với ba bản sẵn có của A. des Michels — mà chúng tôi sẽ trình bày trong « Phần Chép Truyện » và « Phần Phóng Ảnh ». Chắc ông này thông chữ Nôm và chữ Hán, có soạn quyển **Tự Điển Chữ Nôm** (a); nhưng có thể ít thông Bắc-sử nên ông viết sai quá nhiều tên họ người Trung-Hoa thời xưa trong truyện **Lục-Vân-Tiên** — như chúng tôi cũng sẽ trình bày trong « Phần Chép Truyện » và « Phần Phóng Ảnh ».

(a) Chúng tôi nhờ ông Vương-Hồng-Sễn cho mượn quyển này để kê cứu.

2. Nguyên văn của Abel des Michels trong « Lời Nói Đầu » (Introduction) ở ba trang IX, X và XI : «... Nous avons d'abord pris la peine de transcrire nous-même en caractères figuratifs le texte publié par *Janneaux*, refaisant ainsi, en sens inverse, le même travail que lui. Nous aurions pu nous en contenter et l'annexer à la transcription de cet auteur, de qui l'œuvre pure et simple nous aurait alors servi de base

→

Phiên qua phiên lại xong xuôi, A. des Michels bèn sắp bản Quốc ngữ ở Phần Trước — với bản dịch Pháp văn đối chiếu, có chú giải — và sắp bản Nôm ở Phần Sau ; Phần Cuối lại thêm 170 câu mà ông gọi là « Pièce additionnelle » (Văn kiện tặng bổ) và ba « Variantes » (Dị đồng), chia ra : Văn kiện tặng bổ có 14 câu (nói chuyện thầy của Vân-Tiên hóa làm ông quán) ; Dị đồng I có 34 câu ; Dị đồng II có 32 câu ; Dị đồng III có 90 câu (Vân-Tiên làm vua).

Việc làm của A. des Michels xét ra cũng rất công phu và khoa học.



→

pour la traduction que nous nous proposons de faire. Mais comme, ainsi que nous venons de le dire, notre manuscrit était beaucoup plus étendu, nous chargeâmes le savant lettré Trần Nguơn Hanh de le fonder avec le texte de Janneaux, en transcrivant de nouveau ce dernier, qui se trouvait ainsi complété par l'introduction dans ce travail de plusieurs passages très considérables qui manquent dans le texte en Quốc ngữ et que le manuscrit contient. Une fois en possession d'un texte en Chữ nôm qui pût nous servir de base, nous avons commencé par en établir la transcription exacte en caractères Quốc ngữ, ce qui nous a amené à opérer dans le texte de Janneaux une quantité très considérable de corrections.... »

NI — lo, chúng tôi quyết định chọn bản
els làm căn bản, bởi hai lẽ :

1.— Bản này gần với nguyên tác hơn hết,
vì rất lời nói miền Nam, rất bình dị mộc mạc
và **RẤT GIỐNG** với « *Thơ Vân-Tiên Nói Thuộc
Lòng* » ở khắp Lục-Tĩnh ;

2.— A. des Michels đã điều chỉnh ba bản
xưa nhất, lại có đủ Phần Quốc Ngữ và Phần
Nôm để tiện việc kiểm điểm.

Sau đó, chúng tôi chọn năm bản gần nhất
với bản A. des Michels về văn từ để liệt kê
những chỗ sai biệt, rồi lo việc hiệu đính.

Năm bản đó là :

1. Bản **Janneaux** mà chúng tôi ghi là **bản J** ;
2. Bản **Trương-Vĩnh-Ký** " **K** ;
3. Bản **Ngọc-Hồ** " **N** ;
4. Bản **Solirène** " **S** ;
5. Bản **Tân-Việt** " **T**.

Ngoài ra, để giải quyết những chỗ nghi
ngờ về chữ dùng (tiếng xưa), chúng tôi nhờ
bản **Trương-Vĩnh-Ký** vì bản này in ra gần với
lúc quyền **Lục-Vân-Tiên** được tác giả Nguyễn-

Đình-Chiều sửa chữa — đôi chút lấy lệ — do viên Tham-biện Bến-Tre là Ponchon thỉnh cầu vào tháng 11 năm 1883¹ dẫu rằng bản Trương-Vĩnh-Ký của chúng tôi quá cũ kỹ, rách mất nhiều chữ, tức nhiên là không được đầy đủ; chúng tôi lại nhờ Dictionnaire Annamite-Français của Génibrel, xuất bản lần thứ 2 năm 1898, và Đại-Nam Quốc-Âm Tự-Vị của Huỳnh-Tĩnh-Cửa, xuất bản quyển I năm 1895 và quyển II năm 1896, hai bộ tự điển ru dòi gần nhất với thời cụ Nguyễn-Đình-Chiều (có những tiếng mà nay đã thành tử ngữ) và có nhiều từ ngữ mà người mọc mạc miền Nam quen dùng; hơn

1. Vào tháng 11/1883 (năm mà bản A. des Michels ra đời tại Paris), một người Pháp ở Bến-Tre tên Pillet có viết bài trong báo *Indépendant de Saigon* tha thiết yêu cầu Hội-đồng Quản-hạt cho xuất bản một bản chánh thức, đúng đắn, hoàn bị của tập thơ **Lục-Vân-Tiên** mà những nhà bình phẩm đều nhận là sai s्यूँ (reconnaissant tous l'altération). Cũng vào tháng 11/1883 này, viên Tham-biện Bến-Tre là Ponchon có đến Ba-Tri viếng cụ Nguyễn-Đình-Chiều, đưa tặng cụ một quyển **Lục-Vân-Tiên** chữ Nôm đóng bìa thật đẹp và nhờ cụ nhuận chính. Nể lời nên nhận lời; nhưng cụ « làm lấy lệ ». (Nếu là Duy-Minh-Thị hay Tôn-Thọ-Tường hoặc cả Trương-Vĩnh-Ký đến, chắc chắn là không được tiếp).

nữa, nhiều lần Génibrel chép nguyên câu trong
Lục-Vân-Tiên.



Chúng tôi xin trình bày hai Phần riêng
biệt :

I. Phần Đầu là bản Quốc ngữ tức « Phần
Chép Truyện » — sau khi hiệu đính — có ghi :

a) Những chữ sai biệt giữa bản A. des Mi-
chels với 5 bản kể trên ;

b) Những chữ sai biệt cả với bản Nôm của
Trần-Nguơn-Hanh ở Phần Sau ;

c) Lại chưa thêm những điểm còn nghi ngờ
hay cần đính chánh.

II. Phần Sau là « Phần Phóng Ảnh » bản
Nôm (để giữ đúng chữ viết của ông Trần-
Nguơn-Hanh trong bản A. des Michels). Tiếp
theo « Phần Phóng Ảnh » này, chúng tôi có
lập một bảng :

a) Ghi những chữ sai biệt giữa bản Nôm
với bản Quốc ngữ của A. des Michels ;

b) Hai những chữ Nôm và chữ Hán tương

cần phải đính chính trong bản Nôm của Trần-Nguơn-Hanh, nhất là về nhân danh và địa danh của Trung-Hoa ;

c) Phụ chú một số chữ Nôm mà có nhiều người đọc khác nhau.

*Chúng tôi hầu hết là những kẻ sanh trưởng tại vùng quê miền Nam, quen nghe tiếng nói mộc mạc của người miền Nam bình dân, từ nhỏ thường nghe ông già bà cả **Nói Thơ Văn-Tiên**. Với thành tâm thiện chí, chúng tôi cố gắng đưa truyện **Lục-Vân-Tiên** về gần với nguyên tác của cụ nho Nguyễn-Đình-Chiêu, nhưng những e không khỏi còn nhiều chỗ sai lầm, ngưỡng mong các bậc cao minh vui lòng tha thứ và chỉ giáo.*

ỦY BAN SAN ĐỊNH CÁC TÁC PHẨM
CỦA NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU

Chủ tịch : Ô. Lê-Thọ-Xuân

Phó chủ tịch : Ô. Đỗ-Thiếu-Lãng

Tổng thư ký : Ô. Tăng-Văn-Hí

Hội viên : Bà Ai-Lan, Ô.Ô. Bùi-Đức-Tĩnh, Lê-
Ngọc-Trụ, Nguyễn-Văn-Y, Ngọc-Hồ,
Trần-Văn-Mãi, Vũ-Văn-Kính.

*Ủy ban làm việc dưới sự hướng dẫn của Cụ Mai-
Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.*



Lục-Vân-Tiên ca diễn

Trước đèn xem truyện Tây-Minh,
Ngã (1) cười hai chữ nhờn tình éo le.
Hỡi ai lẳng lạng mà nghe,
Giữ răn việc trước, *lánh* dè thân sau (2).

Xin chú ý:

A. chỉ bản A. des Michels.

J. chỉ bản Janneaux.

K. chỉ bản Trương-Vĩnh-Ký.

N. chỉ bản Ngọc-Hồ.

S. chỉ bản Solirène.

T. chỉ bản Tân-Việt.

4. K.N.S.T. Dữ.... lảnh

(1) Các bản: *Gã*m.— Chữ 吟 Génibrel và Hưnh-Tĩnh-Cửa đọc hai âm: *gã*m và *ngã*m. Chỗ này bản Nôm viết 吟, còn ở những chỗ khác thì viết 錦 hoặc 錦 (mượn âm Gã)m, nên ở đây, xin phiên *ngã*m, rất hợp.

(2) Người miền Nam thường « nói thơ Vân-Tiên » với tiếng « lảnh »; vả lại Génibrel, ở trang 380, có chép trọn câu (phần chữ « lảnh »): *Giữ răn việc trước*

→

5. Trai thời trung hiếu làm đầu,
 Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.
 Có người ở quận Đông-Thành,
 Tu nhơn tích đức sớm sanh con hiền.
 Đặt tên là Lục-Vân-Tiên,
10. Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.
 Theo thầy nấu sủ xôi kinh,
 Tháng ngày bao quản sân Trình lao đao.
 Văn đã khởi phụng đẳng giao,
 Võ thêm tam lược lục thao ai bì.
15. Xảy nghe mở hội khoa thi,
 Vân Tiên vào tạ tôn sư xin về :
 « Bấy lâu cửa thánh dựa kê,
 Đã tươi khi tượng lại xuê linh thần.

14. K.N.S.T. *ba lược sáu thao*

→ *lánh dè thân sau*, và dịch sát nghĩa : Tenir compte des enseignements du passé, et se mettre en garde pour l'avenir. Trong *Lục-Vân-Tiên Ca Diễn*, A. des Michels cũng dịch : Tirez du passé ses enseignements pour éviter les malheurs de l'avenir.

Ủy ban chúng tôi có viết thư hỏi hai người cháu nội của tác giả là bà Nguyễn-Thoại-Long và bà Nguyễn-Kim-Phụng (hiện ở tại xã Mỹ-Chánh-Hòa, quận Ba-Tri, tỉnh Kiến-Hòa). Hai bà cũng trả lời xác nhận câu ấy là : *Giữ rắn việc trước, lánh dè thân sau.*

CA ĐIỂN

- Nay đà gặp hội long vân,
20. Ai ai mà chẳng lập thân buổi này.
Chi lăm bản nhận ven mây,
Danh tôi dặng rạng tiếng thầy đồn xa.
Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo bổ, sau là hiền vang. »
25. Tôn sư bàn việc tai nạn :
« Gẫm trong số hệ khoa tràng còn xa.
Mây trời chẳng dám nói ra,
Xui thầy thương tứ xót xa trong lòng.
Sau dầu tỏ (1) nổi đục trong,
30. Phải toan một phép đề phòng hộ thân.
Rày con xuống chốn phong trần,
Thầy cho hai đạo bùa (2) thần đem theo.
Chẳng may mà gặp lúc nghèo,
Xuống sông cũng vững lên đèo cũng an. »
35. Tôn sư vào chốn hậu đàng, ..

19. T. phong

22. K.N.S.T. bay.

25. K.S.T. luận.

31. N. hồng.

33. N. gặp lúc hiểm.

35. K.S. trở lại.

(1) Bản Nôm : rõ.

(2) Các bản : phù (chữ 符 đọc Nôm : bùa).

- Vân-Tiên ngờ ngần lòng càng sanh nghi.
Chẳng hay mình mắc việc chi,
Tôn sư người dạy khoa kỳ còn xa.
Hay là bối rối việc nhà,
40. Hay là đức bạc, hay là tài sơ.
Bấy lâu *ra sức công thơ*,
Hội này chẳng gặp còn chờ *hội* nao.
Nên hư chẳng biết làm sao,
Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho minh.
45. Đặng cho *tổ* nổi sự tình,
Ngõ sau ngàn dặm đặng trình mới an.
Tôn sư ngồi *hãy* thở than,
Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.
Hỏi rằng : « Vạn lý trường đồ,
50. Sao chưa cất gánh *trở vô* việc gì ?
Hay là con *hãy* hồ nghi,
Thầy bàn một việc khoa kỳ *còn xa* ? »
Vân-Tiên *đặt* gối *thừa* qua :

41. J.N.S.T. lòng những ước mơ.

42. A. Hỏi... hỏi.

45. T. rõ. Bản Nôm : rõ.

47. S. hỏi.

50. N. còn phộ.

52. K.N.S.T. ban trưa.

53. K.N.S.T. nghe nói liền thừa.

CA ĐIỂN

- « Tiều sanh chưa *hản việc nhà dường bao*.
55. *Xuân* (1) *huyên* tuổi hạc đã cao,
Xin thầy *bày tỏ* âm hao *cho* tường. »
Tôn sư nghe nói thêm thương,
Dắt tay ra chón tiền đường coi (2) trắng.
Nhơn cơ *tự sự phân* rằng :
60. « Việc người chẳng khác việc trắng trên
trời.

- Tuy là soi khắp *nơi* nơi,
Khi mờ khi tỏ khi vui khi đầy.
Sau con *cũng* *tỏ* lẽ này,
Lựa là *trước* phải hỏi thầy làm chi.
65. Số con hai chữ khoa kỳ,
Khôi tinh đã rạng, Tử vi thêm lò.
Hềm vì Ngựa *hãy* còn xa,

54. N.S.T. biết nắng mưa buổi nào — K.... thế nào.

55. K.N.S.T. Song đường.

56. S. nói lại.

K.T. nói lại... con tường.

59. K.N.S.T. tàng sự dặn.

61. N. các nơi S.T. mọi nơi.

63. N.T. Sao con *chẳng* rõ.

64. S.T. con.

67. K.N.S. *chạy* còn T. chạy đường.

(1) Cũng đọc : Thung.

(2) Bản Nôm : xem.

- Thỏ vừa lỗ hổng, Gà đà gáy tan.
 Bao giờ cho tới Bắc phang,
 70. Gặp Chuột ra đàng con mới nên danh.
 Sau dầu đăng chữ hiển vinh,
 ... Mấy lời thầy dạy tiền trình chẳng sai.
 Trong cơ bĩ cực thời lai,
 Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn. »
75. Vân-Tiên vội vã tạ ơn :
 « Trăm năm xin gắng kéo sơn như lời. »
 Ra đi vừa rạng chơn trời,
 Ngủ ngùi ngó lại nhớ nơi học đường. (1)
 Tiên (2) rằng : « Thiên các nhưt phương.
80. Thầy đeo đoạn thảm, tớ vương mỗi sần.
 Quần bao thân trẻ dải dầu,
 Mang đai Tử-Lộ quảy bầu Nhan-Uyên.
 Bao giờ ngư thủy gặp duyên,
 Rạng danh con thảo, phi nguyên tôi ngay. »

72. S.T. nói.

73. N.S.T. con.

76. N. đốc giữ K.S.T. đốc giữ.... mọi lời.

80. N. ta T. tơ.

83. A. Bây giờ — K.N.S.T. cả nước.

84. K.S.T. Đặt cho.

(1) Bản Nôm : học trường.— Câu 18 của Variante III cũng viết : học trường.

(2) Bản Nôm : Than.

CA ĐIỂN

85. Kể từ *tách* dặm đến nay,
Mỗi mê *lính* đã mấy ngày xông sượng.
Đoái nhìn phong kiếng thêm thương,
Bơ vơ dặm cũ nẻo đường còn xa.
Chi bằng vào chốn lân gia,
90. Trước là tìm bạn, sau là nghỉ chừ.
Việc chi *la* khóc tung biring,
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non.
Tiên rằng: « Bớ chú công con,
Việc chi nên nổi bon bon chạy hoài? »
95. Dân rằng: « Tiền tử là ai?
Hay là một lũ sơn đài theo tao? »
Tiên rằng: « Cớ sự làm sao,
Hãy đừng gót lại mà trao một lời. »
Dân nghe tiếng nói khoan thai,
100. Kêu nhau đứng lại *vài* lời phân quã:
« Nhon rày có đảng lâu la,
Tên là Đổ-Dự hiệu là Phong-Lai,

85. S.T. lược.

86. S.S.T. hạo.

88. K.N.S.T. Vời vời

89. K.S.T. kiếm.

91. K.S.T. than.

96. N.S.T. đảng.

98. N.S.T. Xin ngừng vài bước sẽ.

100. N.S.T. bày.

- Nhóm nhau ở chốn sơn đài,
 Người đều sợ nó có tài khôn đương.
105. Bây giờ xuống cướp thôn hương,
 Thấy con gái tốt *qua* đường bắt đi.
 Xóm làng chẳng dám nói chi,
 Cám thương hai *ả* nữ nhi mắc nài.
 Con ai vóc ngọc mình vàng,
110. Má đào mày liễu dung nhan lạnh lùng.
 E khi mắc đảng hành hung,
 Ưng trang thực nữ sánh cùng thất phu.
 Thôi thôi chẳng dám nói lâu,
 Chạy đi cho khỏi kẻo âu tới mình. »
115. Vân-Tiên nổi giận lôi đình,
 Hỏi thăm : « Lũ nó còn *đình* nơi nao ?
 Tôi xin ra sức anh hào,
 Cứu người cho khỏi lao đao buổi này. »
 Dân rằng : « Lũ nó còn đây,
120. Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành.
 E khi họa hổ bắt thành,
 Khi không mình lại *chón* mình *xuống*
hang. »

106. S. ra.

108. A.K.S.T. gã. Bản Nôm : ả.

115. N. trận.

116. N. rình.

122. K. *xô* mình N. *dem* mình S.T. *xô* mình vào
 hang.

CA ĐIỂN

- Vân-Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy *nhắm làng xông vô*.
125. Kêu rằng : « Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói *mồ hồ* hại dân. »
Phong-Lai mặt đỏ phùng phùng :
« Thằng nào *lại dám* lấy lưng vào đày ?
Trước gậy việc dũ lại mây,
130. Truyền quân bốn phía phủ vây bịt hùng. »
Vân-Tiên tả đụt hữu xông,
Khác nào Triệu-Tử mở vòng Đương-
Dương (1).
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo *nhắm* đàng chạy
ngay.
135. Phong-Lai *chẳng* kịp trở tay,
Bị Tiên một gậy *chàng* (2) rày mạng vong.
Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,

124. S. *nhắm đàng chạy*. J.T. *lìm đàng chạy vô*.

126. K.N.S.T. *hồ đồ*.

128. N. *mồ* *dám* S.T. *dám tới*.

134. K.N.S.T. *lìm*.

135. K.S. *trở chẳng* kịp.

136. S. *thác* rày — A.K.T. *thác* rày *thán* vong.

(1) Các bản đều viết « Dang » vì muốn cho ăn vần với câu dưới.

(2) Theo bản Nôm.

Hỏi : « Ai than khóc ở trong xe này ? »

Thưa rằng : « Tôi thiệt người ngay, .

140. Sa cơ nên mới lăm tay hung đồ.

Trong xe chật hẹp *khó* phò,

Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng. »

Vân-Tiên nghe nói động lòng,

Đáp rằng : « *Ta* đã trừ dòng lâu la.

145. Khoan khoan ngồi đó chờ ra,

Nàng là phận gái ta là phận trai.

Tiểu thơ con *gái* nhà ai,

Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ.

Chẳng hay tên họ là chi,

150. *Khuê* môn phận gái việc gì tới đây.

Trước sau chưa hẳn dạ này,

Hai nàng ai tớ ai thầy nói ra. »

Thưa rằng : « Tôi Kiều-Nguyệt-Nga,

Này con tỳ tất (1) tên là Kim-Liên.

155. Quê nhà ở quận Tây-Xuyên,

141. K.N.S.T. khôn.

144. N. Tôi.

146. S. đà.

147. N. con *cái*.

150. A. Quê.

154. K.N.S.T. Con này.

(1) Quen đọc : *tỳ* tất, thị tỳ.

CA ĐIỂN

- Cha làm tri phủ *ngồi* miền Hà-Khê.
Sai quân đem bức thư về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
Làm con nào dám cãi cha,
160. Vì dầu ngàn dặm đường xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất *thành*,
Hay vầy cũng chẳng *thượng* trình làm chi.
Lâm nguy *bất cập* giải nguy,
Tiệc trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
165. Trước xe quân tử tạm *ngồi*,
Ngõ cho tiện thiệp lạy rồi sẽ *phân*.
Hà-Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiệp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa *đàng*,

156. T. ở.

159. K.N.T. đầu.

161. K.N.T. bình.

162. K.N.T. *dăng* trình — S. *tôi* chẳng *dăng* trình.

163. A. *bất gặp*.

N. *chẳng* được.

K.S.T. *chẳng* gặp.

164. K.N.S.T. *Tiết*.

166. N. sẽ *thưa* — S. *Đặng* cho... sẽ *thưa* — T. *Xin* cho... sẽ *thưa*. * Sau câu 166, các bản K.N.S.T. có thêm 2 câu :

« Chút tôi liễu yếu đào thơ,

Giữa đường lâm phải bụi nhơ đã phần. »

170. Của tiền *chẳng* có bạc vàng cũng không.
Tưởng câu báo đức thù công,
 Lấy chi cho phí tấm lòng cùng người. »
 Vân-Tiên nghe nói *mỉn* cười :
 « Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
175. Nay đã cố dựng nguồn cơn,
 Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
 Có câu kiến ngãi bất vi,
 Làm người *dường* ấy cũng phi anh hùng.
 Đó *đá* biết chữ tử chung,
180. Lạ là đây phải theo cùng làm chi. »
 Nguyệt-Nga biết ý *chẳng* đi,
 Hỏi qua tên họ một khi cho tường.
 Thưa rằng : « Tiện thiệp đi đường,
Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào ? »
185. *Xảy* nghe lời nói thanh *thao*,
 Vân-Tiên há nở lòng nào phui pha :
 « Đông-Thành vốn thiệt quê ta,

170. T. không.

171. S. T. Gấm.

172. N. ai.

173. K.N.S.T. liền.

177. K.S.T. Nhớ.

178. K.T. thề.

179. N. Đó là — K.S.T. Đó mà.

185. K.N.S.T. Phút, N.T. thanh *tao*.

CÁI ĐIỂN

- Họ là Lục thị, tên là Vân-Tiên. »
Nguyệt-Nga vốn đứng thiền quyên,
190. Tai nghe lời nói, tay liền rút trâm.
Thưa rằng : « Nay gặp tri âm,
Xin *dâng* một vật để cầm làm tin. »
Vân-Tiên ngơ mặt chẳng nhìn,
Nguyệt-Nga liếc thấy càng thìn nét na :
195. « Vật chi một chút gọi là,
Thiếp *phân* chưa dứt chàng đã làm ngơ.
Của này *dầu* của vất vợ,
Lòng ché cũng phải mặt ngơ sao đành. »
Vân-Tiên khó nổi làm thình,
200. Chữ *ân* đã *buộc* chữ *tin* xe *dây*.
Than rằng : « Đò khéo trêu dây,
Ơn kia là mấy cửa này rất sang.
Gặp nhau *đương* lúc giữa *đàng*,
Một lời cũng *phải* ngàn vàng *cũng* phai.
205. Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài,

192. K.S.T. đưa.

196. K.S.T. thưa.

197. K.S.T. là.

200. K. lấy dây.

200. J.N.S.T. buộc lại... lấy dây.

202. K.N.S.T. đã.

203. S.T. Đương khi gặp-gỡ.

204. K.N.S.T. cũng nhớ... chẳng phai.

- Nào ai chịu lấy của ai làm gì. »
 Thừa rằng : « Chút phận nữ nhi,
 Vốn chưa biết lẽ có khi mich lòng.
 Ai dè những mặt anh hùng,
 210. Thấy trâm thôi lại thẹn cùng cây trâm. »
 Riêng than : « Trâm hồi làm trâm,
 Đã vô duyên bấy ai cầm mà mơ.
 Đưa trâm chàng đã làm ngo,
 Thiếp xin đưa một bài thơ giữ 1 từ. »
 215. Vân-Tiên nói lại rằng : « Ủ,
 Làm thơ cho *kip chừ* chừ chớ lâu. »
 Nguyệt-Nga ứng tiếng rằng hầu,
 Xướng tay liền tả tám câu năm vần.
 Thơ rồi : « Này thiếp xin dâng,
 220. Ngửa trông lượng rộng văn nhân thể
 nào. »
 Vân-Tiên xem thấy ngọt ngào :

208. N.T. ý.

209. K.N.S.T. đáng.

210. T. thẹn *thùng cùng* trâm.

212. K.N.T. Vô duyên chi.

216. N. *kip* bấy chừ.

S. *kip* bấy chừ.

T. *kip* bấy chừ.

217. N.S.T. xin

(1) Bản Nôm : chớ.

CA ĐIỂN

- « Ai dè sức gái tài cao bực này,
Đã mau mà lại thêm hay,
Chẳng phen Tạ-nữ cũng tày *Từ-phi*.
225. Có câu dữ xuất dữ kỳ,
Cho hay tài gái kém gì tài trai. »
Như vậy ai *nhấn* thua ai,
Vân-Tiên hòa lại một bài trao ra.
Xem *thời* biết ý gần xa,
230. Mai hòa *vần* điều điều hòa *vần* mai.
Có câu xúc cảnh hứng hoài,
Đường xa vôi vọi dặm dài vôi vôi.
Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau *lời* đã cạn *lời* thời *thời*.
235. Vân-Tiên từ già phản hồi,
Nguyệt-Nga than thở : « Tình ôi là tình.
Nghĩ mình mà ngán cho mình,

221. K.N.S.T. ngắt.

224. A. Tây-Thi. Từ-phi thì đúng hơn.— Từ Huệ-phi là ái phi của Đường Huệ-Tông tức Lý-Đán, làm thơ hay.

227. J.N.S.T. lại.

228. K.N.T. họa.

229. K.N.S.T. thơ.

230. K.N.S.T. vận... vận.

234. K.S.T. ta.

- Chữ ân chưa trả chữ tình lại vương.
 Nặng nề hai chữ oan ương, (1)*
240. *Dây sầu ai khéo vấn vương vào lòng.
 Vái cùng Nguyệt-Lão hồi ông,
 Trăm năm cho trọn chữ tình mới an.
 Hữu tình chi bấy Ngưu-Lang,
 Tấm lòng Chức-Nữ vì chàng mà nghiêng.*
245. *Thôi thôi em hồi Kim-Liên,
 Dây xe cho chị qua miền Hà-khê.
 Trái qua dầu thả đường dề,
 Chim kêu vượn hú tư bề nước non.
 Vái trời cho dặng vuông tròn,*
250. *Trăm năm cho vẹn lòng son với chàng. »
 Phút dầu đã tới phủ dằng,
 Kiền-công xem thấy lòng càng sanh nghi.
 Hỏi rằng : « Nào trẻ tùy nhi,
 Có sao nên nổi con đi một mình ? »*

238. K.S.T. Nổi... nổi.

239. J.N.S.T. Hữu tình.

240. J.N.S.T. Chuôi.

241. S.T. Nguyễn.

242. K.N.T. cho vẹn., S. trọn lòng son với chàng.

248. A. tứ, S. bốn.

250. N. quyết vẹn, S.T. cho trọn... cùng chàng.

253. N. lữ.

(1) Đọc 2 âm : oan, yên.

CA ĐIỂN

255. Nguyệt-Nga thừa việc tiền trình,
Kiều-công tưởng nổi sự tình chẳng vui.
Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi ngùi,
Nghĩ *đòi con* lại sứt sùi *đòi con* :
« Lao đao phận trẻ chi sòn,
260. No nao trả đặng công ơn cho chàng. »
Kiều-công nghe nói liền *thương*,
Dạy rằng : « Con hãy *tạm* an mình vàng.
Khi nào cha rảnh việc quan,
Viết thơ qua đó mời chàng *sang* đây.
265. Sao sao chẳng kịp thời chầy,
Cha nguyên trả đặng ơn này thời thôi.
Hậu đường con *khá* tạm lui,
Làm khuây dạ trẻ cho vui lòng già. »
Tây lâu trống *điền* sang ba,
270. Nguyệt-Nga *luống những* xót xa *phận*
minh.
Dời chơn ra chốn hoa đình,
Xem trắng rồi lại *chạnh* tình cố nơn.

258. N.S.T. mình thôi.

261. K.N.S.T. can.

262. S.T. nghĩ.

264. K.S.T. Cho quân... *đến* đây.

267. N.S.T. hãy.

269. A. lâu. Trong Nam quen *đọc* : lâu.

270. K.S.T. còn hãy.

- Than rằng : « Lưu thủy cao sơn,
Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri âm.
275. Chữ tình càng tưởng càng thâm,
Muốn pha khó lọt muốn dầm khôn (1)
phai.
- Voi voi dất rộng trời dài,
Hỡi ai nữ đề cho ai deo phiền. »
Trở vào hèn lấy bút nghiên,
280. Đặt bàn hương án chúc nguyên thần linh.
Lâu lâu một tấm lòng thành,
Vẽ ra một bức tượng hình Vân-Tiên.
Than rằng : « Ngàn dặm sơn xuyên,
Chữ ân đề dạ, chữ duyên nhuộm sầu. »
285. Chuyện nàng sau hãỵ còn lâu,
Chuyện chàng xin kể thứ dầu chép ra.
Vân-Tiên từ cách Nguyệt-Nga,
Giữa đường lại gặp người ra kinh kỳ.
Xa xem mặt mũi đen si,
290. Hình cao vòi vọi dị kỳ rất hung.
Nhớ câu bình thủy tương phùng,

282. K.S.T. Họa.

286. N.S.T. nối.

289. S. Xem ra.

290. N. sò-sộ — K.S.T. Minh... sò-sộ.

(1) Bản Nôm : khó.

CA DIỄN

Anh hùng lại gặp anh hùng một khi :

« Chẳng hay danh tánh là chi,

Một mình mang gói (1) mà đi *chuyện* gì ? »

295. Đáp rằng : « Ta cũng xuống thi,

Hón-Minh tánh tự Ô-Mi quê nhà. »

Vân-Tiên : « Biết lẽ chánh tà,

Hề là dị tướng ắt là tài cao.

Nhớ câu bằng hữu chi giao,

300. *Chốn này* đã gặp lẽ nào làm khuây.

Nên rừng há dễ một cây,

Muốn cho có đó cùng đây luôn (2) vẫn.

Kia nơi võ (3) miếu cũng gần,

294. K.N. ra đi — T. ra đi việc gì.

297. N.T. kẻ.

298. K.T. người.

299. K.S.T. Chử rằng.

300. K.S.T. Tình kia.

303. K.N.S.T. hầu.

(1) Bản Nôm viết: 籠 (*níp*) là rất đúng. — Níp là thứ rương, siêng (đan bằng tre hay mây, thường dùng đựng sách vở, đi học, đi thi): mang rương quấy níp, quấy níp theo thầy (thầy học).

(2) Bản Nôm: liên.

(3) Theo Huỳnh-Tĩnh-Cửa, miếu võ là chỗ thờ thần, như: thần linh thổ võ. — Ta quen nói: ngôi miếu, nhà võ.

- Đôi ta vào đó nghỉ chân một hồi. »*
305. Cùng nhau bày *họ* tên rồi,
 Hai chàng từ tạ đều lui ra đường.
 Hớn-Minh đi trước tựu trường,
 Vân-Tiên còn hãy hồi hương *thăm* nhà.
 Mừng rằng : « Nay thấy con ta,
310. Cha già *những* tưởng mẹ già *những* trông.
 Bấy lâu đèn sách gia công,
 Con đã nên chữ tang bồng cùng chấng ? »
 Vân-Tiên *đặt* gối thưa rằng :
 « Chẳng hơn người cõ cũng bằng người
kim.
315. Dám xin *phụ* mẫu yên tâm,
Đặng con trả nợ thanh khâm cho rồi. »
Song thân thấy nói thêm vui,
 Lại lo non nước xa xuôi ngàn trùng.

304. S.T. Hai.

305. K.N.S.T. tỏ.

308. S.T. viếng.

310. N.S.T. *hằng* tưởng... *luống* trông.

313. K.S.T. quỳ lạy.

314. K.N. cảm.

315. K.N.S.T. Cha mẹ.

316. S.T. Cho.

317. K.S.T. Mẹ cha.

CA ĐIỂN

- Cho theo một gã tiểu đồng,
320. *Viết thơ* một bức dặn cùng Vân-Tiên :
 « Xưa đà *định chữ* lương duyên,
 Cùng quan hưu trí ở miền Hàn-giang.
 Con người là Võ-Thê-Loan,
 Tuổi vừa hai bảy dung nhan mấn mà.
325. *Chữ* rằng Hồ Việt nhứt gia,
 Con đi *tới* đó trao *ra* thơ này.
 May dầu bước dặng thang mây,
 Dưới chơn đã sẵn một dây tơ hồng. »
 Song thân dạy bảo vừa xong,
330. Vân-Tiên cùng gã tiểu đồng dòi chơn.
 Ra đi tách dậm băng chừng,
 Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.
 Xa xem dậm liễu đường hòe,
 Tin ong *ngơ-ngẩn*, tiếng ve vang đây.
335. *Lại* xem nước nọ non này,
 Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao.

319. N.S.T. đũa.

320. N.S.T. Thơ phong.

321. S. Hứa định.

326. K.N.T. trao *qua* — S. *qua* đó.

327. N. Sau — K.S.T. Con.

333. K.S.T. Lại.

334. K.S.T. ngáo.

335. K.N.S.T. Vui.

- Thức* trời gấm trải biết bao,
 Trên nhành chim nói, dưới ao cá cười.
 Quận thành nhắm kiềng coi người,
 340. Kiềng xinh như vẽ, người tươi như giò.
 Hàn-giang phút đã tới nơi,
 Vân-Tiên ra mắt một hồi trình thơ.
 Võ-công *xem bức tâm thơ*,
 Mừng duyên cầm sắt mối tơ đặng liền.
345. *Xem qua* tướng mạo Vân-Tiên,
 Khá khen họ Lục phước hiền sanh con.
 Mây tằm mắt phụng môi sơn,
 Mười phân cốt cách vuông tròn mười
 phân.
 Những e kẻ Tấn người Tần,
 350. Nào hay chữ ngẫu đặng gần chữ giai.
Nhắm đà đẹp để hòa hai,
Kìa đâu Nam gián (1), nọ trai Đông sàng.
 Công rằng : « *Mình* ngãi tế sang,

337. K.N.S.T. Mãn.

343. K.N.S.T. lấy đọc bảy giờ.

345. K.S.T. Liếc coi.

351. N.S.T. Xem.

352. N.S.T. Đây.

353. K.N.S.T. Ngãi tế mời.

(1) Bản Nôm viết 諫 (gián) thay vì 澗 (gián). Chữ 澗 cũng có người đọc là : giản.

CA ĐIỂN

Muốn lo việc nước *phải* toan việc nhà. »

355. Tiên (1) rằng : « Nhờ lượng nhạc gia,
Đại khoa dầu đặng tiểu khoa lo gì. »

Công rằng : « Con dốc xuống thi,
Sao không kết bạn mà đi tựu trường.
Gần đây có một họ Vương,

360. Tên là Tử-Trực văn chương *tốt đời*.

Cha đà sai trẻ qua mời,
Cho con cùng gã thử chơi *vài bài*.
Thấp cao cao thấp biết tài,
Vầy sau *trước bạn* cùng mai mới mầu. »

365. *Phút* đầu Tử-Trực tới hầu,

Võ-công sẵn *đặt* một bầu rượu ngon.

Công rằng : « Nầy bớ hai con,

Thơ hay làm *đặng*, rượu ngon thưởng
liên.

Muốn cho Trực sánh cùng Tiên,

370. Lấy câu bình thủy hữu duyên làm đề. »

354. K.N.S.T. hãy.

360. A. *tốt đời*. N. *tột vời*.

362. K.N.S.T. *Đặng* con..... *một bài*.

364. J.N.S.T. *bạn trước*.

365. N.S.T. *Xảy*.

366. A. *được*.

(1) Bản Nôm : Vân.

Song song hai gã giao kê,
 Lục, Vương hai họ đua nghề một khi.
 Cho hay kỳ lai gặp kỳ,
 Bạch-Hàm há dễ kém chi Như-Hoành. (1)

375. Công rằng : « Đơn quế hai nhánh,
 Bảng vàng thẻ bạc đã đành danh nêu.
 Tiếng chuông chẳng đánh sao kêu,
 Ngọn đèn *đứng* tỏ trước khêu bởi mình.
 Thiệt trang lương đồng đã đành,
380. Khá khen hai họ tài lành *và* hai. »
 Trục rằng : « Tiên vốn cao tài,
 Dám đầu én học sánh vai một bầy.
 Tinh cờ mà gặp nhau đây,
 Trục *rày* xin nhượng Tiên *này* làm anh.

375. S.T. đôi.

376. K.S.T. làm.

377. K.N.S.T. Như chuông... *chẳng* kêu.

378. N.S.T. tỏ rõ. K. rặng tỏ.

380. K.N.S.T. hòa hai.

382. S. Có đầu én học T. Có đầu...

384. K.N. Trục *này*... Tiên *rày*.

S.T. Trục *rằng*... Tiên *rày*.

(1) Yến-Bạch-Hàm 燕白頡 và Bình-Như-Hoành
 平如衡 cùng với Sơn Đại 山黛, Lãnh Giáng Tuyết
 冷絳雪 là bốn văn nhân tài hoa trong truyện « Bình
 Sơn Lãnh Yến ».

CA ĐIỂN

385. Nay đà *kết* nghĩa đệ huynh,
Xin về mai sẽ thượng trình cùng nhau. »
Xây *đâu* trắng đã đứng *đâu*,
Vân-Tiên vào chốn thơ lâu nghĩ an.
Võ-công trở lại hậu *đàng*,
390. Đêm khuya dạy *bảo* Thề-Loan mọi lời :
« Ngày mai vừa *rạng* chun trời,
Tiểu nhi trang *điềm* ra nơi lê đình.
Gọi là chút nghĩa tống tình,
Phòng sau cho khỏi bất bình cùng nhau. »
395. Bóng trắng vừa lộ *nhành* *dâu*,
Vân-Tiên vào tạ *giày* lâu xuất hành.
Ra đi vừa *lúc* bình minh,
Thề-Loan đứng trước *lê* (1) đình *khâm*
(2) *dung*.

385. K.S.T. nên.

387. N.T. Phút xem.

390. S.T. dạy *dở*.

391. K.N.T. *rạng*.

397. K.S.T. *thuở*.

398. K.N.S.T. *liễm dung*.

(1) Bản Nôm : *hoa*.

(2) *khâm dung* : dáng điệu cung kính (mà có vẻ e lệ), có thể như 欽 隄 (khâm di : gãi má, cúi đầu); *liễm dung* (儼容) : túc kính, như : Hoắc-Quang khi vào chầu vua thì liễm dung (nhuận nét mặt, vẻ nghiêm kính).

- Thưa rằng : « Quân tử phó công,
 400. Xin thương bồ liễu chữ tòng ngày thơ.
 Tấm lòng thương gió nhớ mưa,
 Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời.
 Ngày nay thánh chúa trị đời,
 Nguyên cho linh phụng gặp nơi ngô đồng.
405. Quân bao chút phạm má hồng,
Tháng chờ khôn xiết, ngày trông khó lường.
 Chàng dầu dựng chữ hiền dương,
 Thiếp xin hai chữ tào khương cho bằng.
 Xin đừng tham đó bỏ đấng,
410. Chơi lê quên lựu, chơi trắng quên đèn. »
 Tiên rằng : « Như lửa mới nhen,
 Dễ trong một bếp mà chen mấy lò.
 May duyên rui nợ là phò,
 Chớ nghi Ngô-Khởi hãy lo Mãi-Thần. »
415. Loan rằng : « Sử Mã, kinh *Lân*, (1)

406. K.S.T. *Phòng khuya vô võ dơi trông khôn lường.*

407. K.N.S.T. *cung quế xuyên.*

413. K.N.S.T. *dễ.*

415. A. *luân.*

* Bản K., bản S., bản T. không có bốn câu :
 415, 416, 417, 418.

(1) *Sử Mã* : quyển sử của Tư-Mã-Thiên, hiệu là Mã Tồn — *Kinh Lân* : kinh Xuân-Thu của Khổng-Tử.

CA ĐIỂN

Có câu chánh tiết, có vần chỉnh dung.
Trăm năm lòng gắng trình trung,
Lánh phòng Trang-Tử, chực (1) phòng
Vương-Nghi. »

Thê-Loan vội vã ra đi,

420. Vân-Tiên cất gánh một khi tỵ trường.

Xa xa vừa một dặm dàng,

Gặp Vương-Tử-Trực vầy đoàn đều đi.

Trải qua thủy tú sơn kỳ,

Phỉ tình cá nhảy, gặp kỳ rồng bay.

425. Người hay lại gặp kiềng hay,

Khác nào tiên tử chơi rày Bồng-Lai.

Cùng nhau tả chút tình hoài,

Năm ba chén rượu, một vài câu thơ.

Công danh ai chẳng ước mơ,

430. Ba tầng Cửa Võ một giờ nhảy qua.

Cùng nhau bàn bạc gần xa,

Chữ tài chữ mạng xưa hòa ghét nhau.

Trực rằng : « Rồng xuống vực sâu,

419. N. bước đi — K.S.T. lui chơn.

420. K.S.T. từ biệt trông chừng Trường-An.

421. K.N.S.T. vừa mấy.

424. K.S.T. gặp thi.

432. N. là.

(1) Bản Nôm viết lầm : trị.

Mặc (1) dầu giỡn sóng, mặc (2) dầu chơi
mây. »

435. Tiên rằng : « Hồng học đều bay,
E khi mỗi cánh lạc bầy về sau. »
Mảng còn *bán bạc* cùng nhau.
Trông chừng kinh địa đã hầu tới nơi.
Chinh chinh vừa xế mặt trời,
440. Hai người tìm quán nghỉ ngơi đợi kỳ.
Xây đâu gặp bạn *đi thi*, (3)
Đều bày tên họ một khi *đặng* tường.
Một người ở quận Phan-*Chương*,
Tên Hâm họ Trịnh tầm thường nghề văn.
445. Một người ở *phủ* Dương-Xuân,
Họ Bùi tên Kiệt tác chừng đôi mươi,
Hai người lại gặp hai người,
Đều vào một quán vui cười *ngửa* nghiêng.

437. K.N.S.T. trò chuyện.

441. K.S.T. *Phút* đâu...

A... bạn *cố tri*.

442. N.S. *cho* tường — T. *mới* tường.

443. K.N.S.T. Phan *dương*.

445. T. quận.

448. A. ngã.

(1), (2) Bản Nôm viết làm : *điêm*.

(3) Theo bản N. và bản T. : *đi thi*.— Vì đã là bạn
cố tri thì khỏi phải tỏ bày tên họ.

CÁ DIỄN

- Kiệm rằng : « Nghe tiếng anh Tiên,
450. Nay đã *gặp* mặt phỉ nguyên ước ao. »
Hâm rằng : « Chưa biết thấp cao,
Làm thơ mới *rõ* bực nào tài năng. »
Bèn kêu ông quán *dặn* rằng :
« Khá toan sắm sửa đồ ăn cho bề. »
455. Quán rằng : « *Thịt cá* ề hề,
Khô lán chả phụng bộn bề thiếu đâu.
Kia là thuốc lá ướp ngâu,
Này ve tuyết (1) diêm, *nọ* bầu cúc hương,
Đề khi đãi khách giàu sang,
460. Đãi người văn vật đãi trang anh hùng. »
Bỉ bàng trà rượu đã xong,
Bốn người ngồi lại một *dòng* làm thơ.
Kiệm, Hâm còn hãy ngăn ngại,
Phút thơ Tiên, Trục một giờ *đều* xong,
465. Kiệm, Hâm xem thấy lạ lùng,

450. K.N.S.T. thấy.

452. S.T. biết.

453. K.S.T. nói.

455. N. Rượu thịt.

458. K.N.S.T. Trà... rượu.

462. K.N.S.T. vòng.

464. S.T. vừa.

(1) Bản Nôm : tiết. Trà « tuyết diêm » là thứ trà thượng hảo hạng của Trung-Hoa.

- Gấm nghi Tiên, Trục viết từng cở thi,
 Chẳng hay ông quán cười chi,
 Vô tay xuống chiếu một khi cười dài?
 Tiên rằng: « Ông quán cười ai? »
470. Quán rằng: « Cười kẻ bắt tài đồ thơ.
 Cười người Tôn-Tấn không lừa,
 Trước đã thấy máy *không* giữa Bàn-
 Quyên. »
- Trục rằng: « Lời nói hữu duyên,
 Thế trong kinh sử có *tuyền* cùng chẳng? »
475. Quán rằng: « Kinh sử đã từng,
 Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa.
 Hỏi thời ta phải nói ra,
 Vì chung hay ghét cũng là hay thương. »
- Tiên rằng: « Trong đục chưa tường,
 480. Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ
 nào? »
- Quán rằng: « Ghét việc tầm phào,
 Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
 Ghét đời Kiệt, Trụ *đ*a dâm,
 Đề dân đến *n*ổi sa hàm *s*ỉa hang.

466. A. Ngã.

472. K.N.S.T. chẳng.

474. N. truyền.

483. K.N.S.T. mê.

484. S.T. *đ*ổi — K.N.T. *s*ầy hang.

CA ĐIỂN

485. Ghét đời U, Lệ đa đoan,
 Khiến dân luống chịu lầm than muôn
 phần.
 Ghét đời Ngũ Bá phân vân,
 Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
 Ghét đời Thúc, Quý phân băng,
490. Sớm đầu tối đánh *lãng quăng* rối dân.
 Thương là thương Đức Thánh nhân,
 Khi nơi Tống, Vệ lúc Trần, lúc Khuông.
 Thương thầy Nhan-Tử dở dang,
 Ba mươi một tuổi tách đảng công danh.
495. Thương ông Gia-Cát tài lành,
 Gặp *kỳ* Hán mặt dã đành phui pha.
 Thương thầy Đồng-Tử cao xa,
 Chỉ đà có chí ngôi *mà* không ngôi.
 Thương người Nguyên-Lượng người người,
500. Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.
 Thương ông Hàn-Dũ chẳng may,
 Sớm dựng lời biểu tối đày đi xa.
 Thương *thầy* Liêm, Lạc đã ra,
 Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.

490. K.S.T. *lãng nhãng*.

496. K.S.T. *con*.

498. N.S.T. *thời*.

503. A. *bầy*.

505. Xem qua kinh sử mấy lần,
 Nửa phần *lại* ghét nửa phần *lại* thương. »
 Trục rằng : « Chùa rách Phật vàng,
 Ai hay trong quán ăn tàng kinh luân.
 Thương dân sao chẳng *xuất* thân,
510. *Gặp* khi nắng hạ toan phần làm mưa. »
 Quán rằng : « Nghiêu, Thuấn thuở xưa,
 Khó ngăn Sào-Phủ, khòn ngừa Hứa-Do.
 Di, Tề chẳng khứng giúp Châu,
 Một mình một núi ai hầu chi ai.
515. Ông Y, ông Phó ôm tài,
 Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.
 Thái-Công xưa một cần câu,
 Hôm mai sông Vị mặc (1) dầu vui chơi.
 Nghiêm-Lãng đã mấy đua bơi,
520. Cày mây, *câu* (2) nguyệt tả toi áo cầu.
 Trần-Đoàn nào có lo âu,

506. S. đã.

509. K.N.S.T. lập.

510. S. Đương — K.T. Đê.

518. S.T. Sớm.

520. S. *cuốc* nguyệt — T. *cần* nguyệt.

521. K.N.T. *chẳng* chút — S. *chút* *chẳng*.

(1) Bản Nôm viết lầm : *điền*.

(2) Do chữ *điều* nguyệt 月.

CA ĐIỂN

Gió (1) trắng một túi công hầu chiêm bao.

Người nay có khác (2) xưa nào,

Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn. »

525. *Hâm* rằng : « Lão quán nói nhăng,
Dầu cho trải việc cũng thẳng bán cơm.

Gối rơm theo phận gối rơm,

Có đầu ở thấp mà chồm lên cao. »

Quán rằng : « *Gặp* lúc mưa dào,

530. Éch nằm đáy giếng thấy bao nhiêu trời.

Nước trong cả lợi thành thời,

Xem hai con mắt sáng ngời như châu.

Uồng thay đòn *gậy* tai trâu,

Nước xao đầu vịt *gắm* áu nực cười. »

535. Tiên rằng : « Ông quán chớ cười,

Đày ã nhờ lại bầy người Trước-Lâm.

525. J.N.T. Kiệm.

528. N.S. dưới.

529. K.N.S.T. Sấm chớp.

530. K.S. lăm.

531. K.S.T. Sông.

532. S. cũng.

533. N. khảy.

534. K.N.S.T. nghĩ lâu.

536. K.N.S.T. đặng.

(1) Bản Nôm viết lăm : mưa.

(2) Bản Nôm viết lăm : ghét.

- Cùng nhau kết *bạn* đồng tâm,
 Khi cờ khi rượu khi cầm khi thi.
 Công danh phú quý màng chi,
 540. Sao bằng thông thả *một* khi vui lòng.
 Rừng nhu biển thánh minh mông,
 Để ai lặn lội cho cùng vầy vay. »
 Quán rằng : « Đó biết ý đây,
 Lời kia đã cạn rượu này thưởng cho. »
 545. *Trịnh*-Hàm là đũa so đo,
 Thấy Tiên đường ấy *thêm* lo trong lòng.
 Khoa này Tiên ắt đầu công,
 Hàm dầu có đậu cũng không *ra* gì.
 Mảng còn *bàn* bạc thị phi,
 550. *Xây* nghe trống *điêm* *một* khi nhập trường.
 Kẻ hòm người traps *chật* đường,

537. S. nghĩa.

540. T. Cho bằng... *mặc* khi.

K.S. *mặc* khi.

543. N.S.T. lòng.

545. A. *Kiểm* Hàm.

546. N.S.T. âu.

548. J.N.S.T. xong rồi.

549. J.N.S.T. nghĩ việc tới lui.

550. J. *Bồng*... đã giục *thôi* vào trường.

N.S.T. đã giục *thôi* vào trường.

551. S.T. Kẻ *thùng*... *đầy* đường — K. *đầy* đường.

CA ĐIỂN

- Lao xao *lũ* bảy, chàng ràng *đoàn* ba.
Vân-Tiên vừa bước chơn ra,
Bỗng dầu xảy gặp tin nhà gởi thơ.
555. Khai phong *xem* *hắn* sự cơ,
Mình *sa* xuống đất dật dờ hồn hoa.
Hai hàng *nước mắt* nhỏ sa,
Trời Nam đất Bắc xót xa đoạn trường.
Anh em ai nấy đều thương,
560. Trời ôi *sao* *nữ* *phụ* dường công danh.
Những lăm công toại danh thành,
Nào hay từ mâu u mình sớm đời.
Gắng vào trong quán yên nơi,
Tờ thầy than thở liệu *lời* quy lai.
565. Tiều đồng thơ vắn than dài :
« Trời sao trời *nữ* phụ tại người ngay ! »
Trực rằng : « Đã đến đôi này,
Tiều đồng bậu hãy làm khuấy *chớ* phiền.
Sớm *hóm* thang thuốc *dưỡng* an,

552. K.S.T. *đoàn* *bảy*... *lũ* ba.

555. K.S.T. mới tổ.

556. K.N.S.T. gieo.

557. K.N.S.T. lụy ngọc.

560. K.N.S.T. *há* *nữ* *lấp*.

564. N. bài.

568. S.T. *giải*.

569. S.T. *Sớm* *mai*... *giữ* *gin* — K.N. *giữ* *gin*.

570. Chờ ta vài bữa ra tràng sẽ hay.
 Bày giờ kíp rước thợ may,
 Sắm đồ *thành* phục nội ngày cho xong.
 Dây rơm, mũ bạc, áo thùng,
 Cứ theo trong *lễ* Văn-Công mà làm. »
575. Tiên rằng : « *Mẹ* Bắc con Nam,
 Nước non vôi vọi đã cam lỗi nghi.
 Trong mình không cánh không vi,
 Lấy chi lứt dăm lấy chi *tách* đàng.
Nhập trường phút lại gặp tang,
580. Ngăn ngờ *kẻ* ở, *lỡ* làng người đi.
 Việc trong trời đất biết chi,
 Sao đòi vật đổi còn gì mà trông.
 Hai hàng *nước mắt* rờng rờng,
 Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
585. Cánh buồm bao quản gió xiêu,
 Ngăn trùng *non nước*, chín chiều ruột đau.

572. K.N.S.T. tang.

574. K.N.S.T. sách.

575. S. Con.... mẹ.

578. N.S.T. bót.

579. N.S.T. Vào.

580. K.T. người ở ngõ ngang *kẻ* đi.
 S. người ở..... *kẻ* đi.

583. K.S.T. lụy ngọc.

586. K.N.S.T. biên rộng.

- Thấy nhau khó nổi giúp nhau,
Một vừng mây (1) bạc dầu dầu khá thương.
605. Vân-Tiên cất gánh lên đường,
Trình-Hâm ngó lại đôi (2) hàng *luy* sa.
Đi vừa một dặm xa xa,
Bống đầu ông quán bôn ba theo cùng.
Quán rằng : « Thương đứng anh hùng,
610. Đưa ba hườn thuốc đề phòng hộ thân.
Chẳng may *gặp lúc* (3) gian truân,
Đương khi quá đói thuốc thần cũng no. »
Tiên rằng : « Cúi đội ơn cho,
Trong lòng ngài ngại hãy lo xa gần. »
615. Quán rằng : « Ta cũng băng khuâng,
Thấy vậy nên mới tỵ trần tới đây.
Non xanh nước biếc vui vầy,
Một bầu bạch cúc, một gày kim cang.
Dẫn thân vào chốn an nhàn,

606. S.T. nhỏ.

608. N.S.T. Phút nghe K. *Phút đầu*.

611. N. bước.

614. K.N.S.T. Tấm.

618. K.N.S.T. Khi đêm rượu cúc khi ngày trà lan.

(1) Bản Nôm viết lầm : mira.

(2) Bản Nôm : hai.

(3) Bản Nôm : mà gặp.

CA ĐIỂN

620. Thoát vòng danh lợi, lánh đàng thị phi.»
Nói rồi quày quả ra đi,
Vân-Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.
Trông chùng dậm cũ thẳng xông,
Nghĩ đòi con lại nảo nùng đòi con.
625. Nên hư chút phận chi sồn,
Lo công dưỡng dục, dền ơn sanh thành.
Mang câu bất hiếu đã đành,
Nghĩ mình mà thẹn cho mình làm con.
Những giời một tấm lòng son.
630. *Những* lăm trả nợ nước non cho rồi.
Nào hay nước chảy huê trôi,
Nào hay phận bạc như vôi thể này.
Một mình ngơ ngẩn đường mây, (1)
Khác nào *chiếc* nhận lạc bầy kêu sương.
635. Đến nay lâm sự mới tường,
Hèn chi thầy dạy khoa trường còn xa.
Tiểu đồng thấy vậy thừa qua :
« Gẫm đây cho tới quê nhà còn lâu.

626. S. *Nhớ công... lo ơn* — K.T. *Nhớ câu... lo ơn.*

629. K.N. Trộn đời — S.T. *Trộn giời.*

630. K.N.S.T. Chi.

634. A. chích.

635. K.S.T. việc.

(1) Bản Nôm viết lầm : mưa.

- Thầy* sao chẳng ngọt con sầu,
 640. *Mình* đi đã *mệt* dòng châu *thêm* *nhuần*.
 E khi mang bệnh nửa chừng,
Trong non khó liệu giữa rừng khôn toan.»
 Tiên rằng : « Khô héo lá gan,
 Ôi thôi con mắt đã mang lấy sầu !
 645. *Mít* mù còn thấy chi đâu,
 Chơn đi đã mỗi mình đau như dần.
 Có thân phải khổ với thân,
 Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may. »
 Đồng rằng : « Trời đất có hay,
 650. *Ra* đi *chưa* *đặng* *mấy* ngày lại đau.
 Một mình nhắm trước xem sau,
 Xanh (1) xanh bờ bụi, dầu dầu cỏ cây.
 Vốn không *làng* xóm chi đây,
 Xin lần tới *trước* tìm thầy thuốc thang. »

639. S.T. Thế.

640. K.S.T. mỗi — N. chẳng ngừng.

642. S. Trên.

645. K.S.T. nào.

650. S.T. *vừa* *đặng* *mười*.

652. A. cõi.

653. N. hàng.

654. K.S.T. đó.

(1) Bản Nôm : thanh.

CA ĐIỂN

655. Vừa *may* gặp khách qua đàng,
Người *thương chỉ bảo* vào làng Đồng-Văn.
Dắt nhau khi ấy hỏi phẩn,
Gặp thầy *làm thuốc tên rằng* (1) *Triệu-*
Ngang.
- Ngang rằng: « *Hãy tạm nghỉ an,*
660. *Rạng ngày coi mạch đầu thang mới dành.*
Gặp ta bịnh ấy ắt lành,
Bạc tiền trong gói (2) *sẵn dành bao nhiêu?»*
Đồng rằng: « *Tiền bạc chẳng nhiều,*
Xin thầy nghĩ lượng đặng điều thuốc
thang.
665. *May mà bịnh ấy đặng an,*
Bạc còn nắm lượng trao sang cho thầy. »
Ngang rằng: « *Ta ở chốn này,*

655. N. khi.

656. K.T. Người người đều chỉ.

658. K. *hiệu rằng Thầy Ngang.*

N. Gặp thầy *thuốc dở.*

S. hiệu là.

T. hiệu là *Thầy.*

659. K.S.T. *Khá.*

660. N. *rành.*

666. K.N.S.T. *hai.*

(1) A. là.— Sửa « *rằng* » cho ăn vần.

(2) Bản Nôm: *túi.*

- Ba đời nổi nghiệp làm thầy vừa bá.
 Sách chi cũng đủ trong nhà,
670. Nội-Kinh đã sẵn, Ngoại-Khoa thêm màu.
 Trước xem Y-Học làm đầu,
 Sau coi Thọ-Thế, thứ cầu Đông-Y.
 Gẫm trong Ngân-Hải-Tinh-Vi,
 Cùng là Cương-Mục kém gì Thanh-Nang.
675. Gẫm trong Tập-Nghiệm-Lương-Phang,
 Cùng là Ngự-Toản ⁽¹⁾ trải đảng Hồi-Xuân.
 Vị chi sẵn đặt quân thần,
 Thuốc thời bào chế mười phần nổ nang.
 Mạch thời đọc *phủ* Lư-San,
680. Đặt tay vào bịnh biết đảng tử sanh.
 Lục-Quân, Tứ-Vật thang danh,
 Thập-Toàn, Bát-Vị sẵn dành nội thương.
 Lại thông Bát-Trận-Tân-Phương,
 Lâm nhằm ngoại cảm dầu thang Ngũ-Sài.»
685. Đồng rằng : « Thầy thiết có tài,
 Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi ? »
 Ngang rằng : « Lục bộ đều suy,
 Bộ Quan bên tả mạch đi phù hồng.
 Cứ trong kinh lạc mà thông,

674. K.S.T. thua.

679. N.T. mạch. — S. sách.

(1) Bản Nôm viết lầm : toán.

CA ĐIỂN

690. Mạng-môn tương-hỏa đã xông lên đầu.
Tam-tiêu tích nhiệt đã lâu,
Muốn cho giáng hỏa phải đầu Tur-Âm.
Huỳnh-liên, huỳnh-bá, huỳnh-cầm,
Gia vào cho bội nhiệt tâm mới bình.
695. Ngoài thời cho điềm Vạn-Linh,
Trong thời cho uống Huồn-Tình mới
xong.
- Khá trao hai lượng bạc ròng,
Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.
Chẳng qua làm phước cho chàng,
700. Nào ai đòi cuộc đòi đàn chi ai. »
Tiêu đồng những ngõ thiết tài,
Vội vàng mở gói chẳng nài *liền* trao.
Mười ngày chẳng bớt chút nào,
Thêm (1) đau trong dạ như bào như xoi.
705. Đồng rằng : « Vào đó thầy coi,
Bệnh thời không (2) giảm *mà* đòi *bạc* thêm. »
Ngang rằng : « Nằm thấy khi đêm,
Tiên sư mách bảo một điềm chiêm bao.
Quý thần người ở trên cao,

702. T. tiền.

706. K.S.T. *thầy* đòi *liền* thêm.

(1) Bản Nôm : Càng.

(2) Bản Nôm : chẳng.

710. E khi đường sá lẽ nào biết đâu.
 Tiều đồng người khá qua cầu,
 Rước ông thầy bói ở đầu Tây-Viên. »
 Tiều đồng nghe nói đi liền,
 Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi.
715. Bói rằng : « Ta bói hẩn hỏi,
 Bói hay đã dạy người coi đã đầy.
 Ta đây nào phải các (1) thầy,
 Bá vợ bá vất nói nhây không nhằm.
 Ôn nhuần Châu Diệc mấy năm,
720. Sáu mươi bốn quẻ ba trăm dư hào.
 Huỳnh-Kim, Dã-Hạc sách cao,
 Lục-Nhâm, Lục-Giáp chỗ nào chẳng hay.
 Can chi đều ở trong tay,
 Đã thông trời đất lại hay việc người.
725. Đặt tiền quan một bốn mươi,
 Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành. »
 Thầy bèn *sủ quẻ thần linh*,
 Chiếm (2) tên tuổi ấy lộ trình mắc chi.

712. K.S.T. Cùng.

714. A. Rước.

727. K. gieo đặng quẻ linh.

N.S.T. gieo đặng quẻ lành.

(1) Bản Nôm : hoắc.

(2) Bản Nôm : Xem.

CÁ DIỄN

- Ứng vào rùa với (1) cỏ thi,
730. *Đặng* thầy gieo quẻ một khi mới tường.
Đồng rằng : « Người ở Đông phương,
Nhơn đi buôn bán giữa đường chẳng an.
Con nhà họ Lục là chàng,
Tuổi vừa hai tám còn đang thơ ngây. »
735. Bói rằng : « Đinh Mão năm nay,
Hèn chi Giáp (2) Tý ngày rày chẳng an.

730. K.T. Rồi thầy coi quẻ.

N. coi quẻ.

S. Rồi thầy coi quẻ một khi cho tường.

(1) Bản Nôm : bói.

(2) Bói rằng : « Đinh Mão năm nay,

Hèn chi Giáp Tý ngày rày chẳng an. »

Vân-Tiên không thể sanh năm *Giáp Tý* mà đi thi năm *Đinh Mão* được, vì từ *Giáp Tý* đến *Đinh Mão* thì mới bốn tuổi (hay đã 64 tuổi), chớ không phải 16 tuổi (tuổi vừa hai tám).

Tý, Ngọ, Mẹo (Mão), Dậu là bốn năm thường lệ có khoa thi Hương (lừ thời Minh-Mạng ở nước ta). Mà cũng là bốn câu của thầy Vân-Tiên đã tiên đoán :

Nghra hầy còn xa,
Thỏ vừa lổ bóng,
Gà đà gáy tan,
Gặp *Chuột* ra đàng...

— Vân-Tiên tuổi *Tý* ;

→

- Mạng Kim lại ở cung Kiền,
 Tuổi này là tuổi giàu sang trong đời.
 Cầu tài *quẻ* ấy xa vời,
 740. Khen người khéo nói những lời *phỉnh* ta,
 Cầm tiền gieo xuống xem qua :
 Một Giao, hai Sách, lại ba hào Trưng.
 Trang thành ra *quẻ* Lục-xung,
 Thấy hào Phụ-mẫu khắc cùng Tử-tôn.

740. J.N.S.T. trêu.

743. K.N.S.T. là.

→

- 16 tuổi đi thi Hương (Vương-Tử-Trực, Bùi-Kiệm, Trịnh-Hâm đều đỗ cử nhân) là khoa năm *Mão*, rồi bị mù (*Thỏ* — chỉ ban đêm — *vừa lổ bóng*; ta quen gọi *Mão* là *Mèo* và là *con Mèo*, nhưng người Trung-Hoa và cả người Cam-bô-chia đều gọi *Mão* là *Thỏ*, bạch thỏ);
- tới khoa năm *Ngọ* thì không thi được vì còn mù (*Ngựa hầy còn xa*);
- kể qua khóa năm *Dậu* (*Gà đã gáy tan*; chỉ trời đã sáng) là hết mù, sáng mắt ra, sau khi ở chùa với Hôn-Minh từ *Mão* đến *Dậu*, (« *tính đã gần đà sáu năm*»);
- rồi « *gặp Chuột ra đàng*», thi đỗ khoa năm *Tý* (*Nhâm Tý*, 25 tuổi). →

CÁ DIỄN

745. Hóa ra làm quẻ Du-hồn,
Lại thêm Thế động khắc đòn tới Quan.
Cứ trong quẻ ấy mà bàn,
Tuổi này mới chịu mẫu tang trong mình.
Xui nên phát bệnh thịnh linh.

746. N.T. hào quang. — K.S. Hào quan.

→ Vào năm *Nhâm Tý* đáng lý Vân-Tiên chỉ đỗ Thủ-khoa hay Giải-nguyên, nhưng tác giả cho đỗ Quốc-trạng... cho tốt thang vinh hiển.

Trong 3 năm: *Tý* (năm sanh), *Mão* (năm đi thi Hương) và năm *Tý* (đỗ Trạng), hẳn phải có một năm « đánh dấu kỷ niệm » trong đời tác giả. Nên tác giả chọn năm *vinh quang nhưt đời* là năm *Nhâm Tý*: năm đỗ Trạng, nhằm vào *năm tuổi* của thân sanh tác giả. (Cụ Nguyễn-Đình-Huy, thân sanh Cụ Nguyễn-Đình-Chiều sanh ngày 09-02-1793, nhằm 29 tháng chạp *Nhâm Tý* (tháng đủ) nên chỉ hai hôm sau là qua năm *Quý Sửu* và cũng chỉ hai hôm sau, Cụ Huy được hai tuổi).

Năm *Nhâm Tý* (25 tuổi) đỗ Trạng thi Vân-Tiên phải sanh vào năm *Mậu Tý* (chớ không phải *Giáp Tý*), và 16 tuổi thi Hương rồi gặp mẫu tang thì đúng là năm *Quý Mão* (chớ không phải *Đinh Mão*).

Vậy nên xin chữa hai câu 735 - 736 :

Bói rằng : QUÝ MÃO năm nay,

Hèn chi MẬU TÝ ngày rày chẳng an.

để phù hợp với câu 1746 (đỗ Trạng) :

Hản suy Nhâm Tý thiệt là năm nay.

750. Vì chưng ma quỷ lộ trình rất thiêng.
 Muốn cho bệnh ấy dặng *thuyền*,
 Phải tìm thầy pháp chữa chuyên ít (1)
 ngày. »
 Đồng rằng : « *Pháp ở đâu đây ?* »
 Bói rằng : « Cũng ở chốn này bước ra. »
755. Pháp hay tiếng dậy đồn xa,
 Tên (2) là đạo sĩ ở Trà-Hương thôn. »
 Tiểu đồng mới chạy *bon bon*,
 Hỏi thăm đạo sĩ Hương-thôn chốn nào.
 Chợ đông buôn bán lao xao,
760. Người ta *chỉ vào nhà ở* chẳng xa,
 Đồng di một buổi tới nhà,
 Đạo sĩ xem thấy lòng *mà* mừng thay.
 Đồng rằng : « Nghe tiếng thầy *dây*,
 Trừ ma ếm quỷ phép thầy rất hay. »

751. K.N.S.T. yên.

753. S.T. Thầy pháp.

757. A.S.T. bốn bốn.

760. N. liền chỉ đường vào.

J.S.T. liền chỉ nơi vào.

762. N. *Pháp sư* xem thấy lòng *dà*.

763. S. hay.

764. N. Trù.

(1) Bản nôm : vài.

(2) Đáng lẽ là : *Ấy*, vì đạo sĩ không phải là tên.

CA ĐIỂN

765. Pháp rằng : Ấn đã cao tay,
Lại thêm bùa (1) chú xưa nay ai bì,
Qua sông cá thấy xếp vi,
Vào rừng cọp thấy phải quý lay đưa.
Pháp hay hú gió kêu mưa,
770. Sai chim khiến vượn đuổi lừa vật trâu.
Pháp hay miệng niệm một câu,
Tóm thâu muôn vật vào bầu hồ linh.
Pháp hay sai dậu thành binh,
Bện hình làm tướng phá thành Diêm-
Vương.
775. Pháp hay đạo hỏa phó than, (2)
Ngồi grom đứng giáo khai đường thiên
oan.
Khả trao ba lượng bạc sang,
Đặng thầy sắm sửa lập đàn chữa cho. »
Đồng rằng : « Tôi chẳng so do,
780. *Khuyên* thầy ra sức chớ lo khó giàu.

775. N.T. thang.

776. S. mở đàn. — K. thiên hoang.

N.T. mở đàn thiên hoang.

777. K.N.S.T. Có ba lượng bạc trao.

780. N. Xin thầy. — S.T. gắng sức.

(1) Các bản : phù.

(2) 踏火赴炭 : đi trên lửa than (một tài lạ của thầy pháp cao tay ấn).

- Bấy lâu thầy tớ theo (1) nhau,
 Bạc dành hai lượng phòng sau đi dàng.
 Chữa chuyen bịnh ấy đặng an,
 Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy. »
785. Pháp rằng : « Về lấy *trao* đây,
 Cho thầy toan liệu lập *bày* dàn ra. »
 Đồng rằng « Tôi đã lo xa,
 Cực vì người bịnh ở nhà chẳng yên.
 Xin thầy *gắng* sức chịu phiền,
790. Ra công bùa chú chữa chuyen *cách* nào. »
 Pháp rằng : « Có khó chi sao,
 Người nằm ta chữa rồi trao bùa (2) về. »
 Đồng rằng : « Tôi vốn thẳng hề,
 Bịnh chi mà khiến chịu hề chữa chuyen. »
795. Pháp rằng : « Ta biết kinh quyền,
 Đau Nam chữa Bắc mà thuyên mới tài. »
 Tiều đồng nghe lọt vào tai,
 Lòng mừng vội vã nằm dài chữa chuyen.

785. K. sang.

786. S.T. rày.

788. S. rằng.

789. S. giảng.

790. S.T. đường.

(1) Bản Nôm : nuôi.

(2) Các bản : phù.

CA DIỄN

Thầy liền cất tiếng hét lên :

800. « Mời ông Bàn-Cổ tọa tiền chứng miêng.
Thỉnh ông Đại-Thánh Tề-Thiên,
Cùng bà Võ-Hậu (1) đều liền tới đây.
Thỉnh ông nguyên soái chinh Tây,
Cùng bà Vương-Mẫu sum vầy một khi.
805. Thỉnh ông Phật-Tổ A-Di,
Thập phương chư Phật phò trì giúp công.
Lại mời công chúa Ngũ-Long,
Bình man Ngũ hổ hội đồng an dinh.

799. K.S.T. Pháp, bèn.

802. K.S.T. Thỉnh.

804. A. Phiếu.

808. K.N.S.T. nam.

(1) Đàng lý là *Thiên Hậu* — tức là *Mã-Hậu* — mà người Trung-Hoa thờ trong chùa Bà ở nước ta, chứ không phải *Võ-Hậu* (*Võ-Tắc-Thiên*).

Có chỗ lầm này vì Đường Cao-Tông (Lý-Trị) tự xưng là Thiên-Hoàng và phong Võ-Hậu là Thiên-Hậu (Giáp Tuất 674, để xưng thiên hoàng, hậu xưng thiên hậu).

Ở Áo-Môn, thờ dân gọi đền thờ Mã-Hậu là Mã các 媽閣; người Bồ-đào-nha phiên âm ra *Macao* (đề gọi Áo-Môn). Đền thờ này gọi là Thiên-Hậu-Cung; vị hải thần này sanh vào thời Tống, vua Khang-Hy phong là Thiên-Phi, rồi gia phong là Thiên-Hậu.

- Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,
 810. Cùng là tam phủ Đồng (1) Đình Xích-Lân.
 Thỉnh trong khắp hết quỷ thần,
 Cùng đều xuống chốn *phàm* trần vui chơi.
 Cho người ba đạo bùa (2) trời,
 Uống vào khỏe mạnh như lời chẳng sai. »
 815. Tiều đồng *luống* *những* theo lời,
Lãnh bùa (3) trở lại toan bài thuốc thang.
 Vào nhà thừa với thầy Ngang :
 « Phép bùa (4) đã đủ thầy toan phương
 nào ? »
 Ngang rằng : « Còn bạc trong bao,

812. K.N.S.T. dương.

815. K.N.S.T. vàng lãnh.

816. K.N.S.T. Lấy.

(1) Huinh-Tĩnh-Cửa : Đồng đình xích lân 洞庭鱗
 鱗 : thần quái ở dưới sông biển. Chữ 洞 cũng đọc là
 « Đồng » (tự điển thiết âm : đồ + hồng → đồng) nên
 bốn chữ này người miền Nam quen đọc là « Đồng
 đình xích lân ». « Xích » không rõ là giống vật chi,
 còn « Lân » là loài thủy quái, hoặc giống cá hoặc
 giống rồng (thường luồng ?), tức chỉ thủy quái ở hồ
 Động-Đình.

(2), (3) Các bản : phù.

(4) Các bản : Pháp phù.

CA ĐIỂN

820. Thời người *kíp* lấy mà trao cho thầy. »
Đồng rằng : « Tôi hãy ở đây,
Bệnh kia đầu khá, mình này bán đi. »
Triệu-Ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm lời trao chác đuổi đi khỏi vòng :
825. « Ở đây làng xóm khó lòng,
E khi mưa nắng ai *phòng* đỡ che. »
Đồng rằng : « Trong *túi* vắng hoe,
Bởi tội nên mắc, bởi nghe nên lầm.
Những lo chạy hết một trăm, (1)
830. Minh ve khô xẹp, ruột tằm héo *don*.
Thương thay tiền mất tật (2) còn,
Bơ vơ đất khách, thon von thể này.
Thôi thôi gắng gượng khỏi đây,
Đặng tôi khuyên giáo nuôi ngày cùng
nhau. »

820. S. *Khá* lấy trao sang. — K.T. *Khá* lấy.

824. N.S.T. đường.

826. S.T. cùng.

827. A.K. N.S.T. gói.

829. N.S.T. Mỏi.

830. N. héo *hon*.

834. N. *Tôi* đi khuyên giáo *đỡ* ngày cháo rau.

K.S.T. *Tôi* đi khuyên giáo *đỡ* ngày gạo rau.

(1) Bản Nôm : ... chạy chữa mấy trăm. **Phản** trên dùng chữ « lượng ».

(2) Bản Nôm viết lầm : bệnh.

835. Vân-Tiên chi tiết nổi sầu,
 Tiều đồng diu dất *qua* cầu Lá-Buôn.
 Đương khi mưa gió luông tuông,
 Người buồn lại gặp kiểng buồn khá
 thương.
- Xiết bao ăn tuyết nằm sương,
 840. Màn trời chiếu đất *đường* trường lao đao.
 Dầu cho tài trí bực nào,
 Gặp cơn nguy *biến* biết sao *cho* thương.
 Bơ vơ lạ *khách* tha hương,
 Nhơn tình nào biết ai thương mà nhờ.
845. Tiên rằng : « Đi đã *ngẩn* ngơ,
 Tìm nơi cây cối bụi bờ nghỉ chơn. »
 Đồng rằng : « Chút nữa khỏi rìng,
 Tìm nơi quán xá sẽ dừng nghỉ ngơi. »
 Non tây vừa khuất mặt trời,
850. Tờ thầy diu dất tới nơi Đại-Đề.

836. N.S.T. gần.

840. K N.S.T. dậm.

842. N. cho *tường*.

J.S.T. nguy *hiềm* biết sao *mà* nhờ.

* Bản S, bản T không có hai câu 843 và 844.

843. N. cảnh.

845. K.N.S.T. *ngất*-ngơ.

846. N. Hãy tìm.

CA ĐIỂN

- Trò* (1) thi một lũ vừa về,
Trịnh-Hâm xem thấy lại kè hỏi thăm :
« Anh về nay đã hai *rằm*,
Cớ sao mang bệnh còn nằm *chốn ni* ? »
855. Tiên rằng : « Tôi vốn chẳng may,
Chẳng hay chừ hữu khoa này thế nao ? »
Hâm rằng : « Tử-Trực đậu cao,
Tôi cùng *anh* Kiệm đều vào cử nhơn.
Một *tôi* về trước viếng thân,
- 860 Hai người trở việc còn lần đi sau
Đương *khi* hoạn nạn gặp nhau,
Người lành *nữ* bỏ người *đau* sao đành.
Từ đây *cho* *tôi* Đông-Thành,
Trong mình có bệnh bộ hành sao xong.
865. Lần hồi *tôi* chốn giang *trung*,

851. K.N.S.T. Trường.

853. A. năm.

854. K.N.S.T. nơi đây.

858. K.N.S.T. *Bùi-Kiệm*.

859. N.S.T. mình

861. K.S.T. cơn.

862. S. há *nữ* bỏ nhau....

863. K.S.T. *tôi* quận.

865. A. trong.

(1) Các bản đều chép : đồ thi. Nhưng ở đây chữ
徒 (đồ) đọc nôm là : trò.

- Tim thuyền ta sẽ tháp tùng với nhau. »
 Tiên rằng : « Tinh trước ngãi sau,
 Có thương xin khá giúp nhau phen này. »
 Hâm rằng : « Anh tạm ngồi đây,
 870. Tiều đồng người tới trước này cùng ta.
 Vào rừng kiếm thuốc ngoại khoa,
 Phòng khi sông biển phong ba bất kỳ. »
 Tiều đồng vội vã ra đi,
 Muốn cho đặng việc quản gi lao đao.
 875. Trịnh-Hâm trong dạ gươm dao,
 Bắt người đồng tử buộc vào cội cây :
 « Trước cho hùm cọp ăn mầy,
 Hai Tiên thời dụng mưu này mới xong. »
 Vân-Tiên ngồi những đợi trông,
 880. Trịnh-Hâm về nói tiều đồng cọp ăn.
 Vân-Tiên than khóc ngã lãn :
 « Có đâu địa hãm thiên băng thành linh.
 Bấy lâu đất khách lưu linh,
 Một thầy một tớ lộ trình nuôi nhau.
 885. Nay đã hai ngã phân nhau,

876. N. Bắt ngay đồng-tử trói vào gốc cây.
 S. Bắt người đồng tử trói vào cội cây.
 K.T. Bắt người đồng-tử trói vào gốc cây.
 878. N.S.T. phải.
 881. K.N.S.T. nằm.

CA DIỄN

- Còn ai nung *trước đỡ* sau cho mình ! »
Hâm rằng : « Anh chớ *ngại* tình,
Tôi xin đưa tới Đông-Thành thời *thôi*. »
Vân-Tiên chi xiết lụy roi,
890. Buồm đà theo gió *thẳng* xuôi một bề.
Tiểu đồng bị trời khôn về,
Kêu la chẳng thấu *tu* bề rừng hoang :
« Phận mình *còn mất chi* màng,
Cám thương họ Lục *suối* vàng bơ vơ.
895. Xiết bao những nỗi *dật* dờ,
Đò giang nào biết, bụi bờ nào hay.
Vân-Tiên hồn có linh rày,
Đem tôi theo với *đỡ* tay chơn cùng. »
Vái rồi lụy nhỏ *ròng* ròng,
900. Đem khuya ngồi dựa *cội* tòng ngủ quên.
Sơn quân ghé lại *một* bên,
Cắn dây mở trời *công* lên ra *đàng*.
Tiểu đồng thức dậy *mơ* màng,
Xem qua dấu đất *ràng* ràng *mới* hay.
905. Nửa mừng nửa lại *sợ* thay,

886. T. nung *đỡ* trước sau.

887. A. ngủi.

890. K.S.T. chạy.

892. K.N.S.T. bốn.

893. J.N.S.T. đã mắc tai nạn.

Chạy ra chốn cũ tìm thầy Vân-Tiên.

Mặt trời vừa khỏi mái hiên,

Kẻ buôn người bán chợ phiên nhộn nhàng.

Hỏi thăm bà quán giữa làng :

910. « Bữa qua có thấy người tang chắng là ? »

Quán rằng : « Thôi đã ra ma,

Khi mai làng xóm người ã đi chôn. »

Tiểu đồng nghe nói kinh hồn,

Hỏi rằng : « Biết chỗ nào chôn chỉ chừng. »

915. Tay lau nước mắt rung rưng,

Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao xao.

Tiểu đồng vội vã bước vào,

Xóm làng mới hỏi thẳng nào tới đây.

Đồng rằng : « Từ tới kiếm (1) thầy,

920. Chắng hay người tang huyết này là ai ? »

Người rằng : « Một gã con trai,

Ở đâu không biết lạc loài tới đây.

Chơn tay mặt mũi tốt thay,

Đau chi nên nổi nước này khá thương. »

906. K.S.T. kiếm.

908. K.S.T. Người buôn kẻ bán.

910. T. nay.

920. K.N.S.T. thác mã.

921. T. này.

(1) Bản Nôm : tìm.

CA ĐIỂN

925. Tiều đồng chẳng kịp hỏi han,
 Năm lẫn bên mả khóc than một hồi.
 Người người xem thấy thương ôi,
 Kêu nhau *vác* (1) cuốc đều lui ra đường.
 Tiều đồng ở giữa rừng hoang,
930. Che chòi giữ mả lòng toan trọn bề.
 Một mình ở đất Đại-Đề,
 Sớm đi khuyên giáo tối về quả đơm.
 Dốc lòng trả nợ áo cơm,
 Sống mà trọn nghĩa thác thom danh hiền.
935. Thử này tới thử Văn-Tiên,
 Năm canh ngồi dựa *be* thuyền thử than.
 Trong khăn lụy nhỏ chứa chan,
 Cảm thương phận tớ mắc nàn khi không.
 Linh đình thuyền giữa biển Đông,
940. Riêng than một tấm cô hồng ngần ngơ.
 Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
 Nghinh ngang sao mọc, mịt mờ sương bay.

927. S.T. đều.

928. A. bắt.

929. K.S.T. năm.

936. N. bên.

942. S. mịt-mù.

(1) Bản Nôm viết: 扒 (bát) mà đáng lý phải viết 擗 (bác). Bác → vắc. Nếu là « bắt » thì bản Nôm viết: 坏 (hoại) như trong câu 876.

- Trình-Hâm khi ấy ra tay,
 Vân-Tiên bị gã xô ngay xuống vời.
945. Trình-Hâm giả tiếng kêu trời,
 Cho người thức dậy lấy lời phui pha.
 Trong thuyền ai nấy (1) *thở ra*,
 Đều thương họ Lục xót xa *trong* lòng.
 Vân-Tiên mình *xuống* giữa dòng,
950. *Giao long* diu đỡ vào trong *bãi rày*.
Vừa may trời đã sáng ngày,
 Ông chài *xem* thấy vớt ngay lên bờ.
Hỏi con vầy lửa một giờ,
 Ông hơ bụng dạ, bà hơ mặt mày.
955. Vân-Tiên vừa ẩm chơn tay,
 Ngần ngơ hồn phách như say *mới* rồi.

947. N. *ngó* ra .— K.S.T. kêu la.

948. K.S.T. *tắm*.

949. K.N.S.T. *lụy*.

950. N. *Có giao long* đỡ vào trong *bãi lầy*.

S.T. *Giao long* diu *dắt* vào trong *bực rày*.

951. N.S.T. *May* vừa.

952. N.S. *Thuyền* chài *trông* thấy

T. *Thuyền* chài.

953. S.T. *Khiển*.

954. K.N.S.T. *mụ*.

956. N. *một* hồi.

(1) Bản Nôm : *chăng*.

CA ĐIỂN

- Ngõ là mình phải nước trôi,
Hay đầu còn hãy đứng ngồi dương gian.
Ngư-ông khi ấy hỏi han,
960. Vân-Tiên bày rõ mọi đàng gần xa.
Ngư rằng : « Ngươi ở cùng ta,
Hôm mai hằm hút với già cho vui. »
Tiên rằng : « Ông lấy chi nuôi,
Thân này khác thể trái muối trên cây.
965. May mà trôi nổi tới đây,
Không chi báo đáp, mình này trơ trơ. »
Ngư rằng : « Lòng lão chẳng mơ,
Dốc làm nhọn ngãi há chờ trả (1) ơn.
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
970. Một câu danh lợi chẳng sờn lòng đây.
Rày doi mai vịnh vui vầy,

957. S.T. than.

958. S.T. mình.

960. K.N.S.T. thừa hết.

962. T. Sớm mai hằm hút một nhà.

K.S. một nhà.

964. N. Thân tôi nào khác.

K.S.T. Thân tôi.

968. K.N.T. lòng.

970. K.S.T. chi.

971. S. Sớm doi lối vịnh.

(1) Bản Nôm : đên.

- Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.
 Một mình thông thả làm ăn,
 Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.
975. Nghêu ngao nay chích mai dầm,
 Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
 Kinh luân đã sẵn trong tay,
Nghinh ngang dưới thế, vui say trong đời.
 Thuyền nan một chiếc ở đời,
980. Tắm mưa *chải* gió trong (1) vời Hàn-
 Giang. »
- Vân-Tiên nhớ tới Hàn-Giang :*
 « Võ-công người ở gần đàng đày chẳng ? »
 Ngự rằng : « *Ta ở đồng lân,*
 Khởi ba khúc vịnh thời gần tới nơi. »
985. Tiên rằng : « Xưa đã gá lời,
 Sui gia bao nữ *đòi đời* chẳng thương.

978. N. *Thung dung* mặt nước vui say giữa trời.
 K.S.T. *Thung dung* dưới thế vui say trong
 trời.

979. N. *thánh-thoi*.

980. N. *gội*.

981. K.N.S.T. Tiên rằng : « *Vậy cũng một làng.*

983. N. *Ta ở cũng gần.*— K.S.T. *Nhà ở cũng gần.*

985. S. *đó*.

986. T. *lời*.

(1) Bản Nôm : *giữa*.

CA ĐIỀN

- Vợ chồng là đạo tào khương, (1)
Chi bằng tới đó tìm phương gởi mình.
Trăm năm muốn trọn ân tình,
990. *Gặp cơn* hoạn nạn ai đành bỏ nhau.
Chút nhờ cứu tử ơn sâu,
Xin *đưa* tới đó trước sau cho tròn. »
Ngư rằng : « *Làm đạo* về con,
Khác nào sợi chỉ mà lòn tròn kim.
995. Sợ bay mà mỗi *cánh* chim,
Bơ vợ kiềng lạ khôn tìm cây xưa.
E khi chậm bước tới trưa,
Chớ *tin* sông cũ bến xưa mà lằm.
Mấy ai ở *dặng* hảo tâm,
1000. *Nắng dùn* chớp nón, mưa *dầm* áo toi. (2)

990. K.S.T. *Đương* khi...

992. S.T. *đem*.

993. N. Là *phận*.

994. K.S.T. *Cũng* như.

995. J.T. *sức*.

998. S.T. *đi*.

1000. N.S. *Nắng loan* giúp nón mưa *giùm*...

K.T. *Nắng dùn*.

(1) *Đúng* ra là « *tào khương* » nhưng trong Nam quen đọc « *tào khương* ».

(2) C. 999-1000.— *Mấy* ai ở *dặng* hảo tâm,

Nắng dùn chớp nón, mưa *dầm* áo toi.

Mấy ai hay nghĩ sự đời,
 Nhớ nơi nghèo khổ, quên nơi sang giàu.
 Đã ba thứ tóc trên đầu,
 Gẫm trong sự thế thêm âu cho đời.»

1001. S.T. việc.

10 4. S. thế sự.

→ Ai cũng hiểu câu này có ý nghĩa là : Ở đời mấy ai hảo tâm đến nỗi gặp khi « nắng lửa » thì [quên mình] mà giúp cho người cái *nón chóp* (thứ nón lớn, có cái chóp với cái ngù chụm trên chót) và gặp khi « mưa dầm » thì [quên mình] mà giúp cho người cái *áo tơi* (thứ áo chằm bằng lá buôn hay lá chằm, lá dứa nước, ở thôn quê mục đồng và nông phu dùng để che mưa rất tốt; có thể ông tiều đã dùng thứ áo này mà « ngứa » ra rồi mở gói com đề lên, đãi Văn-Tiên).

Nhưng chữ *DỪN* tối nghĩa. Abel des Michels cố chấm câu theo lối hành văn Pháp một cách miễn cưỡng : « Nắng, dùn chóp nón ; mưa, dầm áo tơi », và dịch : « Quand le soleil brûle, on met vite le chapeau ; à la pluie qui tombe, on oppose le manteau de feuillage ». A. des Michels cố nhận chữ *DỪN* và chữ *DẦM* ra động từ (*dùn* : lâcher ; *dầm* : mouiller, laisser mouiller), rồi giải thêm : « Littéralement : (Lorsque) le soleil brûle — on lâche — le sommet — du chapeau ; — (lorsqu') il pleut, — on laisse mouiller —

CA ĐIỂN

1005. Văn-Tiên xin đã hết lời,
Ngư-ông chẳng đã tách vôi đưa sang.
Đặt Tiên vào trước tiền dàng,
Võ-công xem thấy lòng càng hồ người.
Chẳng qua sợ thế gian cười,

1005. K.N.S.T. thừa.

1007. N. đến hậu dàng.— S.T. chốn hậu dàng.

→

le manteau de feuilles!... Le mot *dùn*, qui signifie proprement *lâcher*, doit s'entendre ici du mouvement qui consiste à se couvrir brusquement en jetant sur sa tête un chapeau à large bord » (*lật đặt lủi dủi lư phủ lên đầu mình* một cái nón rộng vành), thì « không ăn » với ý « người hảo tâm cố giúp người bị « mưa dầu, nắng táp » ; lại thêm dứt chữ *dầm* ra khỏi chữ *mưa* (mưa, dầm) thì không Việt-nam một chút nào.— Génibrel cũng theo ý ấy nên trung ba chữ « *dùn chóp nón* » và dịch « lâcher la pointe du chapeau » (chỉ có : « liệng » cho cái chóp của cái nón).

Trương-Vĩnh-Ký dùng chữ ĐUN (nặng đun : nặng dốt, nắng nung nấu), cũng có nghĩa.

Đến như bản Nôm của Trần-Ngươn-Hanh thì viết rõ là 蓉 DUNG và hai người cháu nội gái của Cụ Nguyễn-Đình-Chiều cũng xác nhận là chữ « dung ». Vậy ta tìm hiểu chữ DUNG.

Có thể nó là chữ đồng âm khác :

1/ Hoặc chữ DUNG 融, có nghĩa là : hơi lửa bốc

→

1010. Một lời gượng gạo chào người ngày
xưa :

« Ngu-ông đã có công đưa,
Ngày sau ta sẽ lo lừa đền ơn. »
Ngu rằng : « Lòng lão chẳng sòn.
Xin tròn hơn ngài hay hơn bạc vàng.

1012. K.N.S.T. Tới ngày sau.

1013. N.S.T. Tôi chẳng lòng sòn.

1014. K.S.T. còn.

→
lên khiến chất đặc thành chất lỏng, chảy thành ra nước ; nên người Trung-Hoa cho Thần Lửa một cái đặc hiệu là « Chúc-dung-thị 祝融氏 ».

2/ Hoặ chữ Dung 燔 — mà lối sau này người Trung-Hoa quen viết ra 熔, với bộ Hỏa 火 (vì chỉ sức nóng của lửa), có nghĩa là : nấu loài kim cho chảy ra thành nước (như *dung kim*, *dung thạch*, *dung nham*), mà ta hiểu theo ý « chảy vàng tan đá ». Và người Việt ta cũng quen nói : dung đồng, dung vàng và vàng dung. (Génibrel dịch : or fondu, or en fusion ; như « *Khen câu ngọc đúc vàng dung* ».— Huỳnh-Tĩnh-Cửa giải : Dong (dung) : nấu, đốt cho chảy ra, làm cho ra nước : — hóa, — đồng, — thiếc).

Thêm một điểm nữa là *nặng dĩa* mà giúp cái *chóp nón* (chót cái nón) thì không ích chi, mà phải là *giúp cái nón chóp* — thừ nón to, có chóp gắn vào tháo ra được, gọi là *nón lông* (bằng lông chim lớn như

→

CA ĐIỂN

1015. Nhớ xưa trong núi Lư-San,
Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ-Viên. ...
Đến sau đình trưởng độ thuyền,
Giúp người Hạng-Võ qua miền Ô-Giang.
Xưa còn thương kẻ mắc nạn,
1020. Huống nay ai nữ quên dàng ngãi nhơn.»
Một lời gắng *giúp* keo sơn,
Ngư-ông từ già lui chơn xuống thuyền.
Võ-cộng khôn ngọt lòng phiền,
Ân tình, thế lợi có tuyền *vậy* vay?
1025. Dạy Tiên : « Người hãy ngồi đây,
Cho ta trở lại sau này liệu toan. »
Công rằng : « *Mụ* hồi Quỳnh-Trang,
Dò lòng ái nữ Thê-Loan thê nào.
Mặc *bay* toan liệu làm sao,

1021. S. dốt.

1024. K.N.S.T. *khó* tuyền *dặng* vay.

1027. K.N.T. Hồi *mụ*.

1029. con.

→
điều, sáo...) hay *nón ngựa* (dùng khi cỡi ngựa), có
quai nhiều màu rất nhã, rất trường giả, rất mát đầu
khi nắng dữ, mát hơn cả các thứ nón khác.

Vả lại, *NÓN CHÓP* mới đối với *ÁO TƠI*. Vậy
trường nên nghĩ hai câu này là :

*Mấy ai ở dặng hảo tâm,
Nắng DUNG, nón chóp ; mưa dầm, áo tơi.*

1030. Vốn không ép vợ lẽ nào ép con. »
 Loan rằng : « Gót đỏ như sơn,
 Xưa nay ai nữ đem chòn xuống bùn.
 Ai cho sen muống một hồn,
 Ai từng chanh khế sánh cùng lựu lê.
1035. Thà không, trót chịu một bề,
 Nữ đem mình ngọc dựa kê thất phu.
Dốc lòng chờ đợi danh nhu,
 Rề đầu có rề đuôi mù thề ni.
Tới nghe người nói hội này,
1040. Rằng Vương-Tử-Trực *đậu* rày thủ khoa.
 Ta dầu muốn kết sui gia.
 Họ Vương, họ Võ một nhà *mới* xinh. »
 Công rằng : « Muốn *đặng* việc mình,
 Phải toan một chước dứt tình *cho* xong.
1045. Nghe rằng trong núi Thương-Tòng,
 Có hang *sâu* thăm bịt bùng khôn ra.

-
1030. K.S.T. nữ.
 1034. K.N.S.T. phồn.
 1037. S.T. Đã công.
 1039. K.N.S.T. Đã.
 1040. N.S.T. chiêm.
 1042. S. càng.
 1043. K.S.T. trọn.
 1044. K.S.T. mới.
 1046. K.S.N.T. thăm-thăm.

CÁ DIỄN

- Đông-Thành ngàn dặm còn xa,
Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu. »
Phút (1) vừa trăng đã đứng đầu,
1050 Vân-Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.
Võ-công ra đó *phỉnh* chàng,
Xuống thuyền *cho trẻ* đưa sang Đông-
Thành.
- Ra đi *vừa* lúc tam canh,
Đắt vào hang lối bỏ đành Vân-Tiên.
1055. *Bỏ* rồi *lén lén* bước liền,
Xuống gay chèo quố đời thuyền tách xa.
Tiên rằng: « Các chú đưa ta,
Xin đưa *cho* tới quê nhà sẽ hay.
Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,
1060. Một phen *ra sức*, ngàn ngày *chẳng*
quên »
Lặng nghe vắng tiếng hai bên,

1051. N.T. trước đó.— K.S. *dở* chàng.

1052. K.N.S.T. rồi sẽ.

1053. K.N.S.T. *đương*.

1055. N. *Đoạn* rồi *rón rén*.

K.S.T. *rón rén*.

1058. S.T. tôi.

1060. K.N.S.T. mà khỏi.

(1) Bản Nôm: Xảy.

- Tay lần hang* tối đá trên chập chông.
 Vân-Tiên khi ấy hải hùng,
 Nghĩ ra mới biết Võ-công hại mình.
1065. Nực cười con tạo trở trình,
 Chữ duyên tráo chác, chữ tình lảng xao.
 Gẫm mình tai nạn biết bao,
 Mới lên khỏi biển, lại vào trong hang.
 Dây sầu ai khéo vương mang,
1070. Tránh nơi lưới thỏ, mắc đàn bẫy cheo.
 Trong hang sau trước quanh hieu,
 Muốn ra cho khỏi ai diu dắt đi.
 Oan gia nợ đã (1) khéo gày,
 Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.
1075. Đã đành xa cõi nhơn gian,
 Dựa mình vào chốn thạch bàn nằm co.
 Đêm đông ngọn gió thổi lò,
 Sương sa lác đác, mưa tro lạnh lùg.
 Năm ngày nhịn đói khát rông,

1062. S.T. *Trong hang tắm tối.*

1067. K.S. *Nghĩ* mình tai nạn *biết* bao.

T. *Nghĩ* mình tai *hại* *biết* bao.

1070. K.S.T. gặp.

1073. T. nợ.

1077. K.N.S.T. khuya.

1079. N.S.T. chịu.

(1) Bản Nôm : trước.

CA ĐIỂN

1080. Nhờ ba hườn thuốc đỡ lòng hôm mai.
Du thần xem thấy ai hoài,
Xét trong mình gã có bài bùa (1) tiên.
Mới hay là Lục-Vân-Tiên,
Cùng nhau diu dắt đều liền đem ra.
1085. Khỏi hang một dặm *vừa xa*,
Tới nơi Đại-Lộc trời đà hừng đông.
Du thần trở lại sơn trung,
Vân-Tiên còn hãy giấc nồng mê man.
Lão tiều com gói sẵn sàng,
1090. Sớm mai xách búa đi ngang *qua rừng*.
Tới *dường* Đại-Lộc là chừng,
Xảy nghe có tiếng trong rừng thở than.
Hay là yêu quái tà gian,
Rung cây nhát lão *làm* đảng hại nhơn.
1095. Lão tiều liền bước lại gần,
Thiệt là một gã văn nhơn mắc nạn.
Chỉ bằng lên tiếng hỏi han :

1085. N. xa xa.

1086. J.N.S.T. đại lộ.

1090. N.S.T. vào.

1091. N. Tới nơi đại lộ.

S.T. đại lộ.

1094. N. tìm.

(1) Các bản : phù.

« Nhon (1) sao mắc việc (2) tai nạn thế
ni ? »

Vân-Tiên nghe tiếng mừng thay,

1100. Vội vàng gương dậy trình bày trước sau.

Lão tiều nghe nói *hồi* lâu,

Gẫm trong thế sự *lúc* đầu thở than.

« Ít người trong tuyết *cho* than,

Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương.»

1105. Vân-Tiên nghe nói mới tường,

Cũng trang *hào kiệt* biết đường thảo
ngay :

« Ngửa trông lượng cả cao dày,

Cứu *tới* một *thuở* ơn tày tái sanh.

Mai sau về tới Đông-Thành,

1110. Đền ơn cứu *bổ dốc* đành dạ tôi »

Lão tiều mới nói : « Thôi thôi,

1101. K.S.T. giờ.

1102. S.T. gác (*gật*).

1103. K.S.T. đưa.

1106. K.N.S.T. ăn-dật.

1108. K. Cứu *trong*.

S. một *buổi*.— Trong một *buổi*.

1110. K.N.S.T. cứu *khỏi* mới đành.

(1) Bản Nôm : Cổ 固 ; đáng lý là Nhon 固.

(2) Bản Nôm : lấy.

CA ĐIỂN

- Làm ơn mà lại trông *hồi* sao hay.
Già hay thương kẻ thảo ngay,
Nầy thôi để lão dắt *nay* về nhà. »
1115. Tiên rằng : « Trong dạ xót xa,
Nay dà sáu bữa không hòa mùi chi.
Lại thêm rữ liệt tứ chi,
Muốn đi theo đó mà đi *sao* rồi. »
Lão tiều *vội* *ngừa* áo *toi*,
1120. Mở còm trong gói, miệng mời Vân-Tiên :
« Gắng mà ăn uống cho yèn,
Lão ra sức *mạnh* công Tiên về nhà. »
Khỏi rừng ra lời *ngã* (1) ba,
May dầu *lại* *gặp* *một* nhà Hớn-Minh.
1125. Lão tiều lật đật hôn trình,
Hớn-Minh theo hỏi sự tình một khi.
Vân-Tiên nghe tiếng cổ tri,

1112. J.S.T. trông *người*.

1114. N. dắt *tay*.— S. dắt *tay* vào nhà.

T. dắt *ngay*.

1118. K.N.S.T. khôn.

1119. S. nôm-nữ nực cười. — K.T. này *ngỡ* nực cười.

1122. K.N.S.T. sức *lão*.

1124. K.N.S.T. *gặp* một chàng là.

(1) Việt-Nam Tự Điển (của Hội Khai Tri Tiến Đức)
viết : *ngã* ba.

- Vội mừng bạn cũ còn *nghi* nổi mình.
 Minh rằng : « Dám hỏi nhưn huynh,
 1130. Cớ sao nên nổi thân hình thể ni ? »
 Tiên rằng : « Chẳng biết nói chi,
 Thân này nào có khác gì cây trôi.
 Linh đình gió dập sóng dồi,
 Rày đây mai đó khôn rời gian nan. »
 1135. Minh rằng : « Đây khó hỏi han,
 Xin vào chùa sẽ luận bàn ⁽¹⁾ cùng
 nhau. »
 Tiều rằng : « Chẳng *khá* ngồi lâu,
 Vào rừng đốn củi bán *hầu* chợ phiên. »
 Hớn-Minh quý gối lạy liền :
 1140. « Ông *ông* cứu đặng Vân-Tiên bạn lành.
 Đây hai lượng bạc *để dành*,
 Tôi xin báo đáp chút tình cho ông. »
 Tiều rằng : « *Lão vốn tay* không,
 Một mình *thong thả* non tòng hôm mai.

1128. S. e.

1137. K.N.S.T. dám.

1138. S. chiều.— K.T. châu.

1140. N. người.

1141. K.S.T. trong mình.

1143. J.N.S.T. *Vốn lão tình* không.

1144. K.S.T. *ngờ-ngần*.

(1) Bản Nôm : *bảng*

CÁI ĐIỂN

1145. Tấm lòng chẳng muốn của ai,
Lộc rừng củi quế hóm mai đỡ lòng.
Kia non nọ nước thung dung,
Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.
Công hầu phú quí mặc ai,
1150. *Thuế sưu nào biết, tiền tài nào hay.* »
Vân-Tiên nghe biết người ngay,
Hỏi thăm tên họ phòng ngày đèn ơn.
Lão tiều trở lại lâm sơn,
Tiên, Minh *vội vã* ⁽¹⁾ *phản* huờn am
mây. ⁽²⁾
1155. Tiên rằng : « Đã gặp *hội* này,
Cớ sao ngọc hữu ở đây làm gì ? »
Minh rằng : « Xưa dốc xuống thi,
Gặp *anh* ⁽³⁾ *võ miếu cũng* đi một lần.

1146. K.N.S.T. *Lánh nơi danh lợi chống gai cực lòng.*

1150. K.N.S.T. *Lộc rừng gánh vác hai vai thánng ngày.*

1151. K.N.S.T. hai gã đều.

1155. K.S.T. khoa.

1158. K.N. *Gặp nơi miếu vũ cùng đi...*

S. *Gặp anh miếu võ đều đi.*

T. *Gặp nơi miếu võ đều đi.*

(1) Bản Nôm : hai gã.

(2) Bản Nôm viết lầm : mưa.

(3) Bản Nôm : chàng.

- Anh thời *trở lại* (1) *viếng* thân,
 1160. *Còn tôi mang gói trước lần xuống* kinh.
 Đi vừa tới *phủ* Ô-Minh,
 Gặp con quan huyện Đặng-Sinh là
 chàng.
Sang giàu ý thể nghinh ngang,
 Gặp con gái tốt *làm hoang* không (2) *vi*.
 1165. Tôi bèn nổi giận một khi,
 Vật chàng *té* (3) *xuống* bẻ di một giò.
 Mình làm mình *chịu* ai lo,
 Bỏ tay *chịu* *tôi* nạp cho huyện đường.
 Ấn *đày* ra quận Sóc-Phương,
 1170. Tôi bèn vượt ngục *tầm* đường về đây.

1159. N.S.T. về trước tỉnh.

1160. K. Tôi thì.

N.S.T. *Tôi* thì mang gói *sau* lần *ra* kinh.

1161. J.N.S.T. *huyện* Loan-Minh.

1163. K.S.T. *Giàu* *sang* ý thể *dọc* ngang.
 N. *dọc* ngang.

1164. K.N.S.T. *cường* gian không *nghi*.

1166. K.S.T. *xuống* đó.

1167. K.N.S.T. *nỡ* *đề*.

1168. K.T. *trời*.

1170. K.N.S.T. *lánh* *dàng* *đến* đây.

(1) Bản Nôm : về trước.

(2) Bản Nôm : *chàng*.

(3) Bản Nôm viết : 擲 *dọc* « quách », rất hay.

CA ĐIỂN

Vừa may *lại* gặp chùa này,
Mai danh ần tịch bấy chày nấu nương. »
Vân-Tiên nghe nói thảm thương,
Bèn bày khúc đột tai ương phận mình.

1175. Minh nghe *duyên có cảm* tình,
Hai hàng *lụy nhỏ* như bình nước
nghiêng.

Tiên rằng : « *Chạnh đến* (1) xuân huyền,
Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao đao.
Trông con như *hạn* trông dào,

1180. Minh này trôi nổi *chốn* nào biết đầu !
Đôi vầng nhật nguyệt che đầu,
No nao trả đặng (2) công sáu sanh thành.

1171. S.T. mà.

K. *Lại bày mọi khúc.*

1174. N. khúc *ngọn*. — S.T. *Lại bày một khúc.*

1175. K.N.S.T. *Tiên nói động* tình.

1176. K.S.T. châu *lụy*.

1177. K.N.S.T. Thương *cội*.

1179. J.S.T. cá.

1180. K.S.T. *phương*.

1181. K.N.S.T. *Vầng mảy giăng bạc trên* đầu.

1182. N. *Lo sao trả đặng*.

K.S.T. Ba năm chưa trọn một câu...

(1) Bản Nôm : nổi.

(2) Bản Nôm : đặng trả.

- Hữu tam thất hiếu đã dành,
 Tiều đồng trước đã vì mình thác oan.
1185. Tưởng thòi *chua xót lá gan*,
Quặn đau chín khúc như xoi như dần. »
 Minh rằng : « Người ở trong trần,
 Có khi phú quí có lần gian nan.
 Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
1190. Gặp *con lửa đỏ* màu càng thêm xuê.
 Thôi thôi anh chớ vội về,
 Ở đây nung nấu toan bề thuốc thang.
 Bao giờ hết lúc tai nàn,
 Đem nhau ta sẽ lập đảng công danh.
1195. Cam-La sớm gặp cũng xinh,
 Muộn *thời* Khương-Tử cũng vinh một
 đời.
- Nên hư có số ở trời,
 Bôn chôn sao *đặng*, đòi đòi sao xong. »
 Vân-Tiên khi ấy yên lòng,
1200. Ở nơi am tự bạn cùng Hờn-Minh.

1183. K.N.S.T. bắt.

1185. K.N.S.T. ... *như cắt ruột gan*.

1186. N. *Ruột đau chín khúc chứa chan mấy lần.*
 K.S.T.... chứa chan mấy lần.

1190. K.S.T. khi.

1196. N. như.— K.S.T. mà.

1198. K.S.T. khỏi.

CA ĐIỂN

- Võ-công làm sự trở trình,
Dứt tình họ Lục mến tình họ Vương.
Từ ngày hang đá hại chàng,
Thê-Loan hớn hở lòng càng thêm vui.
1205. Ngày ngày *trang* điềm phấn giồi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngời cho xuê.
Xây dầu Tử-Trực vừa về,
Vào nhà họ Võ thăm bề Văn-Tiên.
Công rằng : « Chớ hỏi thêm phiền,
1210. *Chàng* đà lâm bệnh huỳnh tuyền xa chơi.
Thương chàng phận bạc ở đời,
Cũng vì Nguyệt-lão xe lôi mới hồng. »
Nghe qua Tử-Trực chạnh lòng,
Hai hàng *lụy ngọc* rờn rờn như mưa.
1215. Than rằng : « Chạnh nhớ linh xưa,
Ngãi đà kết Ngãi tình chưa phỉ tình.
Trời sao nữ phụ tài lành,

1201. K.S.T. việc.

1203. N. Từ ngày *định chước*.

K.S.T. Kể từ *định chước*.

1205. S. son.

1210. K.N.S.T. Trước.

1211. N. trên.— S.T. trong.

1214. K.S.T. nước mắt.

- Bảng vàng *chưa gấp*, mây xanh đã mòn.
Cùng nhau chưa đặng vòng tròn,
1220. Người dà sớm thác, ta còn làm chi ?
Trong đời mấy bức cố tri,
Mấy trang đồng đạo mấy người đồng
tâm. »
- Công rằng : « *Lão cũng tủi thềm*,
Tủi duyên con trẻ sắt cầm dở dang.
1225. Thôi thôi khuyên chớ thổ than,
Lão dà tinh đặng một dằng rất hay.
Tới đây thời ở lại đây,
Cùng con gái lão sum vầy thất gia.
Phòng khi *khuya* sớm vào ra,
1230. Thấy *Vương-Tử-Trực* cũng là *Vân-Tiên*. »
Trực rằng : « Ngồi viết đĩa nghiên,
Anh em xưa có thể nguyên cùng nhau.

1218. N. *ngày* xanh.

S. *Bảng* vàng đã *thấy* *ngày* xanh.

K.T. chưa *thấy* *ngày* xanh.

1223. N. *thương* thềm.

K.S.T. *Ta* cũng *thương* thềm.

1226. S.T. *Đáy* đà.

1229. K.S.T. hôm.

1230. K.... *thấy* *Tiên*.

S.T. *Thấy* *ngươi*... *thấy* *Tiên*.

CA ĐIỂN

- Vợ Tiên là Trục chị dâu,
Chị dâu, em bạn dăm đầu lỗi nghi.
1235. Chẳng hay người học sách chi,
Nói ra những tiếng dị kỳ khó nghe.
Hay là học thói nước Tề,
Vợ người Tử-Củ đưa về Hoàn-Công.
Hay là học thói Đường cung,
1240. Vợ người *Tiêu-Lạc* sánh cùng *Thế-Dân*.
Người nay nào phải nhà Tần,
Bất-Vi gả vợ, Dị-Nhơn lấy làm.
Nói sao *chẳng biết* hồ thăm,
Người ta há *dễ* là cầm thú sao ? »
1245. Võ-Công hồ thẹn xiết bao,
Ngồi trán không cũi lẽ nào cho qua.
Thề-Loan trong *trướng* bước ra,
Miệng chào : « Thầy cử tâu khoa mới về.
Thiếp đã chẳng trọn lời thề,
1250. Lỡ bề sửa traps, *lỡ* (1) bề nung khăn.

1233. S. vốn.

1236. S. Nói sao những thói.— K.T. Nói sao.

1240. N.T. *Tiêu-Lạc*.— K.S. *Tiêu-Lạc*.

1243. S. mà chẳng.

1244. K.N.S.T. phải.

1247. S.T. cửa.

(1) A. lỗi.— Bản Nôm : *lỡ*.

- Tiệc thay dạ tỏ nắng nắng,
 Đêm thu chờ đợi bóng trăng bẩy chầy.
Không ưng thời cũng làm khuây,
 Nữ buông lời nói chẳng vì chẳng kiêng.»
1255. Trục rằng : « Ai Lữ-Phụng-Tiên,
 Phòng toan đem thối Điều-Thuyền trêu
 người.
- Mồ (1) chông ngọn cỏ còn tươi,
 Lòng nào mà nữ buông lời nguyệt hoa.
 Hồ hang vậy cũng người la,
1260. So loài cầm thú vậy mà khác chi.
 Vân-Tiên anh hỡi cố tri,
 Tuổi vàng có biết *thế* ni chẳng là ? »
 Tay lau nước mắt trở ra,
 Vội về sắm sửa tim qua Đông-Thành.
1265. Võ công hồ thẹn trong *minh*,
 Năm ngày nhuộm bịnh thất tinh *thác* oan.
 Thê-Loan cùng mộ Quỳnh-Trang,

1253. S.T. Chẳng.

1255. S. Hỡi.

1258. T. sao.

1262. K. sự.

1264. K.S.T. Về nhà.

1265. T. lòng.

1266. K.T. chết.

(1) Bản Nôm : Mả.

CA ĐIỂN

- Mẹ con đóng cửa cư tang trong nhà.
Thứ này tới thứ Nguyệt-Nga,
1270. Hà-Khê phủ ấy theo cha học hành.
Kiều-công lên chức Thái-khanh,
Chỉ sai ra quận Đông-Thành *chấn* dân.
Ra tờ khắp hết xa gần, (1)
Hỏi thăm họ Lục *án* cần nơi nơi.
1275. *Đặng tin tả thiệp* sang mời,
Lục-ông vưng lệnh tới nơi dinh tiền.
Kiều-công hỏi *chuyện* Vân-Tiên,
Lục-ông *nhớ* đến bỗng liền khóc than.
Thưa rằng: « Nghe tiếng đồn vang,
1280. Con tôi nhuộm bình giữa đảng bỏ thầy.
Biệt tin từ ấy nhân nay,
Phút nghe *người* hỏi (2) *dạ* này *xổn* xang.»

1269. K.N.S.T. Đoạn.

1272. A. trấn.— Bản Nôm: *chấn*.

1274. K.N.S.T. *tim* lần đến nơi.

1275. N. *Sai quán* đem bức thơ mời.

K.S.T. *Khiến* quán đem bức thơ mời.

A. *tả thiệp*.— Bản Nôm: *thiệp*.

1277. S.T. *Lục-Vân-Tiên*.

1278. S.T. thấy hỏi.

1282. S. ngài nói châu mày lại thương.

T. nói châu mày lại thương.

(1) Bản Nôm: gần xa.

(2) Bản Nôm: nói.

- Kiều-công trong dạ bàng hoàng,
 Trở vào *thuật* lại cùng nàng Nguyệt-Nga :
1285. « Lục-ông người nói cùng cha,
 Duyên con rày đã trôi hoa giặt bèo.
 Riêng than chút phận *thơ đào*,
Hàn-giang chưa gặp, Ò-kiều *lời rơi* (1). »
 Nàng rằng : « *Quả* thiệt như lời,
1290. Xin cha sai kẻ mời người vào trong. »
 Nguyệt-Nga đứng dựa hèn phòng,
 Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa.
 Công rằng : « Nào *chút tình xưa*,
Ái nhi con khá đem đưa người nhìn. »
1295. Lục-ông một buổi ngồi nhìn,
 Tay chon *mặt mũi giống* in con mình.
 Nguyệt-Nga *lay* gửi phân minh,

1284. S.T. nói.

1285. S.T. nói lại.

1287. N. *thơ* đào.— K.S.T. *thơ* điều.

1288. S.T. *Hàn giang... lại* rơi.— K.N. *lại* rơi.

1289. S. *Đã* thiệt...— T. *Phải* thiệt.

1293. K.N.S.T. bức tượng.

1294. K.S.T. Nguyệt-Nga.

1296. N.S.T. vóc giặt đều.

1297. N.S.T. Chuyện trò sau trước.

(1) Bản Nôm viết : 淒 菜, có thể đọc : lay rơi.

CA ĐIỂN

- Lục-ông khi ấy sự tình mới hay :
« Thương con phận bạc lắm thay,
1300. Nguyễn xưa còn đó, con rày ở đâu? »
Nguyệt-Nga chi tiết nỗi sầu,
Lục-ông thấy vậy càng đau gan vàng.
Kiếm lời khuyên *giảng* cho nàng :
« Giải cơn phiền não kéo mang lấy sầu.
1305. Người đời như bóng phù du,
Sớm còn tối mất công phu lữ làng.
Cũng chưa đồng lịch đồng sàng,
Cũng chưa nêu *chữ* tào khang đầu mà.
Cũng như cửa sổ ngựa qua,
1310 Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền. »
Nàng rằng : « Trước đã *trọng* nguyện,
Đầu thay mái tóc *cũng* nhìn mỗi tơ. »
Công rằng : « *Ơn trước* *ngãi* xưa... »

1300. K.N.S.T. đi.

1301. S.T. Kiều-Công.

1302. S.T. thêm.

1303. K.... với nàng.

N.S.T. *giải* với nàng

1308. K.S.T. nghĩa.

1311. K.N.S.T. trọn.

1312. K.N.S.T. phải.

1313. S.T. Chút nặng tình.

- Liền đem vàng* (1) bạc tạ đưa cho người.
1315. Lục-ông cáo tạ xin lui :
 « Tôi đâu dám chịu của người làm chi.
 Ngõ là con trẻ mất đi,
 Hay đâu cốt cách còn ghi tượng này.
 Bây giờ *thấy dặng con đây,*
1320. Tấm lòng thương nhớ dễ khuấy dặng
 nào. »
 Ngửa than : « Đất rộng trời cao,
 Tre còn măng mất lẽ nào cho cân. »
 Lục-ông từ tạ lui chân,
 Kiêu-công sai kẻ gia thần đưa sang.
1325. Nguyệt-Nga nhuộm bệnh thở than,
 Năm canh lụy ngọc xốn xang lòng (2)
 vàng :
 « Nhớ khi thề thốt giữa đàng,
 Chưa nguôi *doạn* thăm lại *mang* (3) mối
 sầu.

1314. N. Bèn.— S.T. *Bèn đem tiền* bạc.

1319. K.N.S.T. con lại thấy.

1324. N. Kiêu-Ông.

1328. A.N. *ương* mối sầu.

S. *nỗi* thăm lại *mang* lấy sầu.

K.T. *nỗi* thăm lại *ương* lấy sầu.

(1) Bản Nôm : tiền.

(2) Bản Nôm : gan.

(3) Bản Nôm : mang.

CA ĐIỂN

- Công phu chờ đợi bấy lâu,
1330. Thà không cho gặp buổi đầu thời thôi.
Biết nhau chưaặng đặng mấy hồi,
Kể còn người mất trời ôi là trời !
Thề xưa tạc dạ ghi lời,
Thương người quân tử biết đời nào phải.
1335. Tiếc thay một đấng anh tài,
Nghề văn nghiệp võ nào ai dám bì.
Thương vì đèn sách lòng ghi,
Uổng công nào thấy tiếng gì là đầu.
Thương vì hai tám tuổi đầu,
1340. Người đời như bóng phù du lữ làng.
Thương vì chưa đặng hiển vang,
Nước trôi sự nghiệp, huê tàn công danh.
Thương vì đời lứa chưa thành,
Vua (1) hương bát nước ai dành ngày sau.
1345. Năm canh chẳng ngọt hột châu,

1329. K.N.S.T. đà.

1333. S.T. *Thuở* xưa giữ dạ.

1335. N.S.T. dự.

K. bực.

1336. S.T. *Việc* văn *việc* võ.

1339. K.S.T. trên.

1345. K.N.T. giọt.

(1) Bản Nôm : Bình.

- Mắt nhìn bức tượng ruột đau như dần.
 Dương gian nay chẳng đặng gần.
 Âm cung biết có thành thân chẳng là. »
 Kiêu công thức dậy bước ra,
 1350. Nghe con than *thở*, xót xa lòng vàng.
 Khuyên rằng: « *Chớ khá* cru mang,
 Gẫm *bề sống thác* là đàng xưa nay.
 Đờn cầm ai *nỡ dứt* dây,
 Chẳng qua *máy tạo vận* xây khôn
 thường. »
 1355. Nàng rằng: « *Chi* xiết nỗi thương,
 Khi không *gãy gánh* giữa đường *chẳng*
 hay.
 Nay đà loan phụng *lẻ* bày,
 Nệm nghiêng, gối *chích*, phận này đã cam.

1346. N. Mắt.

1350. A. Nghe con *thở than* (vì sắp chữ lộn).
 K.N.S.T. khóc.

1351. K.N.S.T. Con chó.

1352. K.S.T. trong còn mắt.

1353. N. *dứt* dây.— S. *khéo* dứt.
 T. *khéo* dứt.

1354. K.N.S.T. *con* tạo *đôi* xây...

1355. S. Không.— K.T. Khôn.

1356. T. *cánh*... ai hay.— S. *không* hay.

1357. N. *lỡ*.— K.T. *rẽ*.

1358. N. *chiếc*.

CA ĐIỂN

- Trăm năm thề chẳng lòng (1) phàm, (2)
1360. Sông Ngân đưa bạn, cầu Lam rước người.
Thần con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi. »
Kiều-công lòng rất chẳng vui :
« Con đá (3) giữ tiết, cha xui lẽ nào. »
1365. Có người sang cả ngôi cao,
Thái-sư chức trọng trong triều sắc phong.
Nghe đồn con gái Kiều-công,
Tuổi vừa hai tám tơ hồng chưa sẵn (4).

1363. K.N.S.T. trong dạ.

1364. K.T. Con đánh giữ tiết trọn đời hay sao.
N. cha vui lẽ nào.— S. một đời hay sao.

* Sau câu 1364, bản N. có thêm 2 câu :

Cảnh nhà ruột xót như bào,

Chuyện ngoài đầu lại đưa vào tự nhiên.

1365. N. ngôi cả quý quyền.

1366. N. ngự tiền.

1368. N. chưa vương.

S.T. Nay mời sáu tuổi tơ hồng chưa vương.

(1) Bản Nôm : nổi.

(2) Bản Nôm viết : 帆. Chữ « phàm » này cũng đọc nôm : buồm.

(3) Bản Nôm : 皮 (vừa, bề).

(4) A. xăng.— Bản Nôm : 控 xăng. Đúng hơn là chữ « sẵn » : xe sẵn — Tơ hồng chưa sẵn : tơ hồng chưa xe, tức là chưa có chồng. ~~Jamcaux~~ cũng dịch sát từng chữ là : la soie rouge — pas encore — avait tordu. (Đáng lý : [les fils de] soie rouge : [dây] tơ hồng).

- Thái-sur dùng lễ vật sang,
1370. *Cây* người mai chước kết đảng sui gia.
Kiều-công khôn ép Nguyệt-Nga,
Lễ nghi đưa lại về nhà Thái-sur.
Thái-sur lòng chẳng rộng suy,
Đem điều oán hận toan ghi vào lòng.
1375. *Xây* đầu giặc Mọi hành hung,
Ô-Qua quốc hiệu, binh nhung dấy loạn.
Đánh vào tới cửa Đồng-Quan,
Sở-vương phán hỏi lưỡng ban quần thần :
« Sao cho vững nước yên dân,
1380. Các (1) quan ai biết mưu thần bày ra. »
Thái-sur sẵn có cừ nhà,

1370. K.S.T. Mượn.

1372. N. trả.

1373. K.N.S.T. chẳng biết.

1374. K. oán giận sớm ghi.

N. mà ghi.

S.T. Đem lòng... sớm ghi.

1375. N. Phút đầu.

S.T. Phút đầu... làm hung.

K... làm hung.

1376. S.T. Lung-lãng nét dĩ.

1377. N.S.T. ái.

1381. S.T. nhớ việc.

(1) Bản Nôm : chư.

CA ĐIỂN

- Vội vàng quỳ gối tàu qua ngại vàng :
« Thuở nay giặc Mọi dấy loạn,
Cũng vì tham sắc phá tàn Trung-Hoa.
1385. Muốn cho yên giấc Ô-Qua,
Đưa con gái tốt giao hòa thời xong.
Nguyệt-Nga là gái Kiêu-công,
Tuổi vừa hai tám má hồng đương *xinh*.
Nàng là quốc sắc khuynh thành,
1390. Lại thêm hai chữ tài tình rất *ngoạ*. (1)
Gả nàng về nước Ô-Qua,
Chúa Phiên đẹp dạ ắt là bãi binh. »
Sở-vương nghe tấu thuận tình,
Châu phê khiến sứ ra dinh Đông-Thành :

1382. T. xuống.

1383. K.S.T. xưa.

1384. N. ham sắc.— S.T. Vì tham sắc tốt.

1385. S.T. khỏi.

1388. S. xanh.

1389. K.S.T. đã có.

1390. A. rất *hoa*.— N. rất mực tài tình hào *hoa*.

K.S.T. rất *bực* tài tình hào *hoa*.

1391. K.N.ST. Đưa.

1392. K.N.S.T. Phiên-Vương ưng.

1394. S.T. dạy.

(1) Bản Nôm viết: 訛. (Huỳnh-Tĩnh-Cửa: 訛 đọc :
ngoạ ; cho *ngoạ* : cho đáng, cho hẳn.— Génibrel: 訛
đọc : *ngoạ* ; dịch : arrondir).

1395. « Sắc phong Kiều-lão Thái-khanh,
Việc trong nhà nước *Trẫm* đành cậy
ngươi.
Nguyệt-Nga là *đừng* nên người,
Lựa (1) ngày tháng chín hai mươi cống
Hồ. »
- Kiều-công vưng lệnh *trào đố*,
1400. *Trung quân* đâu dám nói phò điều nào.
Nguyệt-Nga trong dạ như bào,
Canh chầy chẳng ngủ những thao thức
hoài.
Thất tình trâm nọ biếng cài,
Dựa màn bỏ xả tóc dài ngồi lo :
1405. « Chiêu-Quân xưa cũng cống Hồ,
Bởi (2) ngươi Diên-Thọ họa đồ về *Phiên*.
Hạnh-Nguơn xưa cũng *chẳng yên*,

1396. S.T. đã.

1397. K.N. nàng ấy.

1399. K.S.T. nhà vua.

1400. K.N.S.T. Lễ nào mà.

1404. N. xả.

1406. K.N.S.T. gây nên.

1407. K.N. sau cũng.

J.S.T. sau cũng *khỏi miền*.

(1) Bản Nôm : Chon.

(2) Bản Nôm : Vi.

CA ĐIỂN

- Vi người Lư-Kỷ cứu tiền chép ghi.*
Hai nàng chẳng đã phải đi,
1410. *Một vi ngay chúa, một vi thảo cha.*
Chiêu-Quân nhảy xuống giang hà,
Thương vua nhà Hôn, nàng đã quyền
sinh.
Hạnh-Nguơn nhảy xuống Tri-Linh,
Thượng người Lương-Ngọc trọn tình
đạo ba. (1)
1415. *Đến nay phận bạc là ta,*
Nguyễn cùng bức tượng trót đã chung
thần.
Tình phu phụ, nghĩa quân thần,
Tình xa cũng trọn, ngãi gần cũng nên.
Ngãi tình nặng cả đôi bên,

1408. N. cứu hiềm còn ghi.

S. *Bởi người Lư-Kỷ cứu hiềm còn ghi.*

J.T. *Bởi chung Lư-Kỷ cứu hiềm còn ghi.*

1409. S. người.

1410. S.T. là.

1412. S.T. vốn.

1414. K.N.S.T. duyên lành phối pha.

1415. A. bạc phận.— Bản Nôm: phận bạc.

1418. K.N.S.T. *Nghĩa xa... ơn gần.*

1419. S. Hai bên..... hai.— A.— hai.— Bản Nôm: đôi.

(1) Tam cang (đạo cang thường: tam cang ngũ thường).

1420. Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.
 Sao sao một thác thời xong,
 Lấy mình báo chúa, lấy lòng sự phu. »
 Kiêu-công nương gói đưng lo,
 Nghe con than thở mấy câu thêm phiền.
1425. *Bèn kêu vào dựa trướng tiền,*
 Lấy lời *giáo huấn* cho tuyền thân danh :
 « *Chẳng qua* là việc triều đình,
 Nào cha có muốn ép tình chi con. »
 Nàng rằng : « Còn kể chi con,
1430. Bơ vơ chút phận mắt còn quản bao.
 Thương cha tuổi tác đã cao,
 E khi ấm lạnh buổi nào biết đâu.
 Tuổi già bóng xế nhành dàu,
 Sớm xem tối xét ai hầu cho cha. »
1435. Công rằng : « *Chi* sả việc nhà,
 Hãy yên dạ trẻ mà qua nước người.
 Hôm nay đã đến mồng mười,
 Khá toan sắm sửa hai mươi tống hànhh.»
 Nàng rằng : « Việc ấy đã đành,
1440. Còn lo hai chữ ân tình *chưa* xong.

1425. K.N.S.T. Kêu vào ngồi.

1426. K.N.S.T. dạy-dỗ.

1427. T. hay.

1435. S.T. Chẳng.

1440. S.T. cho.

CA' DIỄN

Con xin sang lạy Lục-ông,
Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân-Tiên.
Ngõ cho ơn ngài vẹn tuyền,
Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp
nhau. »

1445. Kiêu-công biết nghĩ trước sau,
Ban cho vàng (1) bạc cấp hầu đưa đi.
Lục-ông ra rước một khi,
Nguyệt-Nga vào đặt lễ nghi sẵn sàng.
Ngày lành giờ ngọ dâng đàn,
1450. Ăn chay năm đất cho chàng Vân-Tiên.
Mở ra bức tượng treo lên,
Trong nhà cho đến láng diềng đều thương.
Nguyệt-Nga *mắng* (2) tiếng khóc than :

1443. K.S.T. nhân.

1446. K.S.T. Dạy đem tiền.

1447. N. đón.

1453. K.N.S.T. cất.

(1) Bản Nôm : tiền.

(2) Bản Nôm : mượn (lối nghĩa); « *mắng* » ở đây là tiếng xưa : « *mắng tiếng* » : nghe tin, nghe tiếng, nghe nói (Huỳnh-Tịnh-Cửa).

Phải chăng khi Nguyệt-Nga vừa mở tượng Vân-Tiên treo lên (đề vào đám làm chay), người trong nhà và láng diềng đều tỏ lời thương tiếc; Nguyệt-Nga « nghe (*mắng*) tiếng » càng nức nở khóc than ?

- « Vân-Tiên anh hơi tuổi vàng có hay ! »
1455. Bầy ngày rồi việc làm chay,
Bèn đem vàng bạc tạ rày Lục-ông :
 « Trông chồng mà chẳng thấy chồng,
 Đã dành một *nồi* má hồng vô duyên.
 Rày vua gả thiệp về Phiên,
1460. Quyết lòng xuống chốn *huỳnh* tuyền
 thấy (1) nhau.
 Chẳng chi cũng gọi *tiếng* dàu,
 Muốn *xong* việc nước phải *âu* việc nhà.
 Một ngày một bước một xa,
 Cửa này để lại cho cha dưỡng già. »
1465. Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
 Ngùi ngùi *từ* *giã* bước ra trở về.
Các quan xa giá bộn bề,

1455. N. xong.

1456. K.N. *tiền* bạc.— S.T. *Lại* đem *tiền*.

1458. K.S.T. chữ.

1460. K.N.S.T. *cửu* tuyền.

1461. K.N.S.T. là.

K. Muốn *lo*.

1462. N.S.T. *lo... đạo*.

1466. N.S.T. *lạy* tạ.

1467. N. *Tới* nơi xe ngựa *chính-lề*.

(1) Bản Nôm : gặp.

CA ĐIỂN

- Năm mươi *thị* nữ *dựa* kê chơn tay.
Hai mươi nay đã đến ngày,
1470. Các quan bảo hộ đưa ngay xuống thuyền.
Nguyệt-Nga vội khiến Kim-Liên,
Lên mời thàn phụ xuống thuyền xem
qua.
Còng rằng : « *Dạ* đã xót xa,
Con *đừng* *bị* *rịn* cho cha thăm sâu (1).»
1475. Nàng (2) rằng : « Non nước cao sáu,
Từ đây *xa* *cách* khôn (3) hầu thấy cha.
Thân con (4) về nước Ô-Qua,
Đã dành một nổi làm ma đất người.
Đôi phương Nam Bắc cách vời,
1480. Con xin gửi lại một lời làm khuây.
Hiu hiu gió thổi ngọn cây,

1468. K.N.S.T. *thẻ* nữ *hầu* kê.

1473. S.T. *Thật* *dạ*.

1474. K.S.T. còn *dùng*-*thắng*.

1476. N.S.T. *cách* *khỏi*.

1479. K.S.T. *Hai*.

1480. S.T. *Chú*.

(1) Bản Nôm : ... *mà* cha *thêm* sâu.

(2) Bản Nôm : *Nga*.

(3) Bản Nôm : *ai*.

(4) Bản Nôm : *này*.

Ấy là hồn trẻ về *đáy* thăm nhà. »
 Kiêu-công *lụy ngọc* nhỏ sa,
 Các quan ai nấy cũng là *đều* thương.
 1485. Chẳng qua là *việc* quân vương,
 Cho nên phụ tử hai đường xa *xuôi*.
 Buồm trương thuyền *vội trở lui*,
 Các quan đưa đón ngui ngui đứng trông.
 Mười ngày (1) *vừa* tới ải *Đông*,

1482. K.S.T. về *rày* thăm cha.

1483. S.T. hạt *lụy*.

1484. S.T. tình.

1485. K.N.S.T. việc ở.

1486. N. xôi.

1487. K.N.S.T. tách *vời*.

1488. S.T. người người.

1489. K.S.T. *đã* tới.

N.T. ải *Đông*.

(1) « *Mười ngày vừa tới ải Đông.* »

Lui thuyền ngày 20, rồi đi 10 ngày đến ải Đông thì nhằm 30 hay mồng một (tùy tháng ra đi *đủ* hay *thiếu*). Mà ngày 30 hay mồng một âm lịch thì làm sao có trăng, nhứt là « *bóng trăng vặc vặc* » (c. 1492).

Vậy tưởng nên chữa *mười ngày* ra :

1) *Mười ba, mười bốn hay mười sáu,*

để *hạp* với « *Bóng trăng vừa khuất ngọn cây* » (c.1523) và « *Phút đầu trời đã rạng hừng vừng đông* » (c.1538),

→

CA VIÊN

1490. Mênh mênh biển rộng, dùng dùng sóng
xao.

Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trăng vặc vặc, bóng sao mờ mờ.
Trên trời lặng lẽ như tờ,
Nguyệt-Nga nhớ đến tóc tơ chẳng tròn.

1495. Than rằng : « Nọ nước kia non, (1)
Kiêng thời thấy đó, người còn về đâu ! »
Quan quân đều ngủ đã lâu,
Lén ra mở bức rèm châu một mình :
« *Hoàng thiên bất phụ lòng thành,*

1500. Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.
Vân-Tiên anh hỡi có hay,
Thiếp nguyện giữ vẹn lòng ngay với
chàng. »

1490. K.N.T. mênh-mông.— S. ăm ăm sóng xao.

1494. K.S.T. nổi.

1497. K.N.S.T. Quân hầu.

1499. N. Vắng người còn bóng trăng thanh.

K.S.T. Vắng người có bóng trăng thanh.

1502. K.N.S.T. một tấm.

→

II) hoặc là :

« *Bao ngày vira tới ải Đồng* »,

không nói rõ thuyền đi bao lâu, để cho « ă » với
câu dưới : « *Đêm nay chẳng biết đêm nào ?* »

(1) Bản Nôm : *Kia nước nọ non.*

Than rồi lấy tọng vai mang,
Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy
ngay.

1505. Kim-Liên thức dậy *hoảng thay*,
Cùng quân thề nữ một *bầy* đều lo.
Cùng nhau *đều chẳng dám* hò,
Liệu toan mưu kế *chẳng* cho lậu tinh :
« Việc này là việc triều đình,
1510. Đốc-quan hay *đặng*, ắt mình thác oan.
Muốn cho cần *thận* trăm *đàng*,
Kim-Liên thế lấy làm nàng Nguyệt-Nga.
Trá hôn về nước Ô-Qua,
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu. »
1515. Tinh *rồi xong* *xả* *chước* mầu,
Phút *đầu* thuyền đã đến *đầu* ả quan,
Đốc-quan xa *già* đưa sang,

1504. J.S.T. *chứng*.

1505. N.S.T. *mới* hay.

1506. N.S.T. *bài*.

1507. N. *chẳng dám* *tri* hò.— S.T. *lặng* *chẳng*...

1508. K.S.T. *Thăm*.

1511. K.N.S.T. *cần-nhiệm*.

1515. N. *xong* *chước* ấy *nhiệm*.

1516. N.S.T. *nghe*.

1517. K.S.T. *sửa*.

CA ĐIỂN

Giao cho Liêu-trương phò nàng về Phiên.

Ai hay tỳ tất (1) Kim-Liên,

1520. Đặng làm hoàng hậu nước Phiên *trọn*
đời.

Nguyệt-Nga *minh* xuống giữa vời,

Sóng thần đưa đầy vào nơi bãi *rày*.

Bóng trắng vừa khuất ngọn cây,

Nguyệt-Nga *hồn* hãy chơi *rày* âm cung.

1525. Xiết bao sương tuyết đêm đông,

Mình nằm giữa bãi lạnh lũng ai hay.

Quan-Âm thương *gái* thảo ngay,

Bèn đem nàng lại *để* *rày* vườn hoa.

Dặn rằng : « Nàng *Kiều*-Nguyệt-Nga,

1530. Tìm nơi nường nấu cho qua tháng ngày.

Đôi ba năm nữa gần đây,

1518. N. Kiệu trương long phụng rước..

K.S.T. Kiệu trương long phụng rước..

1519. N.S.T. Nào.

1520. S.T. một.

1521. K.S.T. nhẩy.

1522. N. lây.

1524. S. còn.

1527. N.S.T. đứng.

1528. N.S.T. bỏ.

1529. K N.S.T. hỏi.

(1) Xem lời chú câu 154.

- Vợ chồng *sau sẽ* sum vầy một nơi. »
 Nguyệt-Nga giây phút tỉnh hơi,
 Định hôn mới nghĩ mấy lời chiêm bao.
1535. *Thiệt* hừ chưa biết làm sao,
 Bảy giờ biết kiếm *nơi* nào *gởi* thân ?
 Một mình luống những bưng khuâng,
 Phút đầu trời đã rạng hừng vùng đông.
 Một mình mang bức tượng chồng,
1540. Xảy đầu lại gặp Bùi-ông dạo vườn.
 Ông rằng : « *Nàng ở* hà phương,
 Việc chi mà đến trong vườn hoa ta ? »
 Nàng rằng : « Trận gió *hóm* qua,
 Chìm thuyền nên nổi *thân* ra *đổi* này.
1545. Tối tắm *lờ* bước tới dầy,
 Xin *ông soi xét* thơ ngày lạc đàng. »

1532. S.T. sao cũng.

1535. S.T. Nên.

1536. K. *chốn* nào

N. *dung* thân.

S.T. *chốn* nào *dung* thân.

1541. S. Người.

1543. S.T. thôi.

1544. K.S.T. *minh* ra *thế* này.

1545. K.N.S.T. *sây*.

1546. K.N.S. Xin *soi xét* *lời*...

CA ĐIỂN

Bùi-ông đứng *nhắm* tướng nàng,
Chẳng *trang* dài các, cũng hàng trăm
anh.

Đầu đuôi han hỏi sự tình,
1550. Nàng bèn *lấy* thiết việc mình *thừa* qua.
Bùi-ông mừng rước về nhà,
Thay xiêm đổi áo nuôi *mà* làm con.
Rằng: « *Ta* sanh *đặng* chồi non,
Tên là Bùi-Kiệm nó ⁽¹⁾ còn ở kinh.

1555. Trong nhà không gái hậu sinh,
Ngày nay *đặng* gặp mình linh phước
Trời. »

Nguyệt-Nga ở đã an nơi,
Đêm đêm nghĩ lượng sự đời gần xa.
Một lo về ⁽²⁾ nước Ô-Qua,

1547. K. ngắm.

1548. S.T. phen.

1550. K.S.T. *lời* thiết... *bày* qua.

1552. T. nhà.

1553. S.T. *Ta* cũng sinh *một*...

1556. K.S.T. lại.

(1) Các bản Quốc-ngữ đều chép: hã; bản Nôm chép: nó. (Lối văn nói hay lối văn xưa thường dùng, như: c. 38, tôn sư *người* dạy; c. 709, quỷ thần *người* ở trên cao; c. 1285, Lục-ông *người* nói...).

(2) Bản Nôm: vl.

1560. *Vua hay bắt tội cha già rất oan.*
 Hai lo phận gái hồng nhan,
 Sợ khi (1) bảo dưỡng sau toan lẽ gì.
 Nguyệt-Nga luống những (2) sầu bi,
 Phút đầu Bùi-Kiệm tới khi về nhà.
1565. Từ ngày thấy mặt Nguyệt-Nga,
 Đêm đêm trần trọc phòng hoa mấy lần.
 Thấy nàng thờ bức tượng nhân,
 Nghiệm trong tình ý dần lân hỏi liền :
 « Tượng này sao giống Vân-Tiên,
1570. Bấy lâu thờ có linh thiêng điều gì ? »
 Nàng rằng : « *Hễ* phận nữ nhi,
 Một câu chánh tiết phải ghi vào lòng.
 Trăm năm cho (3) trọn chữ lòng,
 Sống sao thác vậ một chồng mà thôi. »
1575. Kiệm rằng : « Nàng nói sai rồi,

1560. K.S.T. E vua...

1562. K.S.T. mưu.

1564. K.N.S.T. Xảy.

1571. K.S.T. Làm.

1573. S.T. đạo.

(1) Bản Nôm : E người.

(2) Bản Nôm : những luống.

(3) Bản Nôm : dốc.

CA ĐIỂN

- Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa?
Làm người trong cõi *nắng* mưa,
Bảy mươi mấy mặt người xưa *thấy* nào.
Chúa xuân còn ở vườn đào,
1580. Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.
Chúa *xuân* ra khỏi vườn xuân,
Huê tàn nhụy rữa *lá* rừng bỏ hoang.
Ở đời ai cậy giàu sang,
Ba xuân *mòn* hết, ngàn vàng khôn mua.
1585. Hay chi *những* vãi ở chùa,
Một căn cửa khép ⁽¹⁾ bốn mùa lạnh tanh.
Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước *gởi* mình vào đâu.
Ai từng mặc áo không bầu,
1590. Ăn cơm không đũa, ăn trà không cau.
Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,

1577. K.S.T. gió.

1578. N.S.T. thề.

1581. S.T. đồng.

1582. K.S.T. như.

1584. K.S.T. dẫu.

1585. K.S.T. như.

1588. N.S.T. biết.

¹
(1) Bản Nôm : đóng.

- Đề ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình. »
 Nàng (1) rằng : « Từng đọc sử kinh,
 Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.
 1595. Chẳng phen thối nước Trịnh đâu,
 Hẹn người tới giữa vườn dâu tư tình. »
 Kiệm rằng : « Nàng thuộc sử kinh,
 Sao không (2) suy xét đề mình năm không.
 Hồ-Dương xưa mới góa chồng,
 1600. Còn tham nhan sắc Tống-công cũng vừa.
 Hạ-cơ lớn nhỏ đều ưa,
 Sớm đưa Doãn, Phủ, tối ngira Trần-
 quân (3).

1592. S. Giữ ôm tượng ấy.

K.T. Giữ.

1593. S.T. Xưa học.

1597. N. Nàng biết sử kinh.

K.S.T. Đã biết sử kinh.

1598. S.T. soi... ngồi.

1600. K.S.T. mơ.

1601. S.T. cũng.

(1) Bản Nôm : Nga (đề như c. 1575 : Kiệm rằng...).

(2) Bản Nôm : chẳng.

(3) Thời Xuân-Thu, quan Đại-phu nước Trần tên là Trần-Ngự-Thúc cưới con gái nước Trịnh làm vợ. Nguyên vì cha của Ngự-Thúc có tên tự là Tử-Hạ nên Ngự-Thúc dùng chữ « Hạ » làm họ, gọi là Hạ-Ngự-
 →

Hơn xưa Lữ-Hậu thanh xuân,
Còn vua Cao-Tổ, mấy đưng Dị-Ky.

1605. Đường xưa Võ-Hậu thiết gì,
Dị-Tôn (1) khi trẻ, Tam-Tur lúc già.
Cứ trong sách vở nói ra,
Một đời sung sướng cũng qua một đời.
Ai ai cũng ở trong trời,
1610. Chính chuyên, trắc nết, chết thời cũng ma.

1604. N lần.— S. đánh.— T. Còn vừa... đánh.

1606. K.N.S.T. Di-Tông.

1609. N.S.T. Chính chuyên làm sự đời đời.

1610. N.S.T. Lãng vãn trắc nết hết đời cũng ma.

→

Thúc; bởi vậy gọi vợ là nàng Hạ-cơ. Hạ-cơ có sắc đẹp và tánh lẳng lơ, lấy Hạ-Ngự-Thúc sanh được một con trai, tên gọi Hạ-Trung-Thư. Trung-Thư được 12 tuổi thì cha chết. Hạ-cơ ngoại tình với Khổng-Ninh và Nghi-Hàng-Phủ, bạn đồng liêu của chồng, và cả với vua Trần Linh-Công. Về sau, nước Sở diệt nước Trần, vua Sở đem Hạ-cơ gả cho quan Liên-doãn tên Tương-Lão.

Vậy, trong câu này, « Doãn » chỉ quan Liên-doãn Tương-Lão, — « Phủ » chỉ Nghi-Hàng-Phủ, — « Trần-quân » chỉ vua Trần Linh-Công.

(1) Đây là Duệ-Tông 睿宗, tức Lý-Đán 李旦. Chữ 宗 (tông) là tên húy của vua Thiệu-Trị nên kiêng mà đọc « tôn ».

- Người ta chẳng lấy người ta,
 Người ta đâu lấy những là tượng *nhân*.
Chẳng nên tích phận hồng nhan,
 Học đòi Như-Ý vẽ chàng Văn-Quân. »
1615. Nguyệt-Nga biết đưa tiểu nhân,
 Làm thình toan chước thoát thân cho rời.
 Búi-ông ngon ngọt trau giồi,
Đỡ nàng cho dựng sánh đôi con mình :
 « Làm người chấp nhứt sao đành,
1620. Hễ là lịch sự có kinh có quyền,
 Tờì dày duyên đã bén duyên,
 Trăng thanh gió mát *cặm* thuyền chờ ai.
Chữ rằng « xuân bất tái lai »,
 Ngày nay hoa nở e mai hoa tàn.
1625. Làm chi thiệt *phận* hồng nhan,
 Năm canh gối phụng *nệm* loan lạnh lùng.

1612. A. nhan ; bản Nôm : 顔 nhan (c. 1567 : tượng nhân).

1613. N. Làm chi thiệt.
 K.S.T. *Cho nên tiếc* phận.

1618. N.S.T. Muốn.

1622. T. cấm.

1623. K.S.T. Nhớ câu.

1624. N. ngày.

1625. N.T. mạng.

1626. K.S.T. màn.

CA ĐIỂN

- Vọng phu xưa cũng trông chồng,
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phui pha.
Thôi thôi khuyên chớ thở ra,
1630. Vầy cùng con lão một nhà cho xuôi.»
Nguyệt-Nga giả dạng mừng vui,
Thưa rằng: «Người có công nuôi bầy
chầy.
Tôi xin *gởi lại* lời này,
Hãy tua chậm chậm sẽ vầy nhơn duyên.
1635. Tôi *xin* lạy tạ Văn-Tiên,
Làm chay bầy bữa cho tuyền thí chung.»
Cha con nghe *nói* mừng lòng,
Dọn nhà *sửa sửa động* phòng cho xuê.
Chiếu hoa, gói sách (1) bộn bề,
1640. Cỗ đồ bát bửu *chỉnh tề* chưng ra.
Xảy vừa đến lúc canh ba,

1633. K.S.T. dám *gởi*.

1635. N.S.T. vào.

1636. J.N.S.T. Chay đàn.

1637. S.T. thấy.

1638. S. *sửa chỗ đóng* phòng.

K.T. *sửa chỗ động* phòng.

1640. J.N.S.T. mượn về.

(1) Gói (lá) sách: loại gói dựa của người giàu sang.— Huỳnh-Tĩnh-Cửa: gói lá sách: gói may nhiều lớp, nhiều con.

Nguyệt-Nga lấy bút đề *và* (1) câu thơ.

Dán *trên* (2) vách phần một tờ,

Vai mang bức tượng *một* giờ ra đi.

1645. Hai bên bờ bụi rậm ri,

Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng lờ.

Lạ chừng đường sá bơ vơ,

Có bầy đom đóm sáng nhờ di theo.

Qua truông rồi lại *sang* đèo,

1650. Để *ngâm* dắng dỏi, *ve kêu* nã nùng.

Giày sành đập sỏi thẳng xồng,

Vừa *đau* trời đã vừng đông ló đầu.

Nguyệt-Nga đi dặng hồi lâu,

Tim nơi bàn thạch ngô hầu nghĩ chừn.

1655. Người ngay Trời Phật cũng vưng,

1642. N.S.T. vài.

1643. T. trong.

1644. K.N.S.T. kịp.

1649. K.N.S.T. lên.

1650. K.N.T. Để *kêu*... *sương gieo lạnh lùng*.

S. Để *kêu*... *ve ngâm lạnh lùng*.

1652. K.N.S.T. may.

(1) Huỳnh-Tĩnh-Cửa: Và: ... vài, hai, một ít; và lời: vài lời; và hàng: vài hàng...

Génibrel: Và (= vài), quelques.

(2) Bản Nôm: lên.

CA DIỄN

- Lão-bà chống gậy trong rừng đi ra.
Hỏi rằng : « Nàng phải Nguyệt-Nga,
Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta.
Khi đêm nằm thấy Phật-Bà,
1660. Người đà mách bảo nên già tới đây. »
Nguyệt-Nga bán tin bán nghi,
Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.
Bước vào thấy những đờn bà,
Làm nghề bó vải lụa là mà thôi.
1665. Nguyệt-Nga đành dạ ở rồi,
Từ đây mới hết nỗi trời chốn nào.
Hỏi thăm ra (1) chốn Ô-Sào,
Quan san mấy dặm đi vào tới nơi.
Đoạn này tới thứ ra đời,
1670. Văn-Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền.
Nửa đêm nằm thấy ông Tiên,
Đem cho *linh dược* mắt liền sáng ra.
Kể từ nhuộm bệnh đường xa,

1656. N. lần.— K.S.T. bước.

1659. S.T. kbuya.

1660. N.T. phải đi.

1667. K.T. qua.

1668. N.T. nào.

1672. N.S.T. chén thuốc.

(1) Bản Nôm : là.

Đến nay tình đã gần đã sáu năm.

1675. Tuổi cha rày đã *quá trăm*, (1)

Chạnh lòng nhớ tới đầm đầm *lụy sa*.

Vân-Tiên *trở lại quê nhà*,

Hón-Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.

Tiên rằng : « *Anh lại cố hương*,

1680. Ôn nhau sau gặp khoa trường sẽ hay. »

Minh rằng : « *Em vốn chẳng may*,

Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.

1674. K.N.S.T. Tháng ngày thắm thoát kẻ...

1675. N.S.T. năm lăm.

1676. S.T. nhỏ.

K. châu.

1677. S.T. tình trở lại.

1679. N. Ta.— K.S.T. *Ta lại hỏi hương*.

1681. N.S.T. Tôi.

(1) Tuổi « quá trăm » hẳn là « quá già », thế mà còn khương kiện đến thăm Kiều-công. (Xét ra : thân sanh Cụ Nguyễn-Đình-Chiều sanh năm Nhâm Tý (1793) ; đến năm thân mẫu Cụ qua đời là Mậu Thân (1848) và khi Cụ hay tin là vào năm Kỷ Dậu (1849), thì thân sanh Cụ 57 tuổi (tính theo ta và Trung-Hoa), mà vì thân sanh Cụ sanh vào ngày 29 tháng chạp nên tính đúng là 58 tuổi. Có lẽ vì nghĩ vậy mà các bản N.S.T. đều sửa : *năm lăm*, cho vừa phải). Phải chăng ở đây tác giả muốn tả cha Vân-Tiên thật già, quá già nên dùng hai chữ « *quá trăm* » ?

CA ĐIỂN

Dám đầu bày mặt ra thi,
Đã đành hai chữ quy y chùa này. »

1685. Tiên rằng : « *Phước gặp khoa này,*
Sao sao cũng tỉnh sum vầy cùng nhau.
Mấy năm hằm hút tương rau,
Khó nghèo còn tưởng, sang giàu nữa quên.
Lúc hư còn có lúc nên,

1690. Khuyên người chữ dạ (1) cho (2) bền thảo
ngay. »

Hơn-Minh trở lại am mây,
Vân-Tiên về một tháng chầy tới nơi.
Lục-ông nước mắt tuôn rơi :
« Ai dè con sống trên đời thấy cha. »

1695. Xóm làng cô bác gần xa,
Đều mừng chạy đến chạt nhà hỏi thăm.
Ông rằng : « Kể đã mấy năm,

1684. N. Thôi.

1685. N. Chẳng kịp thi chầy.

1688. N. nữ phụ.— K.S.T. nữ phụ... *dấu quên*.

1690. K.N.S.T. giữ.

1695. K.N.S.T. điềng.

(1) Huỳnh-Tĩnh-Cửa : *Chữ* : ghi, nhớ. *Chữ dạ* : ghi dạ, dề dạ, đem vào lòng dạ ; *chữ lời* : ghi giữ lấy lời nói, không quên.

Génibrel : *Chữ dạ* : garder un profond souvenir.

(2) A. rồi.— Bản Nôm : cho.

Con mang tật bệnh ăn nằm nơi nào ? »

Tiên rằng : « Hoạn nạn xiết bao,

1700. Mẹ tôi phần mộ nơi nào viếng an ? »

Đặt bày lễ vật nghiêm trang,

Đọc bài văn tế trước bàn minh sanh :

« Suối vàng hồn mẹ *hiển* linh,

Chứng cho con *trẻ* (1) lòng thành ngày
nay.

1705. Tưởng bề nguồn nước cội cây,

Công cao ngàn trượng, ngôi dày chín
trăng.

Suy người năm giá khóc măng,

Hai mươi bốn thảo *đâu* bằng người xưa.»

Vân-Tiên nước mắt như mưa,

1710. Tế rồi *lại hỏi việc* xưa ở nhà.

Ông rằng : « Có *Kiều-Nguyệt-Nga*,

1699. S.T. Thưa.

1703. K.N.S.T. có.

1704. S. thảo.

1706. S.T. sâu.

1707. K.T. trang.

1708. K.S.T. chẳng.

1710. K.T. hỏi việc khi.

1711. K.S.T. nàng.

(1) A. lấy.— Bản Nôm : trẻ.

CA DIỄN

- Bạc vàng đem giúp, cửa nhà *đặng* xuê.
Nhờ nàng nèn mới ra bề,
Chẳng *chi* khó đói bỏ quê *đi* rồi. »
1715. Vân-Tiên nghe nói hỡi ôi,
Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu.
Hỏi rằng : « Nàng ấy ở đâu ?
Đặng con tôi *tạ* đáp câu ân tình. »
Lục-ông thuật việc triều đình,
1720. Đầu đuôi chuyện văn tỏ tình cùng Tiên :
« Kiều-công (1) rày ở Tây-Xuyên,
Cũng vì mắc nịnh biếm quyền *đuôi* ra. »
Tiên rằng : « Cám ngời Nguyệt-Nga,
Tôi xin *sang* đó *tạ* cha nàng cùng. »
1725. Tây-Xuyên ngàn dặm thẳng xông,
Đến nơi ra mắt, Kiều-công khóc liền :
« Nguyệt-Nga rày ở *nước* Phiên,
Biết sao cho *dặng* đoàn viên cùng chàng.
Ai dè Hồ, Việt *đòi* phang,

1712. S.T. *tiền*... *mời*..

1714. N. *Chẳng* *thì*.

S.T. *Chẳng* *thì*... *hư* rồi.

1718. K.N.S.T. *đó*.

1724. N. *qua*.— K.S.T. *qua*.... *thăm*.

1727. K.S.T. Tây-Phiên.

1729. K.S.T. *Mấy* *thu*.

(1) A : ông.— Bản Nôm : công.

1730. *Cũng vì* máy Tạo én nhàn rẽ (1) nhau.
 Thấy chàng dạ lại thêm đau,
 Đất trời *bao nữ phân* bầu cho dành.
 Hẹp hòi có chút nữ-sanh,
 Trông cho chời quế trở thành mâu đơn. »
1735. Nói *thôi* lụy nhỏ đòi con :
Cũng vì một sự oán hờn nên gây.
 Thôi con ở lại bên này,
 Hòm mai thấy mặt cho khuấy lòng già. »
 Vân-Tiên từ ấy lán la,
1740. Ôn nhuần kinh sử chờ khoa ứng kỳ.
 Năm sau lệnh mở khoa thi,
 Vân-Tiên vào tạ xin đi tựu trường.
 Trở về thừa với xuân đường,
 Kinh sư ngàn dặm *một* (2) đường thẳng
 ra.
1745. Vân-Tiên dự trúng khôi khoa,

1730. N.S.T. Chẳng qua.

1732. N. *sao nữ chia* bầu.

K.S.T. *chia* bầu.

1733. K.S.T. đặng.

1735. K.S.T. rồi.

1736. S.T. Cùng nhau.

(1) Bản Nôm : phân.

(2) A. nhưt. — Bản Nôm : một.

CA DIỄN

Hản suy Nhâm Tý thiết là năm nay.
Mấy lời thầy *dạy* rất hay,
Bắc phương gặp Chuột *hản* rày nên danh.
Vân-Tiên vào tạ triều đình,

1750. Lịnh ban y mỗ *hiễn* vinh về nhà.

Xảy nghe có giặc Ô-Qua,
Phủ vây quan ải binh *gia* dư ngàn.
Sở-vương phán trước ngai vàng,
Chỉ sai Quốc-trạng dẹp *đoàn* bày *ong*.

1755. Trạng-nguơn tâu *dộng* (1) *đền* rờng :

« Xin sai một tướng anh hùng *đề* binh.
Có người họ Hớn tên Minh,

1.46. N.S.T. *Đương* trong.

1747. N. *Nhớ... thật* hay.

K.S.T. *Nhớ... nói thật* hay.

1748. K.S.T. con.

1750. S.T. cho.

1751. K.N.S.T. tin.

1752. N. binh *gia* bốn ngàn.

K.S.T. binh *ba* bốn ngàn.

1754. N. loạn cho xong.— K.S.T. *loàn* bày *ong*.

1755. K.N.S.T. trước *bệ*.

1756. K.N.S.T. *dưng*.

(1) Tàu *dộng* : tâu lên vua, như : tâu *dộng* cửu trùng, tâu *dộng* hoàng gia...

Sức đương Hạng-Võ mạnh kinh Trương-
Phi.

Ngày xưa mắc án trốn đi,

1760. *Quy y ở núi Túy-Vi* ẩn mình. »

Sở-vương phán trước trào đình,

Chỉ *truyền* tha tội Hớn-Minh đòi về.

Sắc phong Phó-tướng *binh Di*,

Tiên, Minh *tương hội* xiết gì mừng vui.

1765. Nhứt thình phẫn phát oai lôi,

Tiên-phuông, Hậu-tập *cổ hồi* (1) tấn binh.

Quan san *trực chỉ* đăng trình,

Lãnh cờ binh tặc phá thành Ô-Qua.

Làm trai ơn nước nợ nhà,

1770. Thảo cha ngay chúa mới là *hùng anh*.

Phút đầu binh đảo quan thành,

1759. S.T. đầy.

1760. K.N.S.T. Phải về nương nấu từ bi.

1762. K.S. sai.

1763. J.S.T. binh đề.

1764. S.T. từ ấy.

1766. N.S.T. trống.

1767. K.S.T. ngàn dặm.

1770. K.N.S.T. tài danh.

(1) *Cổ hồi*: hồi trống.

CA ĐIỂN

- Ô-Qua xem thấy *xuất hành cự dương*.
Tương Phiên *đôi* (1) gã đường đường,
Một chàng Hỏa-Hồ, một chàng Xích-Long.
1775. Lại thêm Cốt-Đột Ngươn-nhung,
Mặt hùm râu đỏ, *trông hung lạ lùng*.
Hơn-Minh ra sức Tiên-phong,
Đánh cùng Hỏa-Hồ, Xích-Long một hồi.
Hơn-Minh *chùy giáng dương lôi*,
1780. Hai chàng đều bị một hồi (2) mạng vong.
Ngươn-nhung Cốt-Đột nổi xung,
Hai tay xách búa đánh cùng Hơn-Minh.
Hơn-Minh *thần lực nan kinh*,
Thấy chàng hóa phép *dùng* mình trở lui.

1772. K. *xuất thành*.

J.S.T. *thối binh di đồn*.

1773. N.S.T. hai.

1774. K.N.S.T. *Thần-Long*.

1776. K.N.S. *Mất*.

1778. K.N. *Thần-Long*.— S.T. *chàng... Thần-Long*.

1779. N. *nư* *lôi*.— K.S.T. *đánh xuống một roi*.

1783. K.N.S.T. *sức chẳng dám*.

1784. N.S.T. *thoát*.

(1) Bản Nôm: hai.

(2) Bản Nôm: c. 1779 viết: 鎗 chùy (thiết chùy của Lý-Nguyên-Bá, của Nhạc-Lôi); c. 1780 viết: 鎗 chùy (mũi dùi).

1785. Vân-Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.
Một mình *nhắm* trận *lướt* vô,
Thấy người Cốt-Đột biến *đồ* yêu ma.
Vội vàng *quày* ngựa *trở* ra,
1790. Truyền *quán* *trảm* *câu* *máu* thoa ngọn
cờ.
Ba (1) quán gươm giáo đều *dơ* (2),
Yêu ma xem thấy một giờ *đều* tan.
Phép tà Cốt-Đột hết phang,
Phùng phùng nổi giận đánh chàng Vân-
Tiên.
1795. Trung *tiền* tả hữu lưỡng biên,

1787. K. *xông* vô.— N.S. *lướt* trận *xông* vô.

1788. J.N.S.T. biến *hồ* yêu *tà*.

1789. K.S.T. *trở* ngựa *lui* ra.

1790. K.N.S.T. đem máu chó *đều*.

1791. N.S. *giờ*.

1792. K.S.T. *võ*.

* Các bản K.S.T. không có 4 câu : 1793, 1794, 1795,
1796.

1795. N. *quân*.

(1) Bản Nôm : Tam.

(2) *dơ* : như *bần*, ô *uế* (vì máu chó thoa *cờ*),
khiến *tà* thuật mất linh nghiệm.

CA ĐIỂN

Trạng-ngươn Cốt-Đột đánh liên tối ngày,
Sa cơ Cốt-Đột chạy ngay,
Trạng-ngươn giục ngựa kíp rày đuổi
theo.

Đuổi sang khỏi dặng bảy đèo,
1800. *Nguơn-nhung* Cốt-Đột vận nghèo nài
bao.

Chạy ngang qua núi Ô-Sào,
Phút đầu ngựa té (1) xuống hào thương ôi.
Trạng-ngươn chém Cốt-Đột rồi,
Đầu treo cổ ngựa phản hồi bốn quân.

1805. Ôi thôi bốn phía đều rừng,
Trời đà tối mịt lạc chừng gần xa.
Một mình lạc nẻo vào ra,
Lần theo đường núi phút đà tan canh.
Một mình trong chốn non xanh,

1810. *Biết* ai mà hỏi lộ trình trở ra.

1797. S. ngang.— K.T. hoang.

1798. K.S.T. Vân-Tiên... bằng ngàn.

1799. K. đuổi qua.— N.S.T. qua mới.

1800. K.S.T. Khá thương.

1802. N. sa ngựa xuống.— K.S.T. con ngựa sa hào.

1803. K.S.T. Vân-Tiên.

1808. K.N.S.T. tam.

1810. S.T. Không.

(1) A. sa.— Bản Nôm: té.

- Đoạn này tới thứ Nguyệt-Nga,
 Ở đây tinh đã hơn ba năm rồi.
 Đêm khuya chong ngọn đèn ngời,
 Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi :
1815. « Quan-Âm thuở trước nói chi,
 Éo le phỉnh thiệp lòng ghi nhớ hoài.
 Đã đành đá nát vàng phai,
 Cũng nguyện xuống chốn *Diêm* đài tìm
 nhau.
- Khôn trông mong bầy đêm thu,
 1820. Khôn trông bầy quạ đội cầu đưa sao. (1)
 Phải chi hỏiặng Nam-Tào,
 Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau ? »
 Nguyệt-Nga gượng giải cơn sầu,
 Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà.
1825. Kêu rằng : « Ai ở trong nhà,
 Đường về quan ải chỉ ra cho cùng. »

1817. N. Thôi.

1818. K. *dạ* đài gặp nhau.— N. *dạ* đài.

S.T. *Đã đành... dạ* đài gặp nhau.

* Các bản S.T. không có hai câu : 1819, 1820.

1824. S. gần.

(1) Chỉ hai sao : sao Khiên-Ngưu và sao Chức-Nữ ; sao Chức-Nữ ở phía Bắc, sao Khiên-Ngưu ở phía Nam của Thiên-hà, nhờ quạ đội cầu để gặp nhau đêm mồng 7 tháng 7 (thất tịch).

CA DIỄN

Nguyệt-Nga ngồi sợ hãi hùng,
Vân-Tiên xuống ngựa thẳng xông bước
vào.

Lão-bà ứng hỏi (1) : « Người nào,

1830. *Đêm khuya lạ mặt có vào nhà ta ?*

Ở đây vốn những đòn bà,

Làm sao (2) nam tử phép mà chẳng kiêng? »

Vân-Tiên mới nói sự tình :

« Tôi là Quốc-trạng trào đình sai ra,

1835. *Đem binh dẹp giặc Ô-Qua,*

Lạc chừng (3) đến hỏi thăm nhà bà đây. »

Lão-bà nghe nói sợ thay :

« Xin ông chờ chấp tôi nay暮 già. »

Vân-Tiên ngồi nhắm Nguyệt-Nga,

1840. *Đoài nhìn bức tượng lòng đã sanh nghi.*

1829. K.S.T. lật đặt hỏi chào.

1830. N. *dám* vào nhà ta.

K.S.T. Ở đâu mà tới rừng cao một mình ?

* Các bản K.S.T. không có hai câu : 1831, 1832.

1832. N. Sao là.

1836. K.N.S.T. *Lạc đường*.

1840. K.N.S.T. Lại xem.

(1) Bản Nôm : nói.

(2) A. Sao mà. — Bản Nôm : Làm sao.

(3) *Chừng* : lối, như : đề chừng (nhắm lối mà đi).

Hỏi rằng : « *Tượng* ấy tượng chi ?
Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình.
Đầu đuôi chưa rõ sự tình,
Xin bà khá nói tánh danh cho (1) tường. »

1845. Lão-bà chẳng dám nói gian :
« *Tượng* này vốn thiết chõng nàng ngồi
đây. »

Tiên rằng : « *Nàng* xách lại đây,
Nói trong tên họ *tượng* này ta nghe ».
Nguyệt-Nga lòng rất kiên dè,

1850. Mặt thò giống mặt, *ngươi* e lạ *người*.
Ngồi che tay áo hỏ *ngươi*,
Vân-Tiên thấy vậy mỉm cười một khi,
Rằng : « *Sao* nàng chẳng nói đi,
Hay *lời* ta hỏi động chi chẳng là ? »

1855. Nguyệt-Nga khép nép thừa qua :
« *Người* trong bức *tượng* tên là Vân-Tiên.
Chàng đà về chốn Cửu-tuyền,

1841. K.N.S.T. Bức.

1844. K.S.T. Lão.

1845. K.S.T. lời.

1850. K.T. còn.

1851. K.S.T. là.

1857. S. lên.

(1) Bản Nôm : tôi.

CA ĐIỂN

Thiếp lăm trợn đạo lánh miền gió trắng. »

Vân-Tiên nghe nói hỏi phần :

1860. « Chồng là (1) tên ấy, vợ *rằng* tên chi ? »

Nàng bèn tỏ thiệt một khi,

Vân-Tiên vội vã xuống quỳ *chấp* tay,

Thưa rằng : « *Nay* gặp *nàng* đây,

Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn.

1865. *Lời thề* thệ hải minh sơn,

Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.

Vân-Tiên vốn thiệt *tên* tôi,

Gặp nhau nay đã *phỉ* rồi ước mơ. »

Nguyệt-Nga bâng lảng bơ lơ,

1870. Nửa tin rằng bạn, nửa ngờ rằng ai.

Thưa rằng : « Đã thiệt *là* ngài,

Khúc nói xin cứ đầu bài phân qua. »

Vân-Tiên dẫn tích xưa ra,

Nguyệt-Nga khi ấy khóc òa như mưa.

1875. Ân tình càng kể càng ra,

1860. N.T. là (chữ « *rằng* » mới ăn vào trên).

1862. K.N.S.T. vòng.

1863. N. *May* gặp *nhau*.— S.T. *May* gặp.

1865. K.N.S.T. Đề *lời*.

1867. K.N.S.T. là.

1871. N.S.T. tên.

(1) Bản Nôm : thời.

- Mảng còn bịn rịn trời vừa sáng ngay.
Xảy nghe quân ó vang dầy,
Tư bề rừng bụi, khắp bày can qua.
Vân-Tiên lên ngựa trở ra,
1880. Thấy cờ đề chữ hiệu là Hớn-Minh.
Hớn-Minh khi ấy dừng binh,
Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.
Minh rằng : « Tàu tầu ở đâu ?
Đặng em ra mắt chị dâu thế nào. »
1885. Vân-Tiên đem Hớn-Minh vào,
Nguyệt-Nga đứng dậy miệng chào có
duyên.
Minh rằng : « Tưởng chị ở Phiên,
Quyết đem binh mã sang miền Ô-Qua.
Mình rày sum hiệp một nhà,
1890. Giặc đà yên giặc *âu ca* hồi trào. »
Tiên rằng : « Nàng tinh làm sao ? »
Nàng⁽¹⁾ rằng : « *Phu tướng* hồi trào tầu lên.

1878. K.S.T. Bốn.

1884. K.N.S.T. Cho.

1888. S.T. qua.

1889. N.S.T. May đầu.

1890. K.N.S.T. hải.

1891. K.N.S.T. thế nào.

1892. K.N.T. *Anh hãy về*.

S. Nga rằng : « *Anh hãy về*. »

(1) Bản Nôm: Nga.

CA ĐIỂN

- Ngõ nhờ lượng cả bề trên,
Lịnh tha tội trước mới nên về nhà. »
1895. Trạng-nguơn từ giã lão bà.
Dặn dò gởi lại Nguyệt Nga ít ngày :
« *Tôi về dừng bức tượng này,*
Tàu xin miễn tội rước ngay về nhà. »
Tiên, Minh lên ngựa trở ra,
1900. Đem binh trở lại trào ca đề huề.
Sở-vương nghe Trạng-nguơn về,
Sai *quân* tiếp rước vào kê bên ngai.
Sở-vương bước xuống kim giai,
Tay bung chén rượu thưởng tài Trạng-
nguyên.
1905. Phán rằng : « Trâm sợ nước Phiên,
Có người Cốt-Đột phép tiên lạ lùng.
Nay đà trừ Cốt-Đột xong,
Thiệt Trời sanh Trạng giúp trong nước
nhà.
Phải chi sớm có Trạng ra,

1897. K. Tôi về *dem*. S.T.— *Ta về dem*.

1898. K.S.T. cho khỏi.

1899. N.S.T. trở ngựa *đều* ra.

1902. K.N.S.T. quân.

1908. N. Phật.

1909. N. có sớm.— S.T. trước có.

1910. *Làm sao đến nỗi Nguyệt-Nga cống Hồ !* »
 Linh truyền *khai* yến trào đò,
 Rày mừng trừ *đặng* giặc Ô-Qua rồi.
 Trạng-nguon quý tấu *trước* ngôi,
 Nguyệt-Nga các việc *đầu* *đuôi* rõ ràng.
1915. Sở-vương nghe tấu ngõ ngài :
 « *Bấy* lâu *trẫm* tưởng rằng nàng ở *Phiên*.
 Chẳng ngờ nàng với Trạng-nguyên,
 Cùng nhau *trước* có *nhơn* duyên *thuở*
đầu. »
- Thái-sur *trước* bệ quý tàu :
1920. « Ô-Qua *phản* động *bấy* lâu cũng vì
 Trà hôn oán ấy *còn* gây,
 Nguyệt-Nga *vốn* *thiệt* tội thì khi *quàn*. »
 Trạng-nguon mặt *đỏ* phùng phùng,
 Bèn *đem* bức *tượng* quý *dưng* làm *bằng*.
1925. Sở-vương xem *tượng* *phán* rằng :

1910. K.S.T. chi.

1911. K.S.T. mở.

1912. A. trừ *đặng*. — S. giặc Ô-Qua *đặng*.

1913. N.S.T. một hồi.

1914. K.N.S.T. khúc *nôi*.

1916. K.S.T. *Phán* *rằng*.

1920. N.T. *dấy* *động* *qua* *máu*.

S. *dấy* *động* *quá* *mau*.

1921. K.N.S.T. *nên*.

1922. K.S.T. *nàng*.

CA DIỄN

« Nguyệt-Nga trình tiết vi bằng người
xưa.

Thái-sur trước chẳng lo lừa,
Thiếu chi dàn thứ mà đưa tới nàng.
Dầu cho nhứt nguyệt rõ ràng,

1930. Khôn soi chậu *úp* cũng mang tiếng đời.
Ngay gian *chưng* có Đất Trời,
Việc này vì trâm nghe lời nên oan. »
Trạng-nguơn tàu trước trào đàng :
« Thái-sur chứa (1) dưỡng tôi gian trong
nhà.

1935. Trịnh-Hàm là đũa gian tà,
Hại tôi buổi trước cũng đà ghe phen. »
Sở-vương phán trước bệ tiền :
« Những ngờ tướng ngõ tôi hiền mà thôi.
Vầy cũng đạo chúa ngài tôi,

1940. Thái-sur ý muốn cướp ngôi *chín* trùng.
Hơn xưa có gã Đổng-công,

1928. K.S.T. phải.

1930. A. ốp.

1931. K.N.T. sao cũng có.

S. cao cũng có.

1939. K. *Vậy* cũng.— N. Cũng là.— S. *Vậy* thời.

1940. N. cửu.

(1) Các bản : trữ. Chữ 貯 (trữ) đọc nôm : chứa.

- Nuôi thẳng Lữ-Bố cướp dòng nhà Lưu.
 Đời xưa tôi nịnh biết bao,
 Thái-sur nay có khác nào *người* xưa.
1945. Thấy người trung chánh chẳng ưa,
 Rắp ranh kế độc, lập lừa mưu xa.
Đến nay mới rõ chánh tà,
Cũng vì thuở trước tại ta lỗi dùng.
1950. Thái-sur cách chức về cùng dân gian.
 Trịnh-Hâm là đũa bạo tàn,
 Giao cho Quốc-trạng liệu toan phép hình.
 Nguyệt-Nga là gái trung trinh,
 Sắc phong Quận - chúa hiền vinh *trào*
đàng.
1955. Kiêu-công xưa (1) mắc tội oan,

1944. N. nay *cũng*.— K.S.T. *cũng*... đời.

1946. K.S.T. sâu.

1947. K.S.T. Trịnh-Hâm tội đáng chém đầu.

1948. K.S.T. Ấy là mới hết người sau gian tà.

1949. K.S.T. Sở-Vương phản trước trào ca.

1950. K.S.T. nhà lâm dân.

1951. T. *làm* đũa bạo *thần*.— K.S. bạo *thần*.

1952. K.S.T. xử phân.

1953. K.S.T. tiết.

1954. S. cho nàng. — K.T. rõ-ràng.

(1) Bản Nôm : trước.

CA ĐIỂN

Nay cho phục chức làm quan Đông-
Thành.

Trạng-nguon dẹp giặc dã binh,
Kiệu vàng, tán bạc hiển vinh về nhà. »
Bãi châu chur tướng đều ra,

1960. Trạng-nguon thỉnh hết dinh hoa sang
ngồi.

Họ Vương, họ Hòn, họ Bùi,
Cùng nhau ăn uống đều vui đều cười.
Trạng-nguon mới hỏi một lời :

« Trịnh-Hàm tội ấy các người tình sao ? »

1965. Truyền quân dẫn Trịnh-Hàm vào,
Mặt nhìn khắp hết, miệng chào các anh.
Minh rằng : « Ai mượn kêu anh ?
Trước đã đem thói chẳng lành thời thời.
Kéo ra chém quách cho rồi,

1970. Đề chi gai mắt đứng ngồi cắn gan.»
Trục rằng : « Minh nóng nói ngang,

1956. K.S.T. Trăm.

1957. ST. thành.

1958. S.T. Kiệu trương tán phụng cho dành vinh hoa.

1959. K.N.S.T. trở.

1960. K.N.S.T. mời hết đều qua dinh ngồi.

1962. N. nói cười.

K.S.T. uống rượu đều vui đều cười.

- Giết ruồi *ai dụng* grom vàng làm chi.
 Xưa nay *những* đũa vô nghi,
 Dầu cho nó sống làm gì nên thân? »
1975. Hàm rằng : « Nhờ lượng cố nhân,
 Vốn *tôi* mới đại một lần xin dung. »
 Trạng rằng : « Hề đừng anh hùng,
 Nào ai có giết đũa *khùng* (1) làm chi.
 Thôi thôi ta cũng rộng suy,
1980. Truyền quân mở trời đuổi đi cho rời ! »
Trịnh-Hâm khỏi *thác* rất vui,
 Vội vàng cúi lạy chơn lui ra về.
 Còn người Bùi-Kiệm máu dê,
 Ngồi *chề* bề (2), mặt như *sề* (3) thịt trâu.

1972. K.S.T. đầu xừng.

1973. K.S.T. máy.

1974. K.N.S.T. cò.

1976. N.S.T. em.

1978. N.S.T. cùng.

1981. S.T. *Hàm* rằng khỏi *g:ết*.

K. Hàm mừng.

1984. N.S.T. Ngồi *chai*... như *về*.

(1) Bản Nôm viết : tả nhân, hữu cùng 窮 ; dầu rằng chữ 窮 (cùng) cũng đọc nôm là : *khùng*.

(2) *Ngồi chề bề* : tiếng mộc mạc miền Nam, nghĩa như « ngồi một đống », gần như « ngồi chi bì ».

(3) *Sề* : vật dụng đan bằng tre, trệt, vành tròn, trảng lòng, thưa lỗ, bề dưới có đống chơn chữ thập,

→

CA ĐIỂN

1985. Hớn-Minh, Tử-Trực vào tàu,
Xin đưa Quốc-trang kịp châu vinh quy.
Một người Bùi-Kiệm chẳng đi,
Trong lòng hồ thẹn cũng vì máu dè.
Trang nguồn xa giá chính tề,

1987. N. Còn.

1988. N.T. *minh* vì.— S. vì mình.

→
để rõ nước. Cái sè nhỏ hơn cái nong, cái nia mà lớn hơn cái giần, cái sàng. Cái sè g ống như cái sĩa nhưng cái sĩa lớn hơn, nan tre chẻ mỏng hơn, không có chơn tréo chữ thập; cái sĩa thường dùng để phơi cau (bửa ra phơi thành cau khô) hoặc để sấy cau trên lồng thiếc (lồng sấy cau).

Génibrel chép trọn câu này: *Ngồi chề bề, mặt như sè thịt trâu*; nhưng Génibrel không biết cái sè ở thôn quê miền Nam là gì, nên cho nghĩa như chữ về (về cơm cháy, nổi sẩy cả về) và dịch: *amas, tas*. Thật không đúng.

Huỳnh-Tịnh-Cửa cho « cái sè là cái *trạc* » và còn giải thêm: « để khiêng vật thực ». Cũng không đúng lắm.

Ở thôn quê — nhất là ở vùng Ba-Tri, Bốn-Tre — thì cái trạc hình vuông hay hình chữ nhật, hoặc có cột dây để một người mang lên vai mà kéo, hoặc có đóng hai cây kèm hai bên để hai người khiêng (kéo hay khiêng phân trâu, đất cục). Còn sè thì hình dáng

→

1990. Sai quân hộ vệ rước về Nguyệt-Nga.
 Bạc vàng đem tạ lão-bà,
 Nguyệt-Nga từ tạ thẳng qua Đông-Thành.
 Vồng điều, grom bạc, lọng xanh,
 Trang-nguồn, Tử-Trực, Hôn-Minh lên
 đàng.

→
 như đã kể trên và nhà khá giả nào ở thôn quê cũng có sẵn 5, 3 cái đề bưng (một người bưng chớ không phải do 2 hay 3 người khiêng) vật thực đem « phó cỗ » dọn lên cúng hoặc dọn lên đãi khách khi có đám tiệc. Sẽ thay cho mâm, vì mâm đã nhỏ hơn sẽ lại có vành nên bưng không được nhiều chén, đĩa, tô, tộ. Những lễ cúng đình hay đám tiệc lớn thường có làm thịt trâu đề cúng và đãi đấng; hương đình hay đồ lễ sau khi ngã trâu thì bắt đầu « ra thịt » : treo bốn đùi lên, còn tất cả bày nhầy, thịt vụn ở vai, ở cổ, ở đầu đều « thả » chung lên sẽ — sẽ thịt trâu — rồi người nấu mới chọn lựa từng thứ mà xóc, mà xào, mà hon, mà xào...

Génibrel nôm « sè 豕 » : là heo nái ; lại có nghĩa : đống (tas, amas). Huình-Tĩnh-Cửa nôm « sè 豕 », gọi ý cũng xa. Trần-Nguồn-Hanh nôm « sè 豕 », mượn âm « si » lại có « trúc đầu » (loại tre), xét là đúng hơn hết.

Vậy « như sẽ thịt trâu » là bộ mặt người Bùi-Kiệm không đẹp để tí nào, giống như « sẽ thịt trâu » đầy những bày nhầy, thịt vụn, thịt thừa..., những thứ mà ở thôn quê không được mang lên đãi khách, nhứt là hạng khách quý.

CA ĐIỂN

1995. Trịnh-Hâm về tới Hàn-giang,
Sóng thần nổi dậy, thuyền chàng chìm
ngay.

Trịnh-Hâm bị cá nuốt (1) rày,
Rày trời quả báo lẽ này rất ưng.
Thấy vậy nên dừng dừng dừng,

2000. Làm người ai nấy thời đừng bắt nơn.
Tiểu đồng trước giữ mờ phần,
Ngày qua tháng lại đã gần mười (2) năm.
Cửa đi khuyển giáo mấy năm,
Tinh đem hài cốt về thăm quê nhà.

2005. Hèm chưa thuê dặng người ta,

1997. N. thầy.

1998. K.S.T. *Thiệt* trời báo ứng.

1999. hờ.

n.

2000. S.T. Hiêm.

(1) A. thần. Bản Nôm viết: 吞, đọc: nuốt, đúng hơn.

(2) 2002. và 2026. Các bản: *Ba năm*, *Ba thu* (ở Đại-Đề giữ mờ).

Tiểu đồng bị trói cho cạp ăn khi Vân-Tiên vừa mù, vào năm *Quý Mão*, đến sau khi Vân-Tiên đỡ Trọng, vào năm *Nhâm Tý*, thầy trò mới cùng nhau tái ngộ; vậy là « Mười năm » và « Mười thu », chớ không phải *Ba năm* hay *Ba thu*.

Còn đương thơ thảo vào ra Đại-Đề.

Trạng-nguon về đến Đại-Đề.

Truyền quân bày tiệc lo bề tế riêng :

« Tiểu đồng hồn bậu có thiêng,

2010. *Thỏa* tình thầy tứ lòng thiêng ngày nay.»

Độc văn nhớ tới châu mây,

Đôi hàng lụy ngọc tuôn ngay rờng rờng.

Người ngay Trời cũng động lòng,

Phút đầu đã thấy tiểu đồng đến coi.

2015. Trạng-nguon còn hầy sụt sùi,

Ngó lên bài vị lại xui lòng phiền.

Tiểu đồng nhắm ngửa nhìn nghiêng :

« Ông này sao giống Vân-Tiên cũng kỳ.

Ông nào thác xuống âm ty,

2020. Ông nào còn sống rày thì làm quan ? »

Trạng-nguon khi ấy hỏi chàng :

« Phải người đồng tử mắc nản chốn ni ? »

2007. K.N.S.T. khi ấy đi về.

2010. N.S.T. Thảo.

2013. S. trời *phật* đồng lòng.— K.T. trời *phật* động
lòng

2014. K.S.T. ngó.

2018. N. nào.

2019. S.T. mất.

2020. K.N.S.T. nay.

CA ĐIỂN

- Mấy năm tờ mới gặp thầy,
Cùng nhau kể nỗi đắng cay từ ngần :
2025. « Ai dè còn thấy hồn quan,
Mười (1) thu gìn giữ mồ hoang đã rồi. »
Trạng-nguơn khi ấy mừng vui,
Tờ thầy sum hiệp tại nơi Đại-Đề.
Đoạn *thôi* xa giá ra về,
2030. Tuần *du* (2) phút đã gần kề Hàn-giang.
Võ-công từ xuống suối vàng,
Thê-Loan cùng mẹ Quỳnh-Trang đeo sầu.
Mẹ con những mảng lo âu,
Nghe Vân-Tiên sống gặp châu công danh.
2035. Cùng ta xưa có ân tình,
Phải ra đón *rước* lộ trình họa may.
Loan rằng : « Minh ở chẳng hay,
E người còn nhớ những ngày trong hang. »
Trang rằng : « Con có hồng nhan,
2040. Cho chàng thấy mặt thời chàng *ắt* ưa.

2026. N. Công lao.— K.S.T. Ba năm.

2029. S. này.

2030. K.N.S.T. du.

2036. N. trước.

2040. N.S.T. cũng.

(1) Xem lời chú của câu 2002.

(2) Tuần *du* : hơn tuần, hơn mười ngày.

- Dầu người còn nhớ tích xưa,
 Mẹ con ta lại đồ thừa Võ-công. »*
 Cùng nhau bàn luận đã xong,
 Soi gương đánh *sáp ra phòng* rước duyên.
2045. Nay đà tới thú Trạng-nguyên,
 Hàn-giang đã tới *bổng liền* đóng quân.
 Bạc vàng, châu báu, áo quần,
 Trạng-ngươn đem tạ đáp ân ngư tiều.
 Ngư tiều nay dựng danh bêu,
2050. Ớn ra một *buổi*, của nhiều trăm xe.
 Trạng-ngươn chưa kịp trở về,
 Thấy Quỳnh-Trang đã đứng kề trong
 quân.
 Trang rằng : « Tướng chữ hôn nhân,
 Mẹ con tôi đến lễ mừng Trạng-nguyên.
2055. Võ-công đã xuống huỳnh tuyền,
 Xin thương lấy chút thiên quyền phận
 này. »
 Trang rằng : « Bưng bát nước đầy,

2041. K.S.T. Ví dầu.

2044. N. đánh *phấn đề* phòng.— S. đánh *phấn ra*
dàng.

K.T. đánh *phấn.*

2046. N. lĩnh truyền.

2050. N. thuở.

CA DIỄN

- Đồ ngay xuống đất hốt rày sao xong.
Oan gia nợ ấy trả xong,
2060. Thiếu chi nên nổi mà mong tới đòi. »
Hơn-Minh, Tử-Trực đứng coi,
Cười (1) rằng : « Huê khéo làm mồi trêu
ong.
Khen cho lòng chẳng thẹn lòng,
Còn mang mặt đến đèo bông nổi chi ?
2065. Ca ca sao chẳng chịu đi,
Về cho tàu tàu để khi rách giày. »
Mẹ con đừng thẹn thường thay,
Vội vàng cúi lạy chơn quày bước ra.
Trở về chưa kịp tới nhà,
2070. Thấy hai ông cọt nhậy ra đón đàng.
Thấy đều bắt mẹ con nàng,
Đem vào lại bỏ trong hang Thương-
Tòng.
Bốn bề lấp đá bịt bùng, .
Mẹ con than khóc khôn trông ra rồi.

2059. N. đã.

2064. T. đem.

2066. N.S. phòng.

2068. S.T. rày trở.

2070. K.S. chạy ra.— T. con cọt chạy ra.

2073. K.S. đá lấp.

(1) Bản Nôm : Khen.

2075. Trời kia quả báo mấy hồi,
Tiếc công son diêm phấn giời bấy lâu.
Làm người cho biết ngãi sâu,
Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn.
Đừng dưng theo thói mẹ con,
2080. Thác đà mất kiếp, xấu còn bia danh.
Trạng-nguon về đến Đông-Thành,
Lục-ông trước đã xây dinh ở làng.
Bày ra sáu lễ sẵn sàng,
Các quan đi họ cười nàng Nguyệt-Nga.
2085. Sui gia đã xứng sui gia,
Rày mừng hai họ một nhà thành thân.
Trăm năm biết mấy tinh thần,
Sanh con sau nối gót lân đời đời.

H ẾT

2080. K.T. tiếng.

2084. N. đông đủ.

2088. N. ra.

BẢNG LIỆT KÊ

— những chữ sai biệt giữa bản Quốc ngữ và bản Nôm

— các chữ đề nghị đính chánh trong bản Nôm

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đính chánh)	Phụ chú
29	1	lỏ	rõ		Génibrel và Huình-Tịnh-Của viết phân biệt: 燿 rõ 祈 tỏ
45	2	tỏ	rõ		
52	3		車	除	
58	4	coi	xem		
78	5	đường	trường		
79	6	Tiền	Than		
108	7	gã	ả		Génibrel: 姪 ả H.T. Của: 打 ả
150	8	què	khuê		
214	9	giã	chớ		
276	10	khôn	khó		
294	11	gỏi	níp		

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đỉnh chánh)	Phụ chú
302	12	luôn	liên		
352	13		諫	濶	
355	14	Tiên	Vân		
360	15	tốt	律 trót	捩 tót	
391	16		徼	𨵿	
398	17	lé	hoa		
418	18		值	貞	
434	19		點	默	
434	20		點	默	
458	21	tuyết	tiết		
471	22		儗	贖	
472	23		盤	龐	
484	24		扭	趾	
499	25		的	時	
503	26		廉	濂	
515	27		傳	傳	
518	28		點	默	
519	29		麥	陵	
521	30		團	搏	
522	31		層	罷	
523	32		悒	恪	
582	33		牢	畢	
594	34	phong	phàm		
594	35	phong	phàm		
604	36		層	還	
606	37	[dòi	hai		
611	38	gặp lúc	mà gặp		
624	39		特	特	


Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đính chính)	Phụ chú
633	40		曆	還	
652	41		清	擇	
662	42	gói	lúi		
676	43		算	纂	
704	44	thêm	càng		
706	45	không	chẳng		
717	46	các	hoắc		
728	47	chiếm	xem		
729	48	vời	bói		
750	49		天	聲	
752	50	it	vài		
780	51		歡	勸	
781	52	theo	nuôi		
784	53		些	崇	
809	54		千	天	
809	55		千	天	
829	56	hết một	chữa mấy		
831	57		病	疾	
851	58		詩	試	
876	59		杯	杯	
919	60	kiếm	tìm		
928	61		扒	搏	
942	62		牢	辱	
947	63	nấy	chẳng		
968	64	trả	dền		
980	65	trong	giữa		
1049	66	phút	xảy		
1073	67	đã	trước		

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đính chính)	Phụ chú
1098	68	nhơn	cớ		
1098	69	việc	lấy		
1136	70		誇	盤	
1154	71	vội vã	hai gã		
1154	72		屠	還	
1158	73	anh	chàng		
1158	74		武	宇	
1159	75	trở lại	về trước		
1164	76	không	chẳng		
1166	77	té	quách		
1177	78	đến	nôi		
1179	79		油	還	
1182	80	trả dạng	dạng trả		
1246	81		宅	市	
1250	82	lôi	lỡ		
1255	83		鳳	奉	
1257	84	mò	mả		
1272	85	trấn	禪 chấn	拈	
1273	86	xa gần	gần xa		
1275	87		捷	帖	
1282	88	hỏi	nói		
1314	89	vàng	tiền		
1326	90	lòng	gan		
1328	91	vương	mang		
1344	92	vừa	binh		
1359	93	lòng	nôi		
1360	94		籃	藍	
1364	95	đà	vừa? bè?		

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đánh chính)	phụ chú
1368	96		控	弘	
1377	97		銅	潼	
1380	98	các	chư		
1384	99		花	華	
1390	100	hoa	ngoạ		
1398	101	lựa	chọn		
1405	102		招	昭	
1406	103	bởi	vi		
1408	104		蘆	盧	
1408	104b		起	杞	
1411	105		招	昭	
1415	106	bạc phận	phận bạc		
1416	107		捋	律	
1419	108	hai	đôi		
1446	109	vàng	tiền		
1453	110	mãng	嘆 mươn	嘆	Xin xem lời chú ở phần Quốc ngữ
1460	111	thấy	gặp		
1474	112	cho cha thăm sầu	mà cha thêm sầu		
1475	113	nàng	Nga		
1476	114	khôn	ai		
1477	115	con	này		
1489	116		銅	潼	
1492	117		牢	牢	

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đính chánh)	Phụ chú
1495	118	nọ nước kia non	kia nước nọ non		
1504	119		𡗗	𡗗	
1509	120		𡗘	尼	
1531	121		𡗙	女	
1554	122	hãy	nó		
1559	123	về	vi		
1562	124	sợ khi	e người		
1563	125	luống những	những luống		
1570	126		天	𡗚	
1573	127	cho	dốc		
1586	128	khép	đóng		
1589	129		𡗛	𡗛	
1593	130	nàng	Nga		
1598	131	không	chẳng		
1599	132		胡	湖	Công chúa Hồ-Dương, chị của vua Hán Quang-Vũ tức Lưu-Tú
1599	133		揚	陽	
1600	134		分	公	

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (định chánh)	Phụ chú
1602	135		允	尹	Xin xem lời chú của câu 1602 và 1606 này ở phần Quốc ngữ
1602	136		府	父	
1606	137		異尊	睿宗	
1643	138	trên	lên		
1667	139	ra	là		
1683	140		詩	試	
1690	141		字	渚	
1690	142	rời	cho		
1691	143		層	濼	
1704	144	lấy	trẻ		
1721	145	ông	công		
1730	146	rẽ	phân		
1732	147		禡	袍	
1741	148		詩	試	
1744	149	nhứt	một		
1755	150		洞	洞	
1764	151	mừng	vui		
		vui	mừng		
1773	152	đôi	hai		
1780	153	hồi	chùy		
1782	154	đánh	拱	打	
1784	155	dùng	敦 giun	用	Génibrel: 用 (dùng)= 屯 (giun)
1791	156	ba	tam		

Câu số	Chữ đánh số	Bản Quốc ngữ	Bản Nôm	Chữ Nôm (đính chánh)	Phụ chú
1791	157		教	梁	
1791	158		扞	汙	
1802	159	sa	té		
1814	160		膾	脍	
1820	161		牢	羸	
1824	162		落	銘	
1829	163	hỏi	nói		
1832	164	sao mà	làm sao		
1844	165	cho	tôi		
1847	166		雲	仙	
1860	167	là	thời		
1874	168		和	呱	
1886	169		晚	呬	
1892	170	nàng	Nga		
1894	171		他	教	
1915	172		啣	語	
1917	173		噴	疑	
1955	174	xưa	trước		
1984	175	chè	齋 chay	支	Xin xem lời chú ở phần Quốc ngữ
2009	176		天	聲	
2062	177	cười	khen		
					

陸雲僊歌演

陸雲僊歌演
 畧畑祐傳西銘
 唉埃凌喀麻暄
 蹶時忠孝溫頭
 固得於郡東城
 達牝羅陸雲僊
 遶柴燭史炊經
 文它起鳳騰蛟
 侈暄撫會科詩
 閑數朝聖預棋

吟嘒仁字人情要離
 侍嘑役畧芴夷身茹
 媽時節竹羅句掉輪
 修仁積德蠹生昆賢
 歲放仁糝藝專學竹
 胸時包管璘程勞刀
 武漆三畧六韜埃皮
 雲僊臥謝尊師嗔術
 屯鮮氣象吏吹精神

³⁵ 庄尊 尊師 志林 吟它 及會 龍雲
 咄 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 輪 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 摸 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 役 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 之 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師

³⁰ 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師 尊師
 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 侍 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 代 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 科 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 期 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 群 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師
 餘 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師 師

尊椿雲咍晦尊鄧輒閉咍
 師植仙界浪師朱虛毅界
 聃歲達昆萬莖朱燿庄岬
 呐鶴躄唉里唉汶別飭緜
 漆色疎胡長咀事濫攻役
 傷高戈疑途嘆情牢書茹

找真小柴牢祚昨之會咍
 廼柴生盤渚泐委朋尼界
 岬棟渚沒拈拈畧噲庄德
 準訢罕役科換阻無役之
 前音役茹荒包車
 堂耗茹荒包車
 祜⁴朱詳
 陵

75

因機自事分浪
 雖昇燿泣尼尼
 委昆拱訢理尼
 數昆仁字科期
 嫌為馭唉群賒
 包除朱細北方
 委油鄧字顯榮
 冲機否極泰來
 雲仙倍阻謝恩
 蚘劫坡卿蹶矣

65

60

役得庄恪役駿連矣
 欺麻欺訢欺為欺苦
 呂界畧沛晦榮溫之
 魁星屯燭紫微添燥
 兔皮路俸鵲它丐散
 及狝蚘塘昆買鍼名
 余廁柴吠前程庄差
 侍命朱援役埃渚濠
 聶醉真啞膠肫如廁
 愧愧衿夷忸尼學場

70

95

仙浪擄事溫牢
 民浪小子昇埃
 仙浪百註紅昆
 役之嘒哭燧烝
 之朋飢準鄰家
 祝認風景添傷
 計自潛埃典吟

85

管包身裊汜油
 包睎魚水及緣
 嘆浪天各一方

90

唉停躅吏麻捍沒廁
 咍昇沒屢山臺遠蚤
 役之鍼浚躋匕趨恢
 調丸饒趨飢稜蓮衛
 畧昇尋伴委昇坊蹊
 吧為埃饑壤塘群賒
 痲迷併屯余尋衝霜
 烟名昆討匪願碎殖
 拏禘子路掛瓢顏淵
 柴切段慘佃紅緹愁

80

115

碎雲崔咬昆站悲塔因民
 填仙巳欺埃廊徐饒扇聃
 州娑庄縹朮徐亦於固喟
 飭悼敢覺玉劫村準党呐
 英雷叻行命劫村準党呐
 毫霆委凶鑛之鄉臺羅台

105

110

100

救晦趨枉鴈感賃得牝叫
 得睨趨趨莊桃傷昆調界饒
 朱屢朱朱姝配仁媽翠奴杜躄
 塊奴塊女柳容姁女固預夾
 勞群斜毆共姓顏兒塘才號
 刀停尼細匹夫冷澆難杯
 唄尼吊命夫弄澆難杯

135

攢風 耒菜 屨庄 蜺及 筓阻 翥廼
 雲羅 仙翠 左費 突題 右散 衝
 畧棋 役典 在厥 在厥 焮焮 焮焮
 風萊 栢醜 焮焮 焮焮 焮焮 焮焮
 斗浪 咄党 凶徒 凶徒 凶徒 凶徒
 雲仙 躋夷 边塘 边塘 边塘 边塘
 啖欺 畫虎 不成 不成 不成 不成
 民浪 屢奴 群低 群低 群低 群低

123

130

晦埃 嘆哭 於冲 車尼
 被仙 沒杞 松蜀 命亡
 調梳 勵教 衽唐 趨殖
 恪吊 趙子 撫妄 當楊
 傳軍 翠費 俯回 筓蓬
 倘吊 夷敢 礼凌 飢低
 渚涓 濫退 戊胡 密民
 披椽 濫杞 衽廊 衝無
 欺空 命夷 樽命 冠塔
 戈祜 相倍 疎疇 屯停

120

155

差軍兜幅書術
 圭茹於郡西川
 疎浪碎僑月娥
 畧婁渚罕脍尼
 庄哈韶戶界之
 小姐昆媽茹埃
 寬寬蚺姑渚蚱
 雲仙聃响動悉
 冲車質挾苦哺
 疎浪碎寔得瑄

145

150

140

連碎戈姑定皮宜家
 吒濫知府蚺沔河溪
 尼昆婢婢蚺界金蓮
 台娘埃佃埃柴响蚱
 閨門分媽役之細低
 劫澆賊淩芒災不期
 娘界分媽些界分隸
 答浪些屯除涓婁界
 躄頭鼻禡救姑碎共
 沙機械買唻狎凶徒

175

固句見義不為
 矜它燧印標杆
 雲仙暄吶喚
 想句覈德酬功
 及低當六神唐
 河溪戈妬拱斯
 畧車君子暫甦
 臨危不及解危
 庄戈罪事不成
 白昆帝敢改叱

155

160

白得慌意拱非英雄
 吊埃併寔芻欣之
 白思訶易齧得呂恩
 裋之朱匪忘弄共餽
 賂錢庄固泊鑛拱空
 嗔遠共妾坳思朱私
 吓朱賤妾裋耒仕分
 惜暮辦拱補劫又回
 台丕拱庄上程之
 杏油新淡塘賒拱停

170

195

妬它別字始終
 月娥別意在劫
 疎浪賤妾劫唐
 侈賸廁訥清輜
 東城本寔圭些
 月娥本蹲婵娟
 疎浪吟及知音
 雲仙鮓菴庄認
 物之爻拙吟界
 貼尼油貼沕為

185

呂界低沛遠共少之
 晦戈牒戶爻欺朱詳
 庄哈君子圭鄉尼帑
 雲仙訶妾弄帑配波
 戶界陸氏牒界雲仙
 聰賸廁訥珣連粹簪
 嗔豷沒物底吟少信
 月娥駟僂強長惶那
 妾分渚弋松它少喚
 弄爻拱沛菴喚牢停

180

180
 呂界低沛遠共少之
 晦戈牒戶爻欺朱詳
 庄哈君子圭鄉尼帑
 雲仙訶妾弄帑配波
 戶界陸氏牒界雲仙
 聰賸廁訥珣連粹簪
 嗔豷沒物底吟少信
 月娥駟僂強長惶那
 妾分渚弋松它少喚
 弄爻拱沛菴喚牢停

雲仙苦淒215 剗浪妬窖嘹低
 及饒當六神唐
 收句重義輕財
 疎浪拙分女兒
 埃噴仍插英雄
 鮒嘆簪唉昇簪
 搗簪松屯夕喚
 雲仙盱夷浪吟
 月娥應啣浪侯

205

210

200

字恩色糾字情綽續
 恩箕昇余貼尼叱郎
 沒廁拱沛軒鑽拱派
 帑埃剗裊貼埃夕之
 本渚別理固欺覓弄
 僨簪崔夷慊共棧簪
 色無緣閉埃拏麻麻
 妾嗔逸又排書渚自
 夕書朱急除除渚姿
 冠瓶連寫糝句舛韻

235

書未尼妾嗔豔
 雲仙沾僂吮嗽
 龜毛麻吏添台
 固句愈出愈奇
 如丕埃忍收埃
 沾衣別意斯賒
 固句觸景興懷
 埃已拱於冲矣
 雲仙自者返回
 拈命麻嘑朱命

225

230

220

語瞿量曠文人體市
 埃噴飭媽才高北尼
 庄番謝女拱齊西施
 朱台才媽鋤之才躑
 雲仙和夷叉排撈蚪
 梅和韻鳥鳥和韻梅
 唐賒嵒嵒淡魏為匕
 及饒痢屯泔廁時雀
 月娥嘆咀情喂界情
 字恩渚呂字情夷紅

275

勞刀分祕之潺
 僑公暇唵連傷
 欺吊吒伶役官
 牢牢庄急時遲
 後堂昆可暫躡
 西樓黠點郎匹
 移躡蚪準花庭
 嘆浪流水高山
 字情強想強深
 為為坦穰夫駿

265

270

260

奴吊呂鄧功恩朱松
 吠浪琨唉暫安命鑽
 曰書戈妬迺扞迎低
 吒願呂鄧恩尼時崔
 夕忤脰裋朱愠弄鞞
 月娥障仍拙憚分命
 祐腋耒夷啣情故人
 尋吊暇鄧嗜彈知音
 悶波苦漑悶淫苦派
 唉埃妾底朱埃切煩

285

阻 飢 卞 衲 筆 硯
 漏 匕 沒 忘 悉 誠
 嘆 浪 旣 淡 山 川
 嘒 娘 姿 唉 群 數
 雲 仙 自 隣 月 娥
 賒 粘 粘 籜 鱗 顛 痴
 妝 句 萍 水 相 逢
 庄 台 名 姓 界 之
 答 浪 些 拱 冠 詩
 雲 仙 別 理 正 邪

285

280

達 槃 香 案 祝 愿 神 灵
 啟 蚘 沒 幅 像 形 雲 仙
 字 恩 底 施 字 緣 染 愁
 嘒 弘 頭 縑 次 頭 劄 蚘
 神 唐 夷 及 得 蚘 京 圻
 形 高 倍 倍 異 竒 吐 凶
 英 雄 夷 及 英 雄 沒 欺
 沒 命 提 籜 麻 抄 傳 之
 漢 明 姓 字 鄔 眉 圭 茹
 係 界 異 相 乙 界 才 高

280

315

雙親儻啞漆極
敢填父母安心
雲仙達躔踈浪
閉數烟冊加功
惻浪吟儻昆些
漢明移暑就場
共饒排戶牖耒
箕尼字宙拱斯
穢稜訶易爻樓
女句朋友之交

305

310

300

夷怵徽澹賒吹豸重
鄧昆呂安青衾朱耒
庄欣得古拱朋得今
昆它穢字桑蓬共庄
吒糲仍想嘆糲仍醜
雲仙群唉回鄉睪聃
台私自謝調躡蚶唐
堆些飢妬拐躡爻回
河朱固妬共低連韻
準尼屯及理帑少怵

335

式吏賒蚘雙埋字昆智朱
 矣祐祜蚘親油浪得它遠
 錦若淡劫吠趾胡界定又
 疎奴柳澹保鄧越武字牯
 別徽塘永皮湯一粉良小
 包尼槐澄衝霄家鸞緣童

325

330

連諾信諭雲軒琨歲共曰
 梗瀉信諭南仙軋趾琨皮官書
 帖滄魚南仙共細細皮休又
 吶演僅扇色姁產色色休幅
 軋徽啣螞迤小姁及及致於
 洵團碼移春童及及於沔
 嘒夥高移夏夏移絲紅尼漫江
 仙

320

355

345

公浪昆篤龜詩
 雲浪如量岳爺
 公浪惘義壻郎
 眈它懌恹和台
 仍啜几晉得秦
 眉蟬相鳳啾崙
 祜戈相貌雲仙
 武公祜幅心書
 翰江發屯細尼
 郡城社景槐得

350

340

牢空結件麻趨就場
 大科油鄧小科怙之
 河怙役浩沛筭役茹
 箕妯南諫奴辣東床
 吊哈字偶鄧斯字佳
 逝分骨格頡論逝分
 可咧戶陸福賢生昆
 惘緣琴瑟緹絲印連
 雲仙蚰相爻回呈書
 景擘如啟得鮮如抹

375

啣鐘庄打牢叫
公浪丹桂台梗

朱台期夷及期
雙匕台期交棋

河朱直姓共仙
公浪尼啣台昆

365

濕高高濕別才
發亮子直細侯

斯低固沒户王
吒它差袂戈遊

370

菴畑鄧訢畧撩罷命
榜鑽篠泊屯停名梯

白含薊易劍之如衡
陸王台戶都藝爰期

書台少鄧醜啣賞連
祉句萍水有緣少題

武公產特爰瓢醜啣
丕萎竹伴共梅買牢

朱昆共期試制為排
牯界子直文章律¹⁵益

395

寔莊榘棟屯停
直浪仙本高才
情旗麻及饒低
矜它結義弟兄
侈澆腴屯蹀頭
武公阻夷後堂
尋埋皮燭徵矣
吟界祝菱送情
俸腴皮路梗柚
蚰劫皮六平明

385

390

可咧台戶才芬吧台
敢澆鷓鴣甦又排
直翥真讓仙尼以英
真術埋仕上程共饒
雲仙臥準書樓持安
店暑吡保彩鸞每廁
小兒粧點蚰尼梨庭
防萎朱塊不平共饒
雲仙臥謝續數出行
彩鸞躄畧花庭欽容

380

⁴¹⁵ 駑 駑 浪 央 馬 經 綸
 疎 浪 君 子 赴 功
 忘 弄 傷 臉 妝 霄
 尋 吟 聖 主 治 花
 官 包 拙 分 鴈 紅
 松 油 印 字 顯 揚
 嗔 竹 貧 筠 補 登
 仙 浪 如 炤 買 燃
 埋 緣 啣 女 界 捕

⁴¹⁰ 制 梨 捐 榴 制 腋 捐 烟
 另 房 莊 子 植 房 王 儀
 固 句 正 節 固 韻 整 容
 渚 疑 吳 起 唉 占 買 臣
 易 冲 爻 炆 麻 擅 余 炆
 妾 嗔 仁 字 糟 糠 朱 朋
 胸 除 坤 掣 尋 韞 苦 量
 愿 朱 灵 鳳 及 尼 梧 桐
 塘 賒 斡 埃 嗔 逸 爻 廁
 嗔 傷 葡 柳 字 從 疴 疎

435

莽群盤泊共饒
 仙浪鴻鵠調
 直浪蟻冢域
 共饒盤泊斯
 功名埃庄約
 共饒寫拙情
 得台夷及景
 疎戈水秀山
 賒亾皮爻埃
 彩鳶倍頤升
 塘

435

430

瞿澄京地龟
 咳欺侮翹落
 點油演泝點
 字才字命初
 匹層綉武爻
 輶匹礮溜沒
 恪帑仙子制
 匪情鄭跡及
 及王子直團
 雲仙拮梗爻
 欺就場
 蟻

420

⁴⁵⁵ 箕 館 卞 歆 儉 仁 沒 沒 侈 征
 界 浪 叫 浪 浪 得 得 得 征
 策 酷 翁 渚 暇 夷 於 於 被
 菓 斲 館 別 喟 及 府 郡 熾
 押 吟 引 濕 妥 仁 陽 潘 故 耜
 楷 兮 浪 高 仙 得 春 章 知 夫

⁴⁵⁰ 尼 鮒 可 勺 吟 調 戶 牝 調 仁
 礪 鱗 筭 書 它 臥 裴 歆 排 得
 節 鮪 擻 買 及 沒 牝 戶 牝 尋
 點 鳳 使 燴 栢 館 儉 鄭 戶 館
 奴 本 徒 北 匪 恆 索 尋 沒 括
 瓢 皮 安 帑 願 嘆 澄 常 欺 弓
 菊 少 朱 才 約 仰 堆 藝 邛 待
 香 甕 皮 能 洵 迎 逝 文 詳 期

475

晦館直哄仙庄儉儉否衣
 長浪浪自浪浪言言飲飲
 些經廁廁孫翁翁翁翁翁
 沛史史有有空空空空空
 叨色色有有緣緣緣緣緣
 州曾緣緣緣緣緣緣緣

465

儉飲飲群唉僅僕
 沽賃竊竊竊竊竊
 竊竊竊竊竊竊竊
 竊竊竊竊竊竊竊
 竊竊竊竊竊竊竊
 竊竊竊竊竊竊竊

470

為褫勢畧館撫錦發舉待
 徵耒冲它浪瓶疑書得得
 咍夷經它浪瓶疑書得得
 恬遣史攢兒照直直直直
 拱弄固空不沒曰從古詩
 咍恆全塢才欺欺欺欺
 傷悻悻共庄盤消書書書書

460

待得文物待莊英雄
 文物待莊英雄
 物待莊英雄
 待莊英雄
 莊英雄
 英雄

⁴⁸⁵ 仙浪冲濁渚詳
 館浪怙役尋拋
 怙茂桀紂多淫
 怙茂幽厲多端
 怙茂五霸紛紜
 怙茂叔季分崩
 傷界傷德聖人
 傷柴顏子拱揚
 傷翁諸葛才吟
 傷柴董子高賒

⁴⁸⁰ 庄咍傷怙怙傷理市
 怙菱怙登怙臥細心
 底民典浚沙坵拊堵
 遣民隴韶林炭閉分
 腫皮對詐少氏辱因
 最投最打陵吮緝民
 欺尼宋衛六陳六匡
 匹逝沒歲措塘功名
 及期漢末匱竹配波
 志它固志崑嶽空鬼

515

人翁夷詔傷直枯傷傷傷
 公伊齊浪民浪戈排翁的
 初翁庄堯牢厨經廉翰元
 沒傳₂₄肯舜庄出祗佛央余
 櫟才周初身鑛余吝蚘
 鈎

505

傷的₂₅元諒愧
 傷翁翰愈庄理
 傷排廉洛色蚘
 傷戈經央余吝
 直浪厨祗佛鑛
 傷民牢庄出身
 詔浪堯舜課初
 夷齊庄肯執周
 翁伊翁傳₂₄才
 人公初沒櫟鈎

510

散儿没苦及埃姝被最呂
 理麒命垠欺哈分廁豷皮
 淹得没巢集爆冲夷啞廁
 渭賴出崗父父夏館恬啞
 點₂₃祝埃侯之埃
 油恠之澆
 極制

500

最豷廁表最苔矜
 被廁嘔迺術茹教民
 姝分夷恬泮分吏傷
 埃哈冲館隱藏經綸
 及欺爆夏算分勺涓
 苦垠巢父坤填許由
 没命没崗埃侯之埃
 儿麒得賴祝恠之澆
 散理淹渭點₂₃油極制

535

共饒結伴同心
 仙浪翁館渚
 枉台彈拔聰
 浩冲斲湏青
 館浪及六涓
 檜簾透分袷
 歆浪老館啞
 得吟固恬初
 陳團吊固悒
 嚴凌²⁹屯³⁰余都
 慙

525

欺樁欺醜欺琴欺詩
 低它妝夷黠得竹
 浩瀉頭趨錦政
 沾仁昆相卿
 蝨輒液洪僂包
 固澆於濕麻
 油朱疎役拱
 悶蚶埃禁悶
 霄³¹陵艾禩公
 麒霄鈎月祛
 袂袂袂
 包

530

欺樁欺醜欺琴欺詩
 低它妝夷黠得竹
 浩瀉頭趨錦政
 沾仁昆相卿
 蝨輒液洪僂包
 固澆於濕麻
 油朱疎役拱
 悶蚶埃禁悶
 霄³¹陵艾禩公
 麒霄鈎月祛
 袂袂袂
 包

520

欺樁欺醜欺琴欺詩
 低它妝夷黠得竹
 浩瀉頭趨錦政
 沾仁昆相卿
 蝨輒液洪僂包
 固澆於濕麻
 油朱疎役拱
 悶蚶埃禁悶
 霄³¹陵艾禩公
 麒霄鈎月祛
 袂袂袂
 包

555

功名富貴之
 凌儒波聖漠濛
 館浪拓別意低
 儉歆昇者芻都
 科尼仙乙頭功
 奔群盤泊是非
 几函得昏質唐
 雲仙皮趾蹟蚶
 開封祐罕事机
 仁行浩相流沙

545

550

牢朋通且艾欺愠弄
 易埃洛泝朱窮丕為
 荆箕屯泮醜尼賞朱
 僂仙荒意漆怙冲弄
 歆油固杜拱空蚶之
 侈暄黻點艾欺入場
 涉漓屢思私擲團
 俸灑侈及信茹改書
 命沙龜坦迭徐魂花
 矣南坦北怙悼斲腸

540

575

冲命空翹空回
 仙浪撲北昆南
 縵簾帽泊袄通
 悲除急遠署埋
 巖歆湯策養安
 直浪屯典對尼
 小童咀啣嘆賤

565

英俺埃乃調傷
 仍林功遂名成
 助飯冲館安尼

570

褫之跣埃褫之潜唐
 浩徽倍已色甘弃伎
 據遶冲禮文公麻少
 截圖成服内寻朱衝
 除些為飴蚶場仕哈
 小童倍唉少怗渚煩
 矣牢矣安負才得殖
 佃柴嘆咀料崩邇來
 希咍慈母幽冥巖移
 矣喂牢安負唐功名

560

八場發夷及喪
 役冲矣坦别之
 台行浩相泔泔
 翹帆包管霽漂
 傷台台字劬勞
 館浪矣坦声灵
 埃匕祐僂拱傷
 油朱灼鬼謀神
 要離初窖達棟
 唐劫爰朥庄斯

僅僂儿於呂廊得劫
 牢移物對群之麻箆
 想包饒夷刃弄汙饒
 彥重徽浩旡朝臍刃
 𠂔犇乳哺别包饒情
 霽涓亮發披梗天香
 呂皮報孝呂皮立身
 仇³⁴塵埃拱仇³⁵塵如埃
 字才夷貝字災没韻
 欺戈欺夷余吝衝波

615

徵 館 仙 庄 館 趨 雲 僂 歆 侈
 擘 浪 浪 埋 浪 皮 仙 饒 浪 甕
 諾 些 跨 麻 傷 及 拈 苦 英 伴
 碧 拱 隊 及³⁹ 等 埃 浚 汝 渚 索
 愠 傾 恩 艱 英雄 賤 迺 執 憂 放
 圃 朱 屯 雄 已 唐 饒 煩 蚪

605

610

沒 賃 冲 當 逸 俸 鄭 又 科 直
 飄 丕 弄 欺 匹 亮 歆 彙 尼 共
 白 旃 情 過 凡 翁 昨 霄³⁶ 庄 歆
 菊 買 已 樹 策 底 夾 泊 及 儉
 沒 避 唉 策 底 台³⁷ 油 些 佔
 梔 塵 怵 神 防 竹 已 願 麻
 金 細 賒 拱 護 淚 可 科 逸
 剛 低 斯 奴 身 共 沙 傷 萎 仙

600

635

引身臥準安河
 唵耒蹶果舛移
 箠澄埃苗倘衝
 穢虛拙分之瀉
 芒句不孝屯停
 仍抹爰忘弄崙
 吊咤浩止花溜
 爰命僕僅唐霄
 典矜臨事買詳
 小童僂丕疎戈

625

630

脫妄名利另唐是非
 雲仙祐体強疑冲弄
 悖隊杆吏恟懷隊杆
 步功養育垠恩生成
 持命麻憐朱命少昆
 仍嚇呂妾浩徽朱耒
 吊咤分泊如灰体尼
 恪吊隻鴈落排叫霜
 員之柴吡科場群賒
 錦依朱細圭茹群數

620

655

棨牢庄呀杆愁
 啖欺芒病姝澄
 仙浪枯棹募肝
 囊霞群体之澆
 固身沛苦貝身
 童浪夫坦固台
 又命衽畧拈姿
 本空廊玷之依
 放埋及客戈塘
 找饒欺意晦吩

646

650

640

命劫色癡泃珠添潤
 冲徽苦料神棱坤筭
 喂雀昆相色芒衲愁
 蹟劫色痲命疔如寅
 身喂身別余吝庄埋
 蚪劫渚邛余尋夷疔
 清匕坡培油匕鞞核
 嗔吝細畧尋棨棨湯
 得傷指保臥廊同文
 及棨濫策牝界趙鼻

675

665

味錦錦畧冊帛埋童及帛
 之冲冲祐之浪麻浪些浪
 產集銀醫拱些病錢病意暫
 達驗海學魁於意鉤意乙持
 君良精少冲準尼安鵠芴安
 臣方微頭茹

670

660

策共共委內匹鉞墮鉞燭
 辰界界視經代群榮錢尋
 炮御綱壽匱匱業兩輻衝
 製算⁴³目世次外科添⁴²頭
 分唐回青求東醫⁴¹湯
 燿春囊醫牟⁴⁰皮³⁹朱³⁸榮³⁷湯³⁶饒³⁵停³⁴

695

685

可	外	黃	三	據	島	童	吏	六	胍
掉	辰	蓮	蕉	冲	浪	浪	通	君	辰
仁	朱	黃	積	經	六	柴	八	四	讀
兩	點	栢	熱	絡	部	寔	陣	物	賦
鉤	萬	黃	屯	麻	調	固	新	湯	蘆
泃	靈	芩	婁	通	衰	才	方	名	山

690

680

補	冲	加	河	命	部	嗔	臨	十	達
添	辰	臥	朱	門	開	臥	衽	全	兩
味	朱	朱	降	相	邊	襖	外	八	飢
策	旺	倍	火	火	左	胍	感	味	病
底	凡	熱	沛	屯	胍	論	頭	產	別
防	晴	心	投	衝	劫	排	湯	停	唐
頭	買	買	滋	迸	浮	策	五	內	死
湯	衝	平	陰	頭	洪	之	柴	傷	生

715

些則小 小 鬼 島 童 逝 小 庄
 佻浪童 童 神 浪 浪 尋 童 戈
 吊些叵 叵 得 輒 臥 庄 仍 濫
 沛則呷 可 於 体 姑 扒 語 福
 藿罕超 戈 連 欺 柴 拙 寔 朱
 榮回連 橋 高 店 槐 吊 才 松

705

710

700

啖則違 違 啖 先 病 強 倍 吊
 嗚台翁 翁 欺 師 時 疔 鑛 埃
 啻屯柴 柴 唐 噴 庄⁵ 冲 馮 喙
 叻得則 於 詭 保 戒 脍 衿 局
 啞空 達 理 又 麻 如 庄 喙
 任苔 錢 吊 恬 疔 疔 宗 唐
 槐 麻 別 占 疔 疔 連 之
 槐 槐 灑 包 痰 痰 埃

735

命則昆童應柴達干黃溫
 金浪茹浪飢卜錢支金潤
 夷丁戶得飢噉貫調野周
 於卯陸於則卦沒於沖鶴易
 宮解界東則神舉冲冊余
 乾矜松方著靈迓迓迓迓
 迓迓迓迓迓迓迓迓迓迓

725

730

歲賢歲因邛祐柵屯六
 尼之皮尅尅招名樓通壬
 昇甲台台奔尅尅招名樓通
 歲子子半神又路朱鮮買誠
 翊得曷群唐疎唐庄安詳
 郎曷曷曷曷曷曷曷曷曷
 冲庄安安安安安安安安
 代安安安安安安安安安

720

小童買趨奔已
 法台啗拽电賒
 童浪法於澆低
 問朱病意叩痊
 吹鍼發病声灵
 據冲卦意麻盘
 化蚶温卦遊魂
 莊成蚶卦六衝
 於錢招釘粘戈
 求財卦意賒為

晦喉道士香村準吊
 牒罪道士於茶香村
 則浪拱於準尼跣蚶
 沛尋柴法渚專為尋
 為徵麻鬼路程吐天
 歲尼買貂母喪冲命
 夷添世動刻屯細官
 体爻父母刻共子孫
 爻交仁索夷匹爻重
 判卦害呐仍廁咧些

775

765

可	法	法	法	法	戈	法	童	童	帛
摔	咍	咍	咍	咍	滝	浪	浪	劫	東
匹	踏	洒	晚	噶	斲	印	瞋	爻	奔
月	火	萱	念	霽	体	包	啗	貝	半
泊	赴	成	爻	叫	押	高	柴	細	涉
邈	炭	兵	句	涓	鷄	廂	低	茹	漓

770

760

鄧	甍	紆	批	差	臥	夷	除	道	得
柴	釧	形	收	鮎	棱	添	魔	士	些
攴	躄	夕	函	遣	級	符	掩	祐	指
使	檄	將	物	猿	体	呪	鬼	体	臥
立	開	破	臥	迺	沛	初	法	弄	茹
壇	唐	城	瓢	駟	跪	矜	柴	麻	於
渚	天	闕	壺	勿	襪	埃	吐	惘	庄
朱	寃	王	灵	嫠	逸	皮	咍	台	賒

785

童浪碎庄芻都
 開萎柴佃饒
 渚專病意邛安
 法浪術衲掉低
 童浪碎屯卢賒
 嗔柴叵飭鋤煩
 法浪固苦之牢
 童浪碎本倘兮
 法浪些別經權
 小童聃律臥聰

785

790

歡⁵⁴柴蚘飭渚卢苦翳
 泊停仁尹防委趨塘
 耒碎仕衲兜迎朱些⁵⁵
 朱柴筭料立挑壇蚘
 極為得病於茹庄安
 蚘功符呪渚專格帑
 外輒些渚耒掉符術
 病之麻遣韶皮渚專
 疴南渚北麻痊買才
 弄惘倍阻輒馳渚專

780

815

柴連拈啣嗽迸
 請翁大聖齊天
 請翁元帥征西
 請翁佛祖阿彌
 夷逝公主五龍
 請冲千將千兵
 請冲泣歇鬼神
 朱外匹道符矣
 小童隴仍遶廁
 飯茹疎啣柴昂

805

800

逝翁盤古坐前証明
 共祀武后調連細依
 共妃嫖母森圃艾欺
 十方諸佛扶持執功
 平蠻五虎會同安營
 共界三府洞庭赫鱗
 共調釘準允塵愠制
 吐飯跬孟如廁庄差
 領符阻夷筭排策湯
 法符色靛柴筭方吊

810

835

當欺涓霽竟從
 雲仙之掣妥愁
 崔匕咍強塊低
 傷台錢跌病群
 仍占趨渚⁵⁶霖
 童浪冲禡永輝
 於低廊玷苦弄
 趙昂別庄群之
 童浪碎唉於低
 昂浪群泊冲袍

825

830

得盆夷及景盆可傷
 小童抄找戈橋奔
 鄧碎勸教餒尋共饒
 佻偽坦客耐唄体尼
 命螞枯押睥蠶焯燉
 罢信鍼縵罢聃鍼咻
 咬欺涓曠埃防拖枝
 鈎廁剉啖迺劫塊妄
 病箕油可餘尼半劫
 辰仆急袒麻梓朱柴

820

855

歆浪子直杜高
 仙浪碎本庄埋
 英術吟也仁辨
 徒詩⁵⁹又屢皮術
 徽西皮屈榻矣
 童浪拙姪塊棱
 仙浪移也僅僊
 佻偽選客他鄉
 油朱才智北市
 掣包啖雪輒霜

845

850

碎共英儉調飯拳人
 庄台諸友科尼体吊
 擗牢芒病群輒準尼
 鄭歆祐僂夷祺晦嗾
 佃柴拗找細尼大提
 尋尼館舍仕停巧与
 尋尼核檜蓓坡括躡
 人情吊别埃傷麻如
 及杆危變别牢朱常
 慢矣照坦塘長劳刀

840

875

畧鄭小臥歆仙路自當沒
 朱歆童稜浪浪回依欺碎
 捨冲倍劍英暫畧細朱患術
 殺脍鉏策外魁義準江東難畧
 安劔蚘科低姿冲城饒及詠親

865

870

害杯⁵⁹河防小固尋冲得仁
 仙外朱欺童傷船命芬得
 辰童子鄧澆童外嗔些固安阻
 用子役管風細畧尼執饒番尼
 謀紉臥檜核刀波不期些
 尼買衝

860

885

雲仙 雲仙 雲仙 雲仙 雲仙 雲仙 雲仙 雲仙
 魁仍待 魁仍待 魁仍待 魁仍待 魁仍待 魁仍待 魁仍待 魁仍待
 望 望 望 望 望 望 望 望
 閑 閑 閑 閑 閑 閑 閑 閑
 委坦客 委坦客 委坦客 委坦客 委坦客 委坦客 委坦客 委坦客
 流 流 流 流 流 流 流 流
 吟 吟 吟 吟 吟 吟 吟 吟
 它 它 它 它 它 它 它 它
 我 我 我 我 我 我 我 我
 分 分 分 分 分 分 分 分
 饒 饒 饒 饒 饒 饒 饒 饒
 歆 歆 歆 歆 歆 歆 歆 歆
 浪 浪 浪 浪 浪 浪 浪 浪
 英 英 英 英 英 英 英 英
 渚 渚 渚 渚 渚 渚 渚 渚
 愧 愧 愧 愧 愧 愧 愧 愧
 情 情 情 情 情 情 情 情
 雲 雲 雲 雲 雲 雲 雲 雲
 仙 仙 仙 仙 仙 仙 仙 仙
 之 之 之 之 之 之 之 之
 掣 掣 掣 掣 掣 掣 掣 掣
 淚 淚 淚 淚 淚 淚 淚 淚
 小 小 小 小 小 小 小 小
 童 童 童 童 童 童 童 童
 被 被 被 被 被 被 被 被
 綵 綵 綵 綵 綵 綵 綵 綵
 坤 坤 坤 坤 坤 坤 坤 坤
 術 術 術 術 術 術 術 術
 分 分 分 分 分 分 分 分
 命 命 命 命 命 命 命 命
 群 群 群 群 群 群 群 群
 壯 壯 壯 壯 壯 壯 壯 壯
 之 之 之 之 之 之 之 之
 慢 慢 慢 慢 慢 慢 慢 慢
 掣 掣 掣 掣 掣 掣 掣 掣
 包 包 包 包 包 包 包 包
 仍 仍 仍 仍 仍 仍 仍 仍
 妥 妥 妥 妥 妥 妥 妥 妥
 迭 迭 迭 迭 迭 迭 迭 迭
 除 除 除 除 除 除 除 除
 雲 雲 雲 雲 雲 雲 雲 雲
 仙 仙 仙 仙 仙 仙 仙 仙
 魂 魂 魂 魂 魂 魂 魂 魂
 固 固 固 固 固 固 固 固
 靈 靈 靈 靈 靈 靈 靈 靈
 扇 扇 扇 扇 扇 扇 扇 扇

885

890

鄭 鄭 鄭 鄭 鄭 鄭 鄭 鄭
 歆 歆 歆 歆 歆 歆 歆 歆
 術 術 術 術 術 術 術 術
 小 小 小 小 小 小 小 小
 童 童 童 童 童 童 童 童
 級 級 級 級 級 級 級 級
 安 安 安 安 安 安 安 安
 固 固 固 固 固 固 固 固
 堯 堯 堯 堯 堯 堯 堯 堯
 地 地 地 地 地 地 地 地
 陷 陷 陷 陷 陷 陷 陷 陷
 天 天 天 天 天 天 天 天
 崩 崩 崩 崩 崩 崩 崩 崩
 聲 聲 聲 聲 聲 聲 聲 聲
 靈 靈 靈 靈 靈 靈 靈 靈
 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒
 柴 柴 柴 柴 柴 柴 柴 柴
 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒
 何 何 何 何 何 何 何 何
 路 路 路 路 路 路 路 路
 程 程 程 程 程 程 程 程
 餒 餒 餒 餒 餒 餒 餒 餒
 饒 饒 饒 饒 饒 饒 饒 饒
 群 群 群 群 群 群 群 群
 埃 埃 埃 埃 埃 埃 埃 埃
 攏 攏 攏 攏 攏 攏 攏 攏
 畧 畧 畧 畧 畧 畧 畧 畧
 拖 拖 拖 拖 拖 拖 拖 拖
 委 委 委 委 委 委 委 委
 朱 朱 朱 朱 朱 朱 朱 朱
 翰 翰 翰 翰 翰 翰 翰 翰
 碎 碎 碎 碎 碎 碎 碎 碎
 嗔 嗔 嗔 嗔 嗔 嗔 嗔 嗔
 遙 遙 遙 遙 遙 遙 遙 遙
 細 細 細 細 細 細 細 細
 東 東 東 東 東 東 東 東
 城 城 城 城 城 城 城 城
 辰 辰 辰 辰 辰 辰 辰 辰
 崔 崔 崔 崔 崔 崔 崔 崔
 帆 帆 帆 帆 帆 帆 帆 帆
 它 它 它 它 它 它 它 它
 遶 遶 遶 遶 遶 遶 遶 遶
 霽 霽 霽 霽 霽 霽 霽 霽
 倘 倘 倘 倘 倘 倘 倘 倘
 吹 吹 吹 吹 吹 吹 吹 吹
 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒 沒
 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮
 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫
 呬 呬 呬 呬 呬 呬 呬 呬
 庄 庄 庄 庄 庄 庄 庄 庄
 透 透 透 透 透 透 透 透
 蜀 蜀 蜀 蜀 蜀 蜀 蜀 蜀
 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮
 棱 棱 棱 棱 棱 棱 棱 棱
 荒 荒 荒 荒 荒 荒 荒 荒
 感 感 感 感 感 感 感 感
 傷 傷 傷 傷 傷 傷 傷 傷
 戶 戶 戶 戶 戶 戶 戶 戶
 陸 陸 陸 陸 陸 陸 陸 陸
 渾 渾 渾 渾 渾 渾 渾 渾
 鑽 鑽 鑽 鑽 鑽 鑽 鑽 鑽
 佻 佻 佻 佻 佻 佻 佻 佻
 偽 偽 偽 偽 偽 偽 偽 偽
 渡 渡 渡 渡 渡 渡 渡 渡
 江 江 江 江 江 江 江 江
 帟 帟 帟 帟 帟 帟 帟 帟
 別 別 別 別 別 別 別 別
 蓓 蓓 蓓 蓓 蓓 蓓 蓓 蓓
 坡 坡 坡 坡 坡 坡 坡 坡
 帟 帟 帟 帟 帟 帟 帟 帟
 台 台 台 台 台 台 台 台
 兜 兜 兜 兜 兜 兜 兜 兜
 碎 碎 碎 碎 碎 碎 碎 碎
 遶 遶 遶 遶 遶 遶 遶 遶
 曳 曳 曳 曳 曳 曳 曳 曳
 廼 廼 廼 廼 廼 廼 廼 廼
 蹟 蹟 蹟 蹟 蹟 蹟 蹟 蹟
 共 共 共 共 共 共 共 共

880

915

小童倍屣趾飢
 小童揜諾相凌已
 小童聃吮驚魂
 館浪崔色蚘魔
 晦探妃館紳唐
 糶矣放塊質軒
 姓惘姓吏怍台
 小童式拽懈忙
 山君躋夷沒邊
 呢耒淚泓泫已

905

910

店序魁預檜松昨消
 喂縵撫綈擗迸蚘塘
 祜戈躡坦煉已買咍
 趨蚘準首尋柴雲仙
 儿奔得半幣番潤闲
 饒戈固體得喪庄界
 欺埋廊玷得它趨樽
 晦浪別坵吊樽指澄
 侈聃啣吮頭棱滂瀉
 玷廊買晦倘吊細低

900

935

925

童浪何細尋⁶⁰柴
 得浪又朔昆駮
 蹟柄榘齏卒台
 小童庄吸海漸
 得匕粘体傷喂
 小童於神稜荒
 沒命於坦大堤
 篤弄呂妾袄甜
 次尼細次雲仙
 冲巾淚流渚滇

930

920

庄台得堊穴尼界埃
 於灃空別落涑細依
 刃之械涑浩尼可傷
 觶陵邊媽吳嘆沒回
 叫饒扒⁶¹鋼調躡蚱塘
 芟菜侍媽悉筭論皮
 欵趨勸教最術塊吮
 耕麻論義托賚名賢
 軀更甦預艦船咀嘆
 感傷分何模難欺空

855

845

語界命沛諾溜
 雲仙皮燭蹟瓶
 悔昆囹炤爻睢
 放埋矣屯燭尋
 雲仙命軻紳涓
 冲船埃庄⁶³咀蚶
 鄭歆假啣叫矣
 鄭歆欺意蚶瓶
 店序洛禮如詞
 泠汀船紳渡東

850

840

台僮翁翁蛟調朱雲迎續
 兜僇候墟紂紂龍傷得仙昂嘆
 群塊魄媵祜拈抄户式被牢⁶²又
 唉邛如妃越餽冲慄怙剝菹搵孤
 魁陽買耒眉坡蜀弄波為慙蓬
 間末眉坡蜀弄波為慙僅
 僇

975

渙翁欺意晦香
 渙浪外於共些
 仙浪翁衲之饒
 埋麻淄浚細低
 漁浪弄老庄嘛
 諾冲沼睥瀝瀟
 扇淮埋泳愜丕
 又命通且濫安
 僥傲矜濩埋潭
 經綸苞產冲舫

965

970

960

雲仙排燴每唐斯餘
 歆埋歡唢貝鞞朱愜
 身尼恪体棘味蓮核
 空之覈答命尼猪匕
 篤夕仁義訶除垠恩
 又句名利庄潺弄低
 寻箕興霽店尼制陵
 跬找紂擗癢抚鈎淫
 又瓢矣坦愜堪埃台
 迎昂还世愜醯冲袋

295

983

船樓又隻於代
 雲仙如細翰江
 渙浪些於同鄰
 仙浪初屯呵廁
 猶種界道糟糠
 羸犇河論恩情
 拙如救死恩淒
 渙浪夕道壻昆
 怵糲麻毒翹鮎
 啜欺蹇趾細昉

990

980

沁涓杜霽舛⁶⁵為翰江
 武公得於斯塘低庄
 塊匹曲泳長路細尼
 孺家包安迺移庄傷
 之朋細拓尋方改命
 及杆患難埃仃補饒
 噴迤細妬畧婁朱贖
 恪吊紕織麻逾肫金
 佻偽景選坤尋核初
 渚信滝首渡初麻嚇

余埃於邛好心
 余埃吟巧事代
 色匹次鬘蓮頭
 雲仙嗔屯歇廁
 找仙臥畧前堂
 庄戈怍世間嘒
 渙翁屯固功遙
 渙浪弄老庄濠
 妝初冲崗蘆山
 典婁亭長渡船

曝容毓薇涓淫祆箴
 妝尼競苦涓尼郎翦
 啣冲事世添愜朱代
 渙翁庄屯潜為遙邈
 武公粘体弄乾虎卧
 没喇噉糕朔得寻初
 寻婁些仕卢怙垣恩
 嗔踰仁義吟欣泊鑽
 固翁渙父遙松伍員
 吼卧項羽戈沔烏江

1035

篤弄徐待名儒
 他空律紹又皮
 埃朱蓮荷又盆
 鳶浪躅韞如崙
 默悲筭料濫牢
 公浪媒唉瓊莊
 吠仙仆唉魁低
 武公坤呀弄煩
 沒廁叵執膠肫
 初群傷儿模難

1025

1030

1020

壻澆固壻睢賊体尼
 妄兜命玉預棋匹夫
 埃曾樞楔甡共榴梨
 初吟埃妄兜樽軒塩
 本空押媯理帑押昆
 唵弄愛女彩鸞体帑
 末些阻夷娄尼料筭
 恩情世利固全丕為
 渙翁自者躡蹠冠船
 况吟埃妄涓唐義仁

仙浪各註迤些
 補耒踈匕趾連
 蚪耆皮六三更
 武公蚪妬哂扌
 侈皮陵色躄頭
 東城新埃群賒
 聃浪冲崗蒼松
 公浪河邛役命
 些油悶結孀冢
 碎聃得叻會尼

真迤朱細圭莊仕台
 虧撥擗桂移船潛賒
 找飢壻最補竹雲仙
 虧船朱裋迤迎東城
 雲仙魁畧莊橋咀嘆
 兜扌補妬埃麻別澆
 固壻淒潘箭蓬坤蚪
 沛筭爰斫找情朱衝
 户王户武爰茹買擘
 浪王子直杜扇首科

1195

戕 虛 固 數 於 矣
 甘 羅 巖 及 拱 桴
 包 賒 歎 六 災 難
 崔 亾 英 渚 倍 術
 濕 高 鑛 別 歲 鑛
 明 浪 得 於 冲 塵
 想 崔 恠 怵 葬 肝
 有 三 失 孝 屯 停
 堆 彙 日 月 雯 頭
 齷 昆 如 旱 齷 油¹⁹

1185

1190

奔 樽 牢 鄧 對 移 牢 衝
 洵 辰 姜 子 拱 榮 爰 盛
 兜 饒 些 仕 立 唐 功 名
 於 佞 娘 媪 算 皮 策 湯
 及 杆 炤 韞 牟 強 添 吹
 固 欺 富 貴 固 吝 艱 難
 癩 疔 矜 曲 如 揆 如 擯
 小 童 畧 屯 為 命 托 冤
 奴 吊 鄧⁸⁰ 呂 功 淒 生 成
 命 尼 溜 浚 準 吊 別 澆

1180

1215

雲仙欺意安弄
 武公溫事詐貞
 自尋墻砒害扌
 尋已粧點粉抹
 侈甍子直皮術
 公浪渚晦添煩
 傷扌分泊於筵
 聃戈子直恹弄
 嘆浪恹恹靈初
 夫牢妾負才夸

1205

1210

於尼庵寺伴共漢明
 弋情戶陸勉情戶王
 彩鴛漢許弄強添愜
 防欺及拳躄甞朱吹
 臥茹戶武探皮雲仙
 扌它臨病黃泉賒制
 拱為月老綽練緋紅
 仁行淚玉泃已如涓
 菱它結菱情渚匪情
 榜鏤渚及稍擘屯痢

1200

1235

咍 庄 媯 直 防 細 崔 公 冲 共
 界 咍 仙 浪 欺 低 已 浪 代 饒
 學 得 界 槐 歎 長 勸 老 余 渚
 退 學 直 曰 歛 於 渚 拱 北 鄱
 浩 冊 姊 圯 飢 吏 咀 故 頽
 齋 之 妯 硯 蚶 低 嘆 知 論

1225

1230

媯 呐 姊 英 体 共 老 啐 余 得
 卣 蚶 妯 俺 王 昆 它 緣 莊 它
 子 仍 俺 初 子 媽 併 昆 同 最
 糾 嗜 伴 固 直 老 叩 袒 道 托
 遶 異 敢 誓 拱 森 没 瑟 余 些
 術 竒 堯 願 界 回 塘 琴 得 群
 桓 苦 弃 共 雲 室 吐 拱 同 濫
 公 暄 伎 饒 仙 家 咍 揚 心 之

1220

1255

1245

嗎 ⁸⁴	直	空	惜	妾	彩	武	呐	得	咍
燻	浪	應	台	它	寫	公	牢	吟	界
院	埃	辰	脍	庄	冲	虎	庄	帝	孽
鞞	呂	拱	貌	論	帳	懽	别	沛	退
群	鳳 ⁸⁵	濫	能	廁	趾	掣	虎	茹	唐
鮮	先	怏	匕	誓	蚘	包	堪	秦	宮

1250

1240

弄	防	妾	店	呂	四	魁	得	不	搐
市	筭	奔	秋	皮	嘲	珍	些	圍	的
麻	兜	廁	除	使	茶	空	訶	姁	剝
妾	退	呐	待	匿	拳	改	易	搐	刺
奔	貂	庄	俸	呂 ⁸²	新	理	界	異	銜
廁	婢	為	媵	皮	科	它 ⁸¹	禽	人	共
月	寮	庄	闲	拋	買	朱	獸	裋	世
花	卧	堅	遲	神	術	戈	牢	咻	民

1275

僑公 叩信 蚪詞 僑公 次尼 粲鵞 武公 廼揮 雲仙 虎愔
 公晦 寫捷 詞泣 公迓 尼細 鵞共 公虎 揮浩 仙英 愔丕
 博雲 迎迓 歎斯 戢太 次月 媒瓊 慊冲 相阻 唉故 拱得
 仙 迓 餘⁸⁶ 卿 娥 莊 命 蚘 蚘 知 些

1265

1270

陸翁 陸翁 晦探 旨差 河溪 媿昆 靛尋 倍術 涇鑛 芻類
 女怙 邗今 戶陸 蚘郡 溪府 昆棟 尋染 術馘 鑛固 類禽
 俸連 細尼 殷勤 蚘東 意遶 朝居 病失 使尋 別世 獸丕
 嘆 營前 尼 城禛⁸⁵ 吒學 喪冲 情托 尋戈 世尼 丕麻
 嘆 前 尼 民 行 茹 冤 城 界 恪之

1260

1296

月陸公月娘鮑陸僑別疎
 娥翁浪戒浪嘆翁公信浪
 襪爰吊躄果拙得冲自脛
 改貝拙情預實分疎共脛
 分明認初房廁桃吒惶矜榮

1285

1280

陸廼爰廼眞漢緣阻發昆
 翁蹟兒兒眞江昆昆頤碎
 欺栢昆昆可幅差者扇述得
 意種可兜像儿及屯溜共夷
 事情印迨哭泐得逝烏花迭
 買印昆迨哭泐得逝烏花迭
 台命認湄如湄得認湄如湄

1280

1315

語界昆衽迭趨
 陸翁告謝奠躡
 公浪恩畧義初
 娘浪畧屯重愿
 拱如剗數馭戈
 拱渚同席同床
 得代如俸蚨蝻
 劍廁勸講朱娘
 月娥之掣浚愁
 傷昆分泊京台

1305

1310

台堯骨格群拱像尼
 碎堯敢剗貼得溫之
 連兜錢泊謝迨朱得
 油台賈⁸⁹驤拱認緹絲
 朽吊麻鳩麵花朱煩
 拱渚輒字糟糠澆麻
 彘群最迭工夫呂廊
 解杆煩惱矧芒衽愁
 陸翁体丕強刃肝鑛
 愿初群妬昆扇於澆

1320

1335

傷為烟冊弄棋
 惜台又等英才
 誓初鑿脍棋廁
 別饒渚印余回
 工夫徐待閉數
 妝欺誓啐舛唐
 月娥染病咀嘆
 陸翁自謝躡蹠
 仰嘆坦穢矣高
 悲睢儂印昆低

1325

1330

枉功帑体啣之界澆
 藝文業武帑埃敢皮
 傷得君子別代帑沛
 几群得誅矣喂界矣
 他空朱及貝頭辰崔
 渚愧段慘夷苾緹愁
 輶更淚玉村控肝。鑛
 僑公差儿家臣邊邇
 知群忙誅理帑朱介
 忘弄傷妝易恬印帑

1320

1355

傷為齧糝歲頭
 傷為渚邛顯榮
 傷為堆侶渚成
 輒更庄吟紇珠
 陽間吟庄邛斯
 僑公式曳跣蚘
 勸浪渚可鳩芒
 彈琴埃妾找縷
 娘浪之掣溪傷
 吟它鸞鳳禮排

1345

1350

得代如俸蚨呂廊
 若灃事業花殘功名
 甌香鉢澆埃竹尋黏
 糶認幅像腓疔如寅
 陰宮別固戍身庄罍
 聃昆嘆咀怵棹弄鑛
 錦皮鞋托罍唐初吟
 庄戈擗造運嗟坤常
 欺空披揅舛唐庄台
 裋傾襜隻分尼屯甘

1340

1375

1365

打飢細朝銅開
 侈甕賊侮行凶
 太師弄庄穰推
 僑公坤押月戒
 太師用禮物迎
 聃屯昆媽僑公
 固得郎奇鬼高
 僑公弄吐庄愠
 身昆群等种矣
 霖辨誓庄娑帆⁹³

1370

1360

楚王判晦兩班群臣
 烏戈國號兵戎曳乱
 虎調恐恨筭棋飢弄
 禮侵逸吏術茹太師
 忌得媒灼結唐瘤家
 歲皮仁糝絲紅渚控⁹⁶
 太師賊重冲朝敕封
 昆皮侍節吒吹理吊
 嗔徐幅像論代衣崔
 淹銀逸伴橋籃⁹⁴連得

1395

牢朱僂浩安民
 太師產固仇
 課吟賊侮曳亂
 河朱安賊烏戈
 月戍界巧僑公
 娘界國色傾城
 姁娘術浩烏戈
 楚王暄奏順情
 敕封僑老太鄉
 月娥界躄械得

1385

1390

諸⁹⁸官埃別謀神
 倍鑛跪踏奏戈
 拱為貧色破殘
 迤昆媽卒交和
 歲皮台糝馬紅
 夷添仁字才情
 主番懌胞乙界
 珠批遣使蚱營
 役冲茹諾朕停
 撲¹⁰¹尋腦吟台
 進貢胡

1380

叱訛¹⁰⁰
 樺

花⁹⁹
 鑛

情^{141E} 典 杏 招¹⁰⁵ 台 杏 招¹⁰² 失 月 僑
 夫 吟 元 君 娘 元 君 情 娥 公
 婦 分¹⁰⁶ 跡 跂 庄 初 初 簪 冲 鄂
 菱 洎 薳 薳 屯 拱 拱 奴 胞 今
 君 界 池 江 沛 庄 貢 變 如 朝
 臣 些 夾 河 劫 安 胡 拱 抱 都

情 愿 傷 傷 又 為 為¹⁰³ 預 更 忠
 賒 共 能 弄 為 能 慢 遲 君
 拱 幅 良 茹 瑄 蘆¹⁰⁴ 延 補 庄 亮
 論 像 玉 漢 主 起^{104b} 壽 舍 昨 敢
 菱 粹¹⁰⁷ 論 娘 又 仇 畫 違 仍 呐
 斯 它 情 它 為 前 圖 魏 惱 哺
 拱 終 道 捐 討 劉 術 魁 式 調
 鉞 身 匹 生 吒 拱 番 声 依 市

1435

暗公歲傷娘庄卞僑牢義
 矜浪糲吒浪戈叫公牢情
 奄之俸歲群弔界叭娘沒
 典訛役梗索色計之朝預
 夢站茹柚高昆廷前帳當
 迓站茹柚高昆廷前帳當
 盧衝邊

1425

1420

可唉歛咬吧帑祀聵裋
 筭安祐欺偽帑廁昆命
 擻脍最燬拙固教嘆報
 使裋最察冷分誅訓咀
 台麻埃貝分誅訓咀
 迓送若朱別澆群管包
 行得吒澆群管包昆
 煩夫

1430

1455

娘浪役意屯停
 昆嗔迎襪陸翁
 乍朱恩菱援全
 僑公別持畧委
 陸翁蚪違艾欺
 尋岑除午登壇
 馮蚪幅像撩迸
 月娥曼¹⁰啻哭嘆
 罷尋末役濫齋
 瞿燿麻庄体燿

1445

1450

群卢缶字恩情渚衝
 溫齋罷脩論共雲仙
 防委¹⁰⁹齋準黃泉及饒
 頌朱錢¹⁰⁹洎給侯逸劫
 月娥臥達礼僕產床
 唆齋¹⁰⁹翻坦朱扣雲仙
 冲茹朱典朗埕調併
 雲仙英唉¹⁰⁹涿鑛固台
 卞兜鑛洎謝扇陸翁
 屯停艾¹⁰⁹妥¹⁰⁹膈紅無緣

1440

1475 1465
 身娥公月各漚沒庄扇
 尼浪浪娥迓官未旱之帚
 術徽脍倍吟車浩沒拱姁
 諾浩色遣色駕相趾噲妾
 烏高拙金典本泓沒啣術
 戈淩悼蓮尋皮沙賒媼番

1470 1460
 色自昆迓各靛愧貼悶決
 仃低仃迓官靛迓匕凡衝弄
 又賒紆親保侍女者自底役
 濞埃麻尪護迤預趾朱沛若
 魔侯吒船疏趾趾蚶吐謳
 坦体添祜船趾趾趾趾趾
 得吒愁戈船船船船船船

1495

1485

官軍調昨屯數
 嘆浪箕諾奴徽¹¹⁸
 連夫洛礼如詞
 店砿庄别店吊
 迓寻皮細隘銅¹¹⁶
 帆張船倍阻躡
 庄戈界役君王
 僑公淚玉流沙
 囂山鼠退蕩棧
 堆方南北隣為

1490

1480

踈蚘馮幅簾珠沒命
 景辰体妬得群術澆
 月娥女典邈絲庄論
 俸朮沕匕俸牢嘛匕
 溟溟濶穰洞匕弄勞
 各官迢連愧匕躡齷
 朱鍼父子匕塘賒吹
 各官埃乃拱界調傷
 意界塊衲術低探茹
 昆真吸夷艾菊濫朽

皇天不負弄誠
 雲仙英咲固台
 嘆末衺像鷓摠
 金蓮式曳恍台
 共饒調庄敢呼
 役爻¹²⁰昇役朝廷
 河朱謹慎羸唐
 詐婚術諾烏戈
 併末衝舍斫年
 督官車駕逸遡

羸犴噴吸拙情夷低
 妾愿侍接弄殖貝扌
 衺¹¹⁹泃¹¹⁹諾¹¹⁹止倍鑛跡殖
 共軍彩女爻排調占
 料筭謀計庄朱漏情
 督官台¹¹⁹邛乙命托冤
 金蓮替衺濫娘月娥
 埃麻拍奠埃麻尋螻
 發滂船屯典頭隘開
 交朱僚將扶娘術番

1535

又命隨仍悵傾
 寔虛渚別溫牢
 月娥縵發惺唏
 堆匹解¹²¹姝斯低
 引浪娘僑月娥
 觀音傷媽討瑱
 掣包霜雪店冬
 俸媵皮屈沅棧
 月娥踰龜神為
 埃台婢婢金蓮

1525

1530

1520

發堯夫屯娉燠彙東
 悲徐別劍尼帑改身
 定塊買坊余廁占包
 媵輝婁仕森回沒尼
 尋尼娘燭朱戈腦尋
 卞宛娘吏底扇園花
 命齣神堊冷湜埃台
 月娥魂唉制扇陰宮
 湜神逸拊臥尼堊扇
 鄧溫皇后浩番論代

1555

月娥於宅安尼
 冲茹空媽後生
 浪些生邛株薇
 裴翁惘違術茹
 頭雖嗜晦事情
 裴翁躄狂相娘
 最恥呂趾細低
 娘浪陣蠶歆戈
 翁浪娘於何方
 沒命拉幅像煙

1545

1550

店店持量事代斯賒
 尋盼鄧及螟蛉福矣
 牒界裴儉¹²²如群於京
 台暹對祆餒麻溫昆
 娘卞衤寔綖命疎戈
 庄莊臺閣拱竹簪纓
 嗔翁燭察味疔落唐
 洩船鍼妥身蚶對尼
 役之麻典十園花些
 侈澆吏及裴翁道園

1540

1575

濫得冲墜曠涓
 儉浪娘啲差耒
 森解篤論字從
 娘浪係分女兒
 像尼牢種雲仙
 体娘徐幅像人
 自寻体栢月娥
 月娥仍障愁悲
 仁卢分媽紅顏
 又卢為浩烏戈¹²¹

1563

1570

毘迓余栢得初僉帑
 埃曾半得麻甦幣昉
 甦牢托丕又煙麻崔
 沒句正節沛拱臥弄
 閉婁徐固灵天調之¹²⁶
 驗冲情意寅隣晦連
 店匕陳逐房花余吝
 發澆袞儉細欺術茹
 咳得保養婁筭理之¹²⁴
 弄咭杯罪吒糞吐冤

1560

1595

儉浪娘屬史經
 庄番退諾鄭甕
 娥浪曾讀史經¹⁵⁰
 娘牢庄情畧姿¹⁵⁰
 埃曾榻¹²⁹袄空禡
 冷汀沒隻船情
 哈之仍媿於厨
 於代埃忌霸郎
 主春蚱塊園春
 主春群於園桃

1595

1580

牢庄推察底命軻空
 覘得細紳園柚私情
 濫身昆媽字貞溫頭
 底措幅像冏姿寔躰
 啖餈空筵啖婆空槁
 迺台濇浩吸命臥澆
 沒根剗揀¹²⁸眾務冷涅
 匹春病歇斡鏜坤謨
 花殘葉沼界棱補荒
 蟬戈蚰夷別包饒吝

1580

1615

裴月庄得埃據唐漢夏胡
 翁娥械些匕冲初初姪楊
 吟别積庄拱册武吕后寔之
 吮都分紅得於冲咄蚘
 唠小紅得些矣蚘蚘蚘蚘
 柒人顏些矣蚘蚘蚘蚘

1605

1610

誘溫學得正沒異群最群
 娘声隊些專代尊聳
 朱筭如些專代克欺聳
 邛斫意些側惶賜拱三思
 姓脱敢仍毳衣拱沒耿
 堆身弘畀像夔夔沒耿
 昆身朱文像夔夔沒耿
 命朱君君君君君君君

1600

1635

温得執一牢竹
 細依緣色變緣
 字浪春不再來
 温之寔分紅顏
 望夫初拱鬢煙
 崔上勸渚咀蚶
 月娥假慌恹盃
 碎嗔吸夷廁尼
 碎嗔禡謝雲仙
 吒昆聃呐恹恚

1625

1630

係界歷事固經固權
 膝清霽沫襟船除埃
 尋吟花安啖埋花殘
 韞更衿鳳衿鴛冷弄
 尋擘疴瘳膈紅配波
 回共昇老沒茹朱吹
 疎浪得固功餒閉遲
 唉須蹇上仕回姻緣
 温齋罷脣朱全始終
 揆茹擻使動房朱吹

1620

1655

1648

照花繪冊本皮
 侈被典六更
 降迤塍粉又詞
 台邊坡梧榭檣
 選澄唐垞佻偽
 戈柁末夷邇岑
 鞋硃躑躅倘衝
 月娥趨叩回姿
 得珥矣佛拱邛
 晦浪娘沛月娥

1650

164c

古圖八寶整齊蒸蚘
 月娥衲筆題嗚句書
 鵬控幅像沒睽蚘趨
 店房問啟及欺膝霄
 固執蛻匕喇如趨遠
 蛸吟引唯螞叫惱懼
 皮澆矣屯彙東路頭
 尋尼盤石午侯括蹟
 老妃掇棊冲稜趨蚘
 可須助強術茹共些

1675

雲仙阻夷圭茹
 歲吒扇屯過羸
 計自染病塘賒
 姓店輶体翁仙
 段尼細次蚶代
 晦探界準烏巢
 月娥停脍於末
 趾飢体仍彈妃
 月娥半信半疑
 欺店輶体佛如

1665

漢明逸塊輶凹埃塘
 榔弄妝細潭止淚沙
 典吟併屯斯它粒解
 兜朱靈藥相連創蚶
 雲仙課意於尼厨厚
 開山余埃移飢細尼
 自低買歇浚溜準吊
 溫藝紉繩縵縹麻雀
 打料旺相遶移術茹
 得它覓保鍼麩細低

1570

1660

1635

1665

翁浪計苞余醉
 站廊姑伯斯賒
 陸翁浩相滌涑
 漢明阻吏庵霄₁₄₃
 耿虛群固耿城
 余韓歎唢漿萎
 仙浪福及科尼
 敢灑排栢蚶詩₁₄₀
 明浪俺本庄埋
 仙浪英吏故鄉

1650

1680

昆挻疾病啞鞞尼市
 調惻趨典質茹晦探
 埃提昆鞋連代体吒
 雲仙術沒膾遲細尼
 勸鸛字₁₄₁脍₁₄₂紵討殖
 苦靚群想郎霸妾捐
 牢牢拱併森回共饒
 苞停台字飯餵厨尼
 尋初縹沛案苔迤劫
 恩饒姿及科場仕台

1703
 1705
 仙浪患難掣包
 達棟禮物嚴莊
 源鑽魂媿顛靈
 想皮源浩檜核
 推得輒這哭忙
 雲仙諾相如涓
 翁浪固僑月娥
 如娘械買蚶皮
 雲仙聃啞喂
 晦浪娘意於堯

1710
 1700
 媿碎墳墓尼帛咏安
 讀棟文祭畧樂明生
 證朱昆袒弄誠尋吟
 功高彗丈菱苔吟
 台迓眾討堯朋得初
 祭耒夷晦役初於茹
 鉤鑽兜執剗茹鄧吹
 庄之苦樹補圭趨耒
 悒弄忤夷沒回縵數
 邛昆細謝答句恩情

1735

崔 唵 挾 体 埃 月 西 仙 僑 陸
 崑 崔 回 弘 提 娥 川 浪 公¹⁴⁵ 翁
 於 淚 固 胞 胡 扇 軒 感 於 述
 吏 泓 拙 吏 越 於 美 於 役
 邊 隊 女 添 堆 倘 月 西 朝
 尼 杆 生 疔 方 衝 戕 川 廷

1725

1730

1720

歆 拱 壑 坦 拱 别 典 碎 拱 頭
 埋 為 朱 矣 為 牢 尼 真 為 蠅
 体 又 株 包 擯 朱 蚶 趣 模 傳
 賴 事 桂 妄 造 邛 相 妬 倭 徃
 朱 怨 糴 分 鷓 團 僑 謝 貶 訢
 忤 恨 梗 禘¹⁴⁴ 鴈 圓 公 吒 權 情
 弄 鍼 牡 朱 分¹⁴⁵ 共 吳 娘 共 共
 糞 棋 丹 停 饒 弘 連 共 仙

尋初縹案連趨
 楚王判畧朝廷
 敕封副將平夷
 一聲奮發威雷
 開山直指登程
 溫黥恩諾咄茄
 發灑兵到開城
 將番台₁₅₂剗堂匕
 夷添骨突元戎
 漢明蚘飭先鋒

飯餒於崗翠微隱命
 旨傳赦眾漢明隊術
 仙明相會掣之愜₁₅₁惻
 先鋒後襲鼓回進兵
 領旗平賊破城烏戈
 討吒殖主買蚘雄英
 烏戈祐体出行拒當
 沒扞火虎沒扞赤龍
 栢捨鬚齧相凶選選
 打共火虎赤龍爻回

18:5

18:35

龜觀店段又又喂狀趨邀
 竹音序尼命命崔元昂迎
 砂課房尼命崔元昂迎
 湟畧荒次冲準費調骨突未
 鑽之
 泚

18:10

18:00

拱要庄於別路矣頭發元
 願離哈低埃遶它撩兜戎
 郵啞併麻唐最古馭取骨
 準妾弄欣路發霞落澄斯
 濶弄棋徊役
 臺棋女役之
 尋棋女役之
 饒懷

1835

老 宛 雲 於 老 月 叫 月 沛 坤
 妃 兵 仙 低 妃 月 浪 娥 之 壑
 聃 櫟 買 本 應 娥 埃 強 晦 夢
 聃 賊 叻 仍 叻 恠 於 解 邛 罷
 忤 烏 事 彈 得 駭 冲 杆 南 店
 台 戈 情 她 吊 雄 茹 愁 曹 秋

1825

830

1820

嗔 落 碎 濫 店 雲 塘 侈 店 坤
 翁 澄 界 牢 房 仙 術 矚 矜 壑
 渚 典 國 男 逕 竈 開 落 朱 棟
 執 晦 狀 子 稻 馭 隘 馭 典 戢
 碎 嗾 朝 法 固 倘 指 於 店 隊
 矜 茹 廷 麻 飢 衝 蚘 泐 吊 橋
 媒 她 差 庄 茹 趾 朱 細 及 邊
 糴 低 蚘 涼 些 飢 共 茹 饒 牢¹⁶¹

¹⁸⁵⁵ 月 浪 難 月 雲 老 頭 悔 雲
 它 娥 牢 笺 娥 浪 妃 浪 仙
 術 劫 娘 笺 娥 娘 庄 渚 魁
 準 納 庄 袄 赫 敢 燴 以 旺
 九 疎 叻 虎 吏 叻 事 像 月
 泉 戈 趨 的 低 奸 情 之 娥

¹⁸⁵⁰ 妾 得 咍 雲 栢 叻 像 真 咧 祝
 林 冲 廁 仙 夜 冲 尼 妃 埃 認
 論 幅 些 体 種 牒 本 可 窖 幅
 道 像 悔 丕 栢 户 寔 叻 啟 像
 另 牒 動 晚 得 像 種 姓 容 弄
 丐 界 之 喚 啖 尼 娘 名 伎 它
 龔 雲 庄 受 暹 些 魁 碎¹⁶⁵ 種 生
 陵 仙 界 欺 得 賸 代 詳 命 疑

1875
 侈 聃 軍 嗚 喋 聃
 恩 情 強 計 強 吟
 雲 仙 引 跡 初 蚘
 疎 浪 屯 寔 罍 得
 月 娥 榜 潮 杷 怙
 雲 仙 本 寔 牯 碎
 1855
 廁 讐 誓 海 盟 山
 疎 浪 吟 及 娘 低
 娘 卜 訖 寔 又 欺
 雲 仙 聃 叻 晦 叻

1870
 罰 莽 群 紘 練 矣 被 創 殖
 皮 稜 梧 泣 排 干 戈
 月 娥 欺 意 哭 和₁₆₈ 如 湄
 曲 溪 嗔 據 頭 揀 分 戈
 1860
 煙 衣₁₆₇ 牯 意 媯 浪 牯 之
 雲 仙 倍 馭 龜 跪 執 珣
 嗔 埴 𠂔 褰 仕 揀 源 杆
 搯 思 畧 沛 埴 恩 殊 耒
 及 饒 吟 屯 匪 耒 約 慄
 姝 信 浪 伴 姝 疑 浪 埃

1895

碎術魁幅像尼
 狀元自者老妃
 乍如量奇皮連
 仙浪娘併溫牢
 惘扇森合爻茹
 明浪想姊於番
 雲仙先漢明飢
 明浪嫂嫂於澆
 漢明欺意停兵
 雲仙迸馭阻蚱

1885

1890

1880

奏噴免罪遑賄術茹
 呻唳改吏月娥函尋
 今他₁₇₁罷畧買械術茹
 娥¹⁷⁰浪夫相回朝奏連
 賊它安賊謳歌回朝
 決先兵馬迎馮烏戈
 月娥蹲踈¹⁷⁰晚嘲固緣
 鄧俺蚱相姊妯体吊
 英俺惘悒訢情共饒
 体祺題字號界漢明

1915

1905

庄 楚 狀 今 沛 吟 判 楚 楚 仙
 噲¹⁷³ 王 元 傳 之 它 浪 王 王 明
 娘 聃 跪 開 歛 除 朕 趾 聃 迓
 唄 奏 晏 固 骨 忭 斬 狀 馭
 狀 柳¹⁷² 畧 朝 突 浩 金 元 阻
 元 旻 蒐 都 蚘 衝 番 階 術 蚘

1910

1900

共 閉 月 扇 澗 寔 固 廼 差 宓
 饒 數 娥 恟 牢 矣 的 擲 官 兵
 畧 朕 各 除 典 生 骨 礮 接 阻
 固 想 役 邛 妥 突 醜 賞 連 吏
 姻 浪 頭 賊 月 法 仙 才 朝
 緣 娘 雖 烏 娥 沖 法 狀 朝
 課 於 燿 戈 貢 浩 選 狀 欽
 頭 番 爨 末 胡 茹 遶 元 提 携

1936

楚王判畧陛前
 鄭歆畧奸邪
 狀元奏畧朝堂
 殖奸証固坦矣
 油朱日月燧燭
 太師畧庄卢爐
 楚王祐像判浪
 狀元緝醜烱烱
 詐婚惡意群棋
 太師畧陛跪奏

1925

1930

仍疑將哂碎賢麻崔
 害碎頤畧拱它棋番
 太師貯養碎奸冲詔
 役尼為朕眴廁械冤
 坤燿埒埒拱芒啣代
 少之民庶麻迤細娘
 月娥貞節杏朋得初
 卞先幅像跪釵濫憑
 月娥本寔罪辰欺君
 烏戈叛動閉數拱為

1920

1955

1945

不拱道主姜碎
 漢初固駟董公
 代初碎佞別包
 体得忠正庄吟
 典吟買燴正邪
 崔匕朕拱穰容
 郑歆界者暴殘
 月戒界媽忠貞
 僑公畧縹罪冤
 狀元揀賊屯平

1950

1940

太師意悶劫鬼珍重
 太師尚呂布劫涓劉
 太師吟固恪吊得初
 拱為課畧在些弃用
 太師革戢術共民間
 交朱國狀料筭法刑
 勅封郡主顯榮朝堂
 吟朱復戢濫官東城
 轎鑽傘鉤顯榮術茹

1975

狀浪係躄英雄
 韻浪如量故人
 初吟仍都無誼
 直浪明煨吶昂
 擗蚘刮郭朱耒
 明浪埃曼叫英

1965

傳軍卧郑韵臥
 狀元買晦又廁
 户王户漢户裴
 罷朝諸將調蚘

1970

帛埃固折都傍濫之
 本碎買瘦没吞噴容
 油朱奴鞋濫之軼身
 折蛛埃用釧鑽濫之
 底之菱相躄難肝
 畧它宥退庄苓辰崔
 糶認泣歇呶嘲各英
 郑韵罷意各得併牢
 共饒安旺調盃調哄
 狀元請歇營花迎難

1960

1995

1985

崔 亾 些 拱 穰 推
 郑 歆 塊 托 吐 盃
 群 仆 裴 儉 泐 玳
 漢 明 子 直 臥 奏
 沒 仆 裴 儉 庄 劫
 狀 元 車 駕 整 齊
 泊 鐘 宓 謝 老 把
 網 調 劍 泊 嶢 擘
 郑 歆 術 細 翰 江
 郑 歆 被 斲 吞 扇

1990

1980

傳 軍 馮 綈 迺 朱 末
 倍 鐘 跨 襪 蹠 蚪 術
 魁 齋¹⁵ 皮 栢 如 筭 皓 樓
 嗔 迺 國 狀 及 朝 榮 遙
 冲 弄 虎 悟 拱 為 泐 玳
 差 軍 護 衛 連 術 月 娥
 月 娥 自 謝 倘 戈 東 城
 狀 元 子 直 漢 明 迺 塘
 弄 神 妥 曳 船 弘 沈 跣
 扇 矣 果 報 理 尼 吐 應

2035

翁帝托郵陰司
 狀元欺意晦私
 余辨回買及榮
 埃提群体本官
 狀元欺意惘孟
 段崔車駕蚘術
 武公自郵涇鑽
 媿昆仍莽卢樞
 共些初固恩情
 鴛浪命於庄台

2025

2030

翁帝群鞋扇衣溫官
 沛外童子模難準尼
 共饒計妥登笈自垠
 匹秋僵侍墓芒屯末
 徊榮森合在尼大提
 旬餘發屯斯祺翰江
 粉鴛共媒瓊莊切愁
 聃雲仙鞋及朝功名
 沛蚘連連路程禍埋
 啖得群女仍尋冲壻

2020

2075

冤家 唆意 呂衝
 漢明子 直躄 槐
 咧朱 弄庄 懣弄
 竒竒 牢庄 韶超
 羨是 躄懣 通台
 阻術 渚及 細茹
 汰調 杯媿 是娘
 翠皮 坵矜 勃蓬
 矣箕 果報 尔回
 濫得 朱别 義淩

2065

2070

2060

少之 械淩 麻蒙 細喙
 咧浪 花窖 溫嗽 召翕
 群控 栢典 岩蓬 淩之
 術朱 嫂匕 底欺 捺鞋
 倍鑽 跽褪 躄躄 趾蚪
 体仁 翁級 踞蚪 連唐
 兜飢 夾補 冲墻 蒼松
 羨是 嘆哭 坤醜 蚪耒
 惜功 崙點 粉抹 闭姿
 及杆 患难 共饒 朱踰

2085

羸	孀	排	狀	竹
辨	冢	蚘	元	匕
別	屯	款	術	遶
余	稱	禮	細	退
精	孀	產	東	媵
神	家	床	城	昆

2080

生	扇	各	陸	托
昆	惘	官	翁	它
委	仁	趨	畧	杜
縞	戶	戶	屯	劫
躡	爻	媿	搓	醜
麟	苕	娘	營	群
袋	成	月	於	碑
匕	身	娥	廊	名

PUBLICATIONS DE L'ÉCOLE DES LANGUES ORIENTALES VIVANTES.

LES POÈMES DE L'ANNAM

陸雲僊歌演

LUC VÂN TIEN

CA DIËN

TEXTE EN CARACTÈRES FIGURATIFS

TRANSCRIPTION EN CARACTÈRES LATINS ET TRADUCTION

PAR

ABEL DES MICHELS

PROFESSEUR A L'ÉCOLE DES LANGUES ORIENTALES VIVANTES.

PARIS

ERNEST LEROUX, ÉDITEUR

LIBRAIRE DE LA SOCIÉTÉ ASIATIQUE.

DE L'ÉCOLE DES LANGUES ORIENTALES VIVANTES, ETC

28, RUE BONAPARTE 28,

1883.



Bìa quyển Lục-Vân-Tiên Truyện (bản chữ Nôm
do Duy-Minh-Thị đính chánh)

嘉定緒

惟明氏訂正

琴雲仙傳

佛
山寶華閣藏板